

G I A I P H Ầ M

BACH KHOA

- Bi kịch chính trị Hoa-thịnh-đốn
- Hiện tượng Trương Vĩnh Ký
- Khám phá mới về Gia đình báo
- Nghệ thuật và thời đại chúng ta
- Một huyền thoại của một xã hội biến động
- Đông y và bệnh mắt (Glaucome)

N^{*}
IIII OIV 414

- Thơ, Truyện : CAO TIÊU, LÊ NGUYỄN PHU, HÀ HUYỀN CHI, ĐẶNG TẤN TỐI, DU LI, TRẦN NGỌC KIM.



BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG 2.300đ.
MỘT NĂM 4.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay một năm : 600đ (mỗi số 25đ.)

* Ngoại quốc đường thủy thêm cước phí một năm : 1.560đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 22-7-74, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 90đ.	— Âu-châu, Bắc Phi	
— Ai-lao	: 90đ.	Trung Đông, Đại-dương-châu	
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 140đ.	Úc, Tân-Tây-Lan v.v...	: 365đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hôi-quốc	: 190đ.	— Hoa-kỳ, Gia-ri-ã-đại	: 440đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin để tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

oOo

1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	10.000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5.000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4.000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3.000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

N* :

TỪ MINH <i>bi kịch chính trị Hoa-thịnh-đốn</i>	05
HỒ HỮU TƯỜNG <i>hiện tượng Trương Vĩnh Ký hay là hóa trình từ người trí thức đến kẻ sĩ phu</i>	15
PHẠM LONG ĐIỂN <i>những khám phá mới về Gia Định Báo</i>	23
ĐỖ TRỌNG HUỀ <i>nghệ thuật và thời đại chúng ta</i>	31
ĐÀO TRƯỜNG PHÚC <i>Patty Hearst, huyền thoại của một xã hội biến động</i>	39
ĐỖ TRỌNG LỄ <i>đề nghị phương thuốc trị bệnh mắt (nhân trường hợp thi sĩ Quách Tấn bị bệnh Glaucome)</i>	45
TRẦN VĂN TÍCH <i>homo urbanus</i>	49
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>lá thư nước ngoài</i>	55
DU LY <i>một linh hồn sa mạc (truyện)</i>	61
CAO TIÊU — LÊ NGUYỄN PHU — HÀ HUYỄN CHI <i>tiễn thi hữu Tạ Tỵ hồi hưu (thơ)</i>	73
TRẦN NGỌC KIM <i>nỗi buồn gác trọ (thơ)</i>	74
ĐẶNG TẤN TỚI <i>bệnh lòng ; bước chân cỏ nội (thơ)</i>	74

SINH HOẠT

NGUYỄN HIẾN LÊ <i>nhân đọc "Mảnh vụn văn học sử" của Bằng Giang</i>	77
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	80
VĂN THANH <i>trình bày bìa (Hình ảnh của Võ an Ninh)</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 200\$ Công sở : 400\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

Sách nhận được trước 1-9-74

Bách Khoa trân trọng cảm ơn qui vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Tra-Am và Sư Viên Thành (1879-1928) do Nguyễn văn Thoa biên soạn, Môn đồ Ba-La và Tra-Am ấn hành, Thư Viện Quảng-Hưng Già Lam gửi tặng. Sách dày 360 trang gồm 2 phần : phần I khái quát về thân thế Sư Viên Thành từ thuở ấu thơ, tới lúc gặp gỡ Viên-Giác Đại-Sư rồi lên Tra-Am và Tra-Am ngày nay. Phần II Thơ văn trích tuyển của Sư Viên Thành và phụ lục về Viên Giác Đại Sư. Nhiều hình ảnh và tài liệu. Lời phi lộ của T.T. Thích Trí Thủ và Tựa của T.T Thích Trí Quang.

— Les archipels de Hoàng Sa et de Trường-Sa selon les anciens ouvrages vietnamiens d'histoire et de géographie của Võ Long Tê, do Bộ Văn hóa Giáo Dục và Thanh niên ấn hành trong tủ sách ngoại ngữ của Ủy ban dịch thuật. Sách dày trên 200 trang viết bằng Pháp ngữ và 40 bản phụ lục, khảo thuyết về các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa qua các tác phẩm Cổ về Sử Địa Việt, với những tài liệu và bản đồ in lại rất công phu. Tựa của Nguyễn Thế Anh. Bài thơ cảm đề của Tổ Nguyên Nguyễn Thọ Dực. Bản đặc biệt. Giá bản thường 1500 đ.

— Những vấn đề căn bản của chính trị, nguyên tác « The Great Issues of Politics » của Leslie Lipson, Đặng Tâm dịch, Tạ văn Tài hiệu đính, Hiện-đại xuất bản và gửi tặng. Sách dày 590

trang, trình bày tổng quát về nội dung chính-trị-học và sắp xếp các dữ kiện chính trị vào 5 vấn đề căn bản để giải thích và bình luận : Từ sự cai trị của đặc quyền, vấn đề bình đẳng đến tập quyền và tản quyền, quốc gia và Liên Hiệp Quốc vv., và tổng kết về các biến chuyển chính trị. Giá 950 đ.

— Nguồn gốc văn minh nguyên tác của Will Durant, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, Phục Hưng xuất bản và dịch giả gửi tặng. Phần mở đầu của bộ « Lịch sử văn minh » của Will Durant, một thiên trường ca tán tụng công lao kì dị của tổ tiên loài người và khuyên chúng ta yêu người đồng loại vì cùng chung một ông tổ. Sách dày 180 trang gồm 5 chương : Những điều kiện tổng quát của văn minh, yếu tố kinh tế, chính trị, luân lý, tinh thần của văn minh. Bản đặc biệt.

— Cháu bà nội tội bà ngoại của Nguyễn Hiến Lê do Lá Bối xuất bản nhân dịp lễ Vu Lan năm nay và tác giả gửi tặng. Sách dày 24 trang, khổ 10,5 x 20,5, giấy màu hồng rất đẹp, nội dung thật cảm động. Bản đặc biệt.

— Tư tưởng Lão Trang trong Y thuật Đông phương của Trần văn Tích, do An Tiêm xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 175 trang gồm 5 phần : Tam giáo và Đông y, hệ thống lý luận, thái độ xử thế của bậc lương y, Điều dưỡng nhiếp sinh, Thuật luyện đan. Rất nhiều hình ảnh. Giá 500 đ.

— Nụ cười dưới chân thang nguyên tác « The Smile at the Foot of the Ladder » của Henry Miller bản dịch của Lương Đình do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 62 trang, nhân vật chính là một chàng hề, với nhiều họa phẩm được in lại. Bản đặc biệt. Giá bản thường : 300 đ.

Bi kịch chính trị Hoa-thịnh-đốn



T.T. Richard Nixon đọc bài diễn văn từ chức trên màn ảnh truyền hình.

Đêm 8-8-1974 hồi 9 giờ 30 tấn bi kịch chính trị Hoa-thịnh-đốn đã kết thúc với sự ra đi của Tổng-Thống Hoa-kỳ Richard Nixon. Đây là lần đầu tiên mà một vị Tổng Thống Mỹ quốc phải từ chức trước áp lực của dân chúng. Trong những tháng vừa qua ông Nixon đã như một thú dữ bị sa lưới. Ông càng vùng vẫy, thì mạng lưới của luật-pháp lại càng xiết chặt lại cho tới khi ông không còn phương tiện để thoát khỏi sự bao vây của các phần tử đối lập và đành phải chịu thua mà ra đi.

Trong một bài diễn văn dài 17 phút, ông Nixon, bằng một giọng xúc động, đã tuyên bố rằng ông quyết định ra đi để nhường quyền cho Phó Tổng-Thống Gerald Ford vì ông nhận thấy vụ Watergate đã khiến cho ông không còn đủ hậu thuẫn tại Quốc-hội để tiếp tục sứ mạng của ông.

Trưa ngày hôm sau 9.8.1974 trong

khí ông ngồi trên phi cơ, trở về California thì ông Gerald Ford đã long trọng tuyên thệ để trở thành vị Tổng-Thống thứ 38 của Hiệp-chúng-quốc Hoa-kỳ.

Các biến chuyển tại Hoa-thịnh-đốn trong hai ngày 8 và 9.1974 đã là những sự kiện chưa từng xảy ra trong đời sống chính trị Hoa-kỳ nói riêng và trong lịch-sử chính-trị thế-giới nói chung. Thật vậy, vì phạm nhiều lầm lỗi cũng như đã không nói đúng sự thật, một vị Tổng Thống đã phải ra đi để duy trì định-chế quốc-gia và đồng thời bảo vệ truyền-thống dân-chủ của dân-tộc. Đó là ý nghĩa chính của tấn bi-kịch chính-trị tại Hoa-kỳ.

Sự nghiệp của ông Nixon chứa đựng đầy mâu thuẫn. Là một người thuộc giai cấp bình dân Richard Nixon đã lập được sự nghiệp với tính cần cù nhẫn nại đúng với mẫu «con người tự lập» (self-made man) mà người dân Mỹ luôn luôn ca tụng. Cũng vì ông là «con người tự lập» nên ông đã có những phương châm hành động khác với những chính-trị gia giàu sang từ trong trứng như Kennedy, Rockefeller. Nhưng chính những hành động này đã khiến dân Mỹ nổi giận lật đổ ông. Và sở dĩ dân Mỹ có thể lật đổ một vị Tổng Thống như ông Nixon, là vì các định chế dân chủ Mỹ đã vững vàng và đủ sức mạnh để tránh khỏi một sự tan vỡ mỗi khi gặp khủng hoảng.

I. MỘT SỰ NGHIỆP ĐẦY MÂU THUẬN

Xuất thân trong giai cấp bình dân, Richard Milhous Nixon, từ lúc lọt lòng mẹ, đã không được đời ưu đãi như một John Kennedy hay một Nelson Rockefeller, sinh ra đời với « chiếc thìa bạc trong miệng » (a silver spoon in the mouth). Nhìn vào quá khứ người ta thấy giòng họ Nixon, từ thế-hệ này qua thế-hệ kia, đã sống những cuộc đời cơ cực, lang thang từ vùng này sang vùng khác để kiếm ăn.

Vào thế kỷ thứ 17, tổ tiên của Richard Nixon đã được nhà độc tài Cromwell đưa từ Anh sang lập nghiệp tại Ai-nhĩ-lan. Vào đầu thế kỷ thứ 18, gia đình Nixon sống không nổi ở đất này, lại phải di cư lần nữa sang Hoa-kỳ tại vùng De-jaware. Nhưng ở đây cũng vẫn còn khó sống, gia đình Nixon lại phải di chuyển về phía Tây lập nghiệp. Người ta từng thấy một George Nixon đã 80 tuổi mà còn phải lom khom đi tha phương cầu thực. Francis Anthony Nixon, thân phụ của Tổng Thống Nixon ngày nay, khi xưa đã phải làm đủ mọi nghề để sinh nhai. Trồng khoai tây không sống nổi, ông sang vùng Colorado nuôi cừu. Nuôi cừu cũng chẳng đủ ăn, ông xin làm việc mắc dây điện tại một nhà máy trong vùng. Nhưng vẫn không đủ sống, ông lại đến vùng Ohio làm nghề bán vé xe lửa. Vì trời lạnh quá nên ông bị liệt một chân, Francis Anthony Nixon lại quyết định di cư tới vùng California ấm áp. Cũng tại đây mà Richard

M. Nixon đã ra đời cách đây 61 năm.

Đời của Richard M. Nixon là một cuộc tranh đấu không ngừng (1). Từ một cậu học sinh nghèo, Richard Nixon đã trở thành một sinh viên ưu tú được hưởng học bổng để theo học Viện Đại-học Duke ở Bắc Carolina. Từ một sinh viên nghèo đến nổi mùa đông phải đốt giấy báo lên để sưởi cho đỡ lạnh, Richard Nixon đã trở thành một Luật-sư. Tuy là một Luật sư ế khách nhưng không vì thế mà ông nản lòng. Hồi tham gia cuộc Đệ-nhị thế chiến, những lúc nhàn rỗi, Richard Nixon đã biết cách đánh xi-phê để kiếm chút vốn dùng vào việc tranh cử Dân biểu Hạ-viện khi chiến tranh chấm dứt.

Sự nghiệp của Richard Nixon từ năm 1948 trở đi bắt đầu đổi thay mau lẹ hơn trước, Năm 1948, đắc cử Dân biểu Năm 1950 đắc cử Thượng Nghị sĩ. Năm 1952 ra ứng cử Phó Tổng Thống cùng lên danh với vị Tướng nổi danh Dwight Eisenhower. Nhưng cũng không vì vậy mà sự nghiệp chính trị của Richard Nixon gặp khúc mắc. Sau khi làm Phó Tổng Thống 8 năm, ông đã bị Thượng Nghị sĩ John Kennedy đánh bại trong cuộc chạy đua vào Tòa Bạch-ốc vào năm 1960. Thất bại thế thảm hơn nữa là cuối năm 1961 ông bị thất cử trong cuộc bầu Thống-đốc Tiểu-bang California.

(1) Xin xem B.K. số 285 (15-11-1968) và B.K. (01-11-1972).

Và ông đã kiên nhẫn chờ đợi tới năm 1968 để trở thành vị Tổng Thống thứ 37 của Hoa-kỳ.

Lịch sử gia đình Nixon di cư từ Đông sang Tây trùng hợp với lịch sử cuộc Tây tiến của dân-tộc Mỹ. Sự bền gan kiên trì của Richard Nixon chính là đức tính của những người Mỹ tiên phong (pionniers) trong cuộc mở rộng lãnh thổ quốc-gia từ bờ biển Đại-tây-dương tới bờ biển Thái-bình-dương. Nhìn vào Richard Nixon người dân Mỹ như trông thấy mẫu người của xã-hội Mỹ. Vì vậy mà sự nghiệp của Richard Nixon là một sự nghiệp được tạo dựng theo đúng truyền thống Hoa-kỳ.

Nhưng một điều không may cho Richard Nixon là ông đã chọn nghề làm chính-trị. Nếu ông chọn một nghề khác, thì với tính cương quyết và nhẫn nại, với nghị-lực dồi dào, ông chắc chắn đã trở thành một tay đại tư-bản. Nhưng vì chọn con đường chính trị, nên ông đã bị dân chúng Hoa-kỳ phán xét nghiêm khắc các phương pháp hoạt động chính trị của ông. Người ta chê ông là lừa dối dân, là mưu mô xảo trá. Vì vậy mà người ta gọi ông là « anh Dicky ăn gian » (Tricky Dicky). Nhưng đã làm chính trị thì phải có những xảo thuật như vậy mới hy vọng thành công được. Vào thế kỷ thứ 16, chính Machiavel, một người luôn luôn được các học-giả tôn là thánh tổ chính trị, đã viết trong cuốn « Ông Hoàng » (Le prince) rằng : « Một ông hoàng khi trị nước cần phải biết xảo

quyết dối trá, miễn là bảo vệ được quyền lợi tối thượng của quốc gia ».

Khi không nói rõ sự thật về vụ Watergate cho quốc dân Mỹ rõ, khi dấu diếm những hoạt động quân sự bí mật của Mỹ tại một vài quốc gia, ông Nixon cũng chỉ làm đúng những hành động của một vị trưởng ngành hành-pháp. Tại Pháp cũng từng xảy ra những vụ nghe lén điện-thoại, bị báo chí, nhất là tờ Canard enchaîné, tố giác. Nhưng người dân Pháp cho rằng đó là những hành động thông thường nên đã bỏ qua. Bình-luận-gia André Fontaine trong tờ báo Le Monde ngày 10.8.1974 đã viết rằng : « Các quốc gia Âu châu vì đã quá quen với những tội-lỗi của chánh quyền nên đã trở thành rộng lượng hơn. Trong khi đó người dân Mỹ, mặc dầu với những phong trào phản văn hóa, với những hành động chống đối chính quyền, với những sự giải toả tình dục (défoulement sexuel) vượt mức, vẫn chưa thoát khỏi cái vỏ đạo lý bọc kín cuộc đời họ. Vì vậy mà nếu họ có thể chấp nhận được các Dân biểu thối nát, các Nghị sĩ tham nhũng thì họ lại hoàn toàn gạt bỏ những giả-thuyết một vị Tổng Thống không thành thật ».

Thái độ này của người dân Mỹ nói lên sự tôn kính mà họ dành cho chức vụ Tổng-Thống, một chức vụ được coi như thiêng liêng vì do phổ thông đầu phiếu cử ra. Do đó dân chúng Hoa-kỳ rất xúc động khi ông Nixon cuối cùng thú nhận rằng ông đã dính lư vào vụ Watergate sau khi đã chối cãi trong nhiều tháng trời

là không hay biết về vụ này. Từ xúc động đã đi tới phần nộ và sự phẫn nộ của người dân Mỹ mạnh tới mức Tổng-Thống Nixon đã phải ra

đi đề cứu vãn định-chế Tổng-Thống Hoa-kỳ khỏi sụp đổ. Đó là ý nghĩa chính của vụ Watergate.

II. Ý NGHĨA CỦA VỤ WATERGATE TRONG ĐỜI SỐNG CHÍNH-TRỊ HOA-KỲ.

Vụ Watergate đã là một vụ tai tiếng (scandale) trầm trọng nhất chưa từng xảy ra cho một vị Tổng-Thống Hoa-kỳ trong lịch-sử. Vụ này đã bùng nổ vào ngày 17-6-1972 khi cảnh sát bắt giữ năm người vì can tội đột nhập vào cao ốc Watergate, nơi đảng Dân-chủ đặt Bộ Tham-mưu vận động bầu cử Tổng-Thống. Trong cuốn sổ tay của một trong năm bị can người ta thấy có ghi tên Howard Hunt, một Cố vấn của Tổng-Thống Nixon. Năm ngày sau Tổng-Thống Nixon xác định là ông không có liên hệ gì tới hành động của 5 bị can tại Watergate.

Ngày 1-7-1972, ông John Mitchell, cựu Bộ trưởng Tư pháp, và là Chủ tịch "Ủy ban vận động cho Tổng-Thống Nixon tái đắc cử" đột ngột loan tin là ông rời bỏ mọi hoạt động trong Ủy-ban này vì lý do gia đình.

Vào tháng 8-1972, ông Nixon lại một lần nữa lên tiếng nhấn mạnh rằng các cộng-sự-viên của ông tại Tòa Bạch Ốc không dính líu gì tới vụ Watergate. Nhưng vào tháng 9, cả 5 can phạm trong vụ Watergate đều bị phạt tù và vào tháng 10 các báo chí Hoa-kỳ, nhất là tờ Washington Post, đã mở cuộc điều tra lần lần khám phá ra cả một kế-hoạch hạ

trung-cử-viên Dân-chủ George McGovern mà vụ Watergate chỉ là một phần nhỏ.

Bước qua năm 1973, mặc dầu ông Nixon tái đắc cử hết sức vẻ vang, các báo chí, Thượng-Nghị-viện và cả cơ quan mật vụ FBI vẫn tiếp tục ráo riết điều tra vụ Watergate. Ngay cả Tổng-Thống Nixon, trước dư luận xôn xao, cũng cử ông Archibald Cox, một vị Giáo-sư Luật học nổi tiếng của Viện Đại-học Harvard, làm, Chương lý Đặc biệt (Special Prosecutor) để điều tra không những vụ Watergate mà còn tất cả những vụ vi phạm luật bầu cử.

Cả một năm 1973, trong khi các báo chí tố cáo ông Nixon đã vi phạm luật bầu cử, nhận tiền đóng góp vào quỹ tranh cử quá mức luật định v.v., thì Ủy-ban điều-tra Thượng-viện do Thượng Nghị-sĩ Sam Ervin cầm đầu, đã hoạt động không ngừng để tìm ra ánh sáng của sự thật.

Trước các buổi điều trần, cựu Bộ-trưởng Tư pháp John Mitchell đã cố gắng che dấu tội cho ông Nixon. Nhưng cùng một lúc bà Martha Mitchell, vợ của ông Mitchell và là người đàn bà được coi có cái lưỡi dài nhất Hoa-thịnh-đổn, đã hết hợp báo, lại gọi điện-thoại hay gửi thư

cho các giới chức và báo chí đề tở cáo ông Nixon và lên án chồng bà đã toa rập với vị Tổng Thống vì luật này. Đề gây áp lực với ông chồng, bà Martha Mitchell đã đệ đơn xin ly dị.

Ngày 16-7-1973 một yếu tố mới đột nhiên xuất hiện trong các cuộc điều tra. Đó là việc Alexandre Butterfield, một viên Phụ-tá của ông Nixon tiết lộ trước Ủy-ban điều tra Thượng-viện rằng ông Nixon cho thu băng tất cả các cuộc đàm thoại trong Văn-phòng của ông. Thế là cả Ủy-ban Ervin lẫn Chương lý đặc biệt Archibald Cox đều cùng đòi Tổng Thống Nixon phải trao các cuộn băng đã thu được để tiện việc điều tra... Là một vị Tổng Thống cương quyết bảo vệ uy quyền cho ngành Hành pháp, ông Nixon từ chối không chịu trao các cuộn băng, nại có là phải giữ bí mật của chính phủ.

Vì ông Archibald Cox nhất định đòi nghe các cuộn băng nên ông Nixon đã quyết định cách chức ông Cox và đồng thời cách chức cả Thứ trưởng Tư pháp Ruckelhaus vì ông này không chịu tống đạt cho ông Cox lệnh cách chức của Tổng Thống. Đề tỏ tình đoàn kết với viên Thứ trưởng của mình, Bộ trưởng Tư pháp Elliot Richardson cũng xin từ chức. Việc ông Nixon cách chức luôn một lúc ba giới chức cao cấp nhất của ngành Tư pháp khiến dân chúng tin rằng ông đã dùng đủ mọi cách để làm cản trở diễn tiến các cuộc điều tra. Vào tháng 10-1973, các Dân biểu Hạ viện nhảy vào vòng

chiến bằng cách đưa ra một quyết nghị đòi truất phế ông Nixon. Cuộc tranh chấp giữa ông Nixon và ngành Lập pháp càng ngày càng trở nên trầm trọng. Vào tháng 2-1974, bằng 410 phiếu thuận và 4 phiếu chống, Hạ-viện quyết định thành lập một Ủy-ban Tư-pháp để lập thủ tục truất phế T.T. Nixon.

Trước sự chống đối ngày một mạnh của Quốc-hội, ông Nixon đã quyết định trao các cuộn băng cho Ủy-ban Ervin. Nhưng trong các cuộn băng này, những đoạn bất lợi cho ông Nixon đều đã bị xóa bỏ hoặc cạo sửa rồi.

Ngày 30-7-1974 Ủy-ban Tư-pháp Hạ-viện quyết định khuyến cáo khoáng đại Hạ-viện đưa ông Nixon ra trước Thượng-viện để xét xử. Ngày 5-8-1974 bắt buộc phải thú nhận, ông Nixon đã cho biết là ngay từ tháng 6-1972 chính ông đã tham gia vào các toan tính làm ếm nhem vụ Watergate. Và ngày 8-8-1974 ông lên tiếng từ chức trên đài Truyền-hình.

Như vậy người ta thấy người dân Mỹ đã tôn trọng sự thật đến độ họ dồn chính Tổng Thống của họ tới mức phải ra đi. Richard Nixon đã là một trong những vị Tổng Thống vĩ đại của Hoa-kỳ. Ông đã là vị Tổng Thống Hoa-kỳ đầu tiên sang Bắc-kinh để dàn xếp với Trung Cộng một số vấn-đề quốc-tế. Ông đã sang Mạc-tư-khoa để củng cố sự sống chung hòa bình. Ông đã thực hiện được ngưng chiến tại Việt-Nam (ít ra là về phía Hoa-kỳ), đã làm dịu

được mối hận thù giữa Á-rập và Do-thái tại Trung-Đông, ông đã lượm được một số phiếu kỷ lục của cử tri trong cuộc bầu cử Tổng Thống năm 1972.

Mặc dầu ông Nixon đã có những công lao to lớn, mặc dầu ông đã có một hậu thuẫn của dân chúng mạnh mẽ trong cuộc bầu cử Tổng Thống năm 1972, những người có nhiệm vụ đi tìm sự thật tại Thượng viện, Hạ viện, Tối cao Pháp viện, hay thuộc chính ngành hành-pháp cũng vẫn không ngần ngại tố cáo ông là vi luật. Nếu tại Quốc-hội, các Nghị sĩ và Dân biểu thuộc đảng Dân-chủ đối lập tìm đủ mọi cách để phanh phui các hoạt động bất-hợp-pháp của ông Nixon thì các Nghị-sĩ và Dân-biểu thuộc chính đảng Cộng-hòa của ông cũng không kém nghiêm khắc trong việc điều tra các hành động của ông. Những Nghị sĩ và Dân biểu thuộc đảng Cộng-hòa đã không ngần ngại hy sinh quyền lợi của Đảng để khôi phục lại uy tín cho định-chế Tổng-Thống.

Đối với các Nghị-sĩ và Dân-biểu này, người ta còn có thể nói rằng họ muốn hy sinh đảng viên Nixon tai tiếng để cứu đảng Cộng-hòa khỏi sự thất bại nặng nề trong cuộc bầu cử Quốc-hội vào cuối năm nay. Nhưng một sự-kiện đáng chú ý là các nhân viên thuộc ngành hành-pháp do chính ông Nixon bổ nhiệm cũng không kém hăng say trong việc điều tra các hoạt động bất-hợp-pháp của vị Tổng-Thống. Ngày 27-4-1973, ông Patrick Gray, quyền Giám đốc

cơ quan mật vụ F.B.I. đã cho Tổng Thống Nixon hay là các cộng-sự-viên của ông tại Phủ Tổng-Thống đã làm đủ mọi cách để cản trở việc điều tra sự thật và do đó yêu cầu ông Nixon đừng xin Thượng-viện chuẩn-nhiệm ông trong chức vụ Giám-đốc FBI nữa. Chúng ta đã biết ngoài trường hợp ông Gray, còn những trường hợp tương tự của Chương lý Đặc-biệt Archibald Cox, Thứ-trưởng Tư-pháp Ruckelhaus, Bộ-trưởng Tư-pháp Elliot Richardson...

Trước truyền-thống dân-chủ, trước thái độ đạo đức của dân chúng Mỹ — thái độ mà một số báo chí Âu châu coi là "ngây thơ" — giải pháp tốt đẹp nhất cho ông Nixon chỉ là sự ra đi.

Sự ra đi của ông Nixon nhằm 2 mục tiêu. Trước hết về phương diện cá nhân rời bỏ chức vụ để vẫn hưởng được nguyên vẹn quy-chế của một cựu Tổng-Thống và hằng năm sẽ được hưởng lương hưu trí là 60.000 Mỹ-kim (37 triệu đồng bạc Việt-nam) và 96.000 Mỹ kim phụ cấp Văn-phòng. Nhưng mục tiêu quan trọng hơn cả là tránh cho một vị Tổng-Thống Hoa-kỳ khỏi bị truất phế. Vì nếu Quốc-hội truất phế được một vị Tổng-Thống thì sự truất phế này sẽ thành ra một tiền-lệ nguy hiểm có thể làm cho chính thể Hoa-kỳ mất tính cách ổn-cố.

Vì vậy mà vụ Watergate đã có tác dụng thử thách sự vững chắc của các định-chế chính-trị Hoa-kỳ.

(xem tiếp trang 83)

Hiện tượng Trương Vĩnh Ký

hay là hóa trình từ người trí thức đến kẻ sĩ phu



O Bài sau đây là bài nói chuyện của tác giả tại trụ sở Trung tâm Văn bút Việt-Nam ở Saigon, sáng chủ nhật 28-7-1974.

Trước khi vào đề, diễn giả có nhắc tới cơ cấu Đông nam Á trong tương lai mà theo ông, chúng ta sẽ phải tiến tới, do đó phải chuẩn bị cán bộ cho giai đoạn này. 100 năm trước đây chúng ta đã có Trương Vĩnh Ký tự học mà từ một trí thức hiệp tác trở thành được một sĩ phu, một cán bộ phục vụ cho văn hóa dân tộc. Nay chúng ta có thầy, có tổ

chức văn học giáo dục, thì sự đào tạo cán bộ cho giai đoạn tương lai nói trên tất sẽ dễ hơn ngày xưa rất nhiều. Nhân dịp này diễn giả cũng nhắc cùng các trí thức vọng ngoại nên, hoặc bỏ xứ mà đi, hoặc noi gương Trương Vĩnh Ký mà hãy tự biến cái đề hóa thành những sĩ phu phục vụ cho văn hóa dân tộc. Quá trình biến hóa này diễn giả đặt ra một danh từ mới là « Hòa trình » nên mới có ghi thêm vào nhan đề bài nói chuyện là : « Hòa trình từ người trí thức đến bậc sĩ phu. »

Kính thưa liệt quý vị,

Tôi thành thật và sâu xa cảm ơn quý vị, đã đến đây để nghe thuyết trình về một nhân vật, mà mỗi người ở miền Nam đều có thể cho mình đã biết rõ rồi, và chẳng còn chi để nói nữa. Nhưng mà, đối với tôi, thời sự đã đưa ra những vấn đề lớn sau đây, chưa được ai nói đến, và cần nói ra.

Vấn đề lớn thứ nhất được đặt ra do một dữ kiện có tánh chất thời sự sôi bỏng. Thời sự này là việc cò xúy rầm rộ và có tầm vóc quốc tế cho việc cai đê. Cai đê hay không cai đê,

ngừa thai hay không ngừa thai, tôi không dám xét vấn đề một cách bao trùm và tổng quát. Tôi lại thấy một vấn đề nhỏ mà tôi thiết tha, cần bàn cho rõ ráo và tường tận. Sau ba mươi năm chinh chiến, dân tộc ta vốn đã chậm tiến, thêm cần tái thiết và phát triển, ắt cần nhiều cán bộ, nhiều nhà lãnh đạo, nhiều nhân tài. Những con nhà nhiều tiền của, bấy lâu nay được gửi đi học ở nước ngoài, chưa thấy có mấy ai về xứ với tinh thần phục vụ. Tất nhiên dân tộc phải quay nhìn vào thanh niên ở trong xứ. Mà thanh niên ở trong xứ, có tinh thần phụng sự

dân tộc, do kinh nghiệm cá nhân, tôi thấy họ thường xuất thân trong cảnh hàn vi. Nhận xét riêng tư này, cũng được một học giả đàn anh, năm 1929, đã viết trong tập phóng sự *Ngồi tù khám lớn*, và câu này được báo *Thần Chung* lúc ấy trích đăng chữ to trên măng-xét như sau :

« Phan Văn Hùm tiên sanh có nói rằng : « Dễ mấy ai hoàng thân đế tộc, mà từ bi bác ái như Thích Ca Mâu Ni cùng Khắc Lỗ Bào Đặc Kim ? »

Với cái nhìn như vậy, có thể nào lòng tôi cho phép ngừa đón, chẳng cho những đứa bé nhân tài ra chào đời ? Bởi vì kẻ tỵ phú tổn trong một trận cười vài giờ, đủ nuôi một nhân tài trọn đời, thì cái chiến dịch ngừa thai cai để phải chẳng có ý nghĩa độc nhất là một chiến dịch ngăn chặn trẻ con nhà nghèo ra đời ?

Vấn đề lớn thứ hai được đặt ra bởi tình hình kinh tế quá bi đát mà dân ta đương phải sống. Vì như, nhờ biện pháp nào đó, mà chúng ta giúp được một số trẻ thân đồng được chào đời, thử hỏi có những chánh sách nào để xây dựng những nhân tài mầm non ấy được trưởng thành, để mai sau phục vụ cho đất nước ? Nếu chúng ta chẳng có chánh sách nào cả, phỏng có ngoại lực nào ngó xa, thấy rộng mà khai thác những mầm non ấy, thì hậu quả sẽ ra sao ?

Hai vấn đề lớn nêu trên, một trăm bốn mươi năm trước đây, đã đặt ra hoàn toàn với nhân vật sơ sanh là Trương Vinh Ký. Bởi chánh sách sai lầm của Minh Mạng và Thiệu Trị,

Tự Đức, mà thân đồng Trương Vinh Ký, đến 22 tuổi, đã được công nhận là một trong 18 học giả lừng danh thế giới, nhưng lại là cán bộ thông ngôn cho đạo quân thực dân Pháp đến xâm lăng đất nước Việt-Nam. Cái hiện tượng một nhà trí thức, có tầm vóc cỡ ấy, mà bước đầu của người trong đời, mang cái danh trong lịch sử dân tộc, là một người *hiệp tác*; đó là một hiện tượng đáng cho những nhà lãnh đạo dân tộc suy gẫm.

Tuy vậy, đó chẳng qua là một vấn đề quá nhỏ, so với vấn đề sau đây mà tôi muốn đem ra bàn bạc cùng quý vị. Việc Trương Vinh Ký hợp tác với quân ngoại bang xâm lăng là do hoàn cảnh, do giáo dục, từ bên ngoài mà bao vây một thiếu nhi, một thiếu niên rồi một thanh niên. Trách nhiệm của sự kiện đó không nên qui về cho Trương Vinh Ký. Vì Trương Vinh Ký vị thanh niên, không chọn được cả cái chỗ đứng lẫn cái thế đứng của mình. Chỗ đứng này là chỗ đứng của một thanh niên trí thức mắc kẹt bởi điều kiện khách quan vào guồng máy của quân đội thực dân. Và thế đứng này tất là bị ràng buộc vào sự hợp tác. Nhưng mà, khác hẳn với bao nhiêu trí thức khác, nhà trí thức Trương Vinh Ký lần lần *hóa* nên một sĩ phu. Cái hiện tượng này, xét trong khuôn khổ thời sự ngày nay, trở nên là một vấn đề vĩ đại vô cùng.

Thật vậy, chiến tranh ý-thức-hệ xuất hiện ở xứ ta từ năm 1945, đến nay đếm gần ba mươi năm. Những thiếu nhi, năm ấy dưới mười tuổi,

đến nay tuổi chưa đầy bốn chục, cái tuổi mà Khổng Khâu gọi là « bất hoặc ». Những người này không chọn được chỗ đứng cho họ. Những người này cũng không chọn được cái thế đứng cho họ. Hầu hết, bởi sanh ra, mà họ đã đứng ở bên này hay ở bên kia, cái thế đứng của họ cũng vì bên này hay bên kia. Tóm lại, đa số họ là những người trí thức có phảng phất một cái gì na ná như Trương Vĩnh Ký vào lối hai mươi đến ba mươi tuổi. Vậy thì một số đông cũng có thể như Trương Vĩnh Ký, hóa từ một nhà trí thức ra một sĩ phu. Và như vậy, cái *hóa trình* của Trương Vĩnh Ký, từ một trí thức đến một sĩ phu, đáng đem ra mà nghiên cứu và bàn bạc vậy.

Thưa liệt quý vị,

Mặc dầu tiểu sử của Trương Vĩnh Ký đã được phổ biến nhiều rồi, song để chứng minh cái *hóa trình* nói nơi đây, tôi xin phác qua vài nét chính.

Sanh trong một gia đình công giáo vào thời Thiệu Trị, cha là lãnh binh Trương Chánh Thi bị chánh sách cấm đạo mà phải rời Nam Vang, về ẩn tại Cái Mơn và nơi đây có vợ, cũng công giáo, là Nguyễn Thị Châu. Ra đời chẳng bao lâu, thì Vĩnh Ký mồ côi cha, nhưng được mẹ chăm lo nuôi dưỡng, giáo dục, và cho đi học chữ Hán. Đến 11 tuổi, đã thông thạo *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, và nổi tiếng Thần đồng nên được một Linh mục người Pháp xin nuôi, cho học chữ quốc ngữ và chữ la-tinh. Kế rồi chánh sách đàn áp công giáo của

triều đình khiến cho hai thầy trò dạt nhau trốn ở Nam Vang, và nơi đây, được vào chủng viện Pinhalu. Nơi đây, Vĩnh Ký học thần học, triết học với ý đồ trở nên một vị Giám-mục. Nơi đây, người đã học thêm với bạn đồng chủng viện tiếng Cao-Miên, tiếng Lào, và tiếng Xiêm-La.

Năm 1850, được 13 tuổi, Vĩnh Ký được chọn gọi sang chủng viện Penang. Nơi đây, ngoài những môn học đặc biệt của chủng viện và tiếng la-tinh, người còn học những sanh ngữ khác, như Pháp ngữ, Anh ngữ, Y-pha-nho ngữ, Hoa ngữ Mã-lai-Á ngữ, Ấn-độ ngữ, Nhật ngữ. Cộng cả thảy là mười thứ tiếng khác nhau. Biết một thứ tiếng ấy là nắm được cái chìa khóa mở cửa vào một nền văn minh, nên chỉ vừa đúng thành niên, Vĩnh Ký đã nổi tiếng là thông kim bác cổ, bao gồm cả văn-hóa Đông-Tây.

Một nhân tài như thế không khỏi lọt vào mắt của đám thực dân đã dựng mưu lập kế xâm lăng để chinh phục Việt-Nam. Từ năm 1843, khi Vĩnh Ký mới 7 tuổi, chiến thuyền Pháp L'Héroïne do Favin L'Évêque lãnh đạo, đã xô đại bác trước Cửa Hàn để thị oai. Năm 1845, khi Vĩnh Ký mới 9 tuổi, chiến thuyền Alemene, do Fortier du Plant lại đến Cửa Hàn xô đại bác thị oai lần thứ hai. Rồi năm 1847, khi Vĩnh Ký mới 11 tuổi và được một linh mục người Pháp nhận nuôi, rồi dạt trốn lên Nam Vang, thì lần thứ ba, chiến hạm La Victorieuse, và chiến hạm La Gloire

lại đến Cửa Hàn, bắn tan hạm đội nhà vua Thiệu Trị, khiến cho vua này uất hận mà thăng hà. Sự trùng hợp ấy khiến cho có người đời sau tự hỏi, phải chăng từ năm ấy, thực dân đã có kế hoạch chọn thân đồng Trương Vinh Ký để đào tạo làm cán bộ của mình ?

Ví đầu năm 1847, thực dân chưa có ý đồ sâu xa ấy, thì năm 1858, tất nhiên chúng phải nghĩ đến. Năm ấy là năm thân mẫu Nguyễn Thị Châu của người qua đời. Trương Vinh Ký được phép rời Pénang trở về Việt Nam để thọ tang mẹ. Đi trên tàu của Pháp, từ Pénang trở về quê nhà, vị thanh niên trí thức nói được 10 thứ tiếng không khỏi được các nhà lãnh đạo thực dân để ý, và ghi tên vào sổ đặc biệt, hầu khi gặp việc dùng thì có ngay. Cơ hội này, đến ngay, vì ăn Tết năm ấy vừa xong, ngày 11 tháng 2 dương lịch, đô đốc Rigault de Genouilly đánh lấy Cần Giờ, rồi ngày 17, đánh lấy rồi chiếm luôn Sài Gòn, đề rồi xâm lăng cả xứ theo chánh sách tầm ăn lên. Kế hoạch lâu dài và to tát như vậy, tất nhiên đòi hỏi cả một bộ máy thông ngôn và thông dịch để cho quân đội Pháp giao thiệp với mọi tầng lớp người trong xứ. Đô đốc Bonard, ban đầu dùng cá nhân Trương Vinh Ký, kể rồi nhờ đứng đầu tổ chức trường đào tạo thông ngôn, khánh thành ngày 20 tháng 12 năm 1860, nơi ngày nay là Trung tâm văn hóa Lê Quý Đôn. Như vậy, mới thấy rằng, dầu muốn dầu không, Trương Vinh Ký, bởi vai trò trí

thức đặc biệt, mà phải là một bộ phận cần thiết của guồng máy thực dân, nên khó bề trốn tránh được.

Càng khó trốn tránh hơn nữa, là cái vai trò thông ngôn, trong những cuộc điều đình thương thuyết Pháp-Việt. Đầu năm 1862, Vinh Ký tham gia, với tư cách thông ngôn, vào phái đoàn Simon, là nhà thương thuyết toàn quyền, ra Huế để bàn việc cắt ba tỉnh phía Đông giao cho quân xâm lăng. Sau cuộc thương thuyết này, triều đình Huế toan tính mua chuộc lại ba tỉnh đã cắt nhượng, nên gọi một phái đoàn, do Phan Thanh Gản lãnh đạo, có Trương Vinh Ký làm thông ngôn, để gặp hoàng-đế Napoléon III. Nhưng thất bại nặng nề, phái đoàn đi về tay không, ôm bao nhiêu thất vọng trong lòng.

Nhưng riêng đối với nhà trí thức Trương Vinh Ký, chuyến đi sang Pháp đánh dấu một cái quanh trọng đại trong tâm tình. Ở Pháp, người đã tiếp cận được với giới trí thức : Renan, Littré, P. Bert, Victor Hugo, và xuyên qua những nhân vật này, Vinh Ký đã làm quen với những trào lưu tư tưởng tiến bộ của Âu châu. Là một con chiên ngoan đạo, Vinh Ký được vạch mây mù mà thấy được Cơ-đốc giáo nguyên-thủy. Mặc dầu những tác phẩm về Cơ-đốc giáo nguyên-thủy bị Tòa thánh Vatican cấm đọc, nhưng Vinh Ký đã lén đọc, và thêm nhiệm cái tình thần phục vụ đại chúng bình dân và nghèo khổ mà Jésus và 12 tông đồ, khi lập giáo, đã truyền bá. Đây là một cuộc thay đổi âm thầm trong tâm tư. Nên chỉ

khi về xứ, Vĩnh Ký bắt đầu thấy ánh sáng trong việc cấm đạo và đàn áp đạo của các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, và Tự Đức. Người dám nói công khai: "Người An-Nam đâu có thù ghét đạo Công giáo! Họ chỉ bất bình và phản đối những hành vi quá mức của một số linh mục dựa vào sự che chở của quân đội và chánh quyền Pháp lang-sa, để tiếp tục thi hành những việc bạo ngược. Bởi vì, xét cho kỹ, Công giáo và Phật giáo chẳng khác nhau bao nhiêu." Những lời nói như trên đây chọc tức bọn thừa nước đục thả câu.

Chúng mượn được cơ hội, khi mà triều đình Huế gọi vào Sài-Gòn một nhóm học sanh từng học nơi trường thông ngôn. Vĩnh Ký thấy rằng sự hai chánh quyền hiểu nhau cặn kẽ, xuyên qua những người thông ngôn có thiết tài, sẽ giúp cho sự giao hảo giữa đôi bên, nên chỉ ông đặc biệt chăm lo săn sóc cho đám học sanh này. Bọn người thù ghét ông lấy sự chăm lo đó làm bằng cớ để cáo rằng ông đương « phản » người Pháp và chăm lo cho triều đình Huế nhiều hơn. Viên Thống-đốc Nam-Kỳ do đó chỉ trả lương chức Đốc học cho ông hàng tháng mà thôi, lắm khi còn bày trò trả lương trễ ba bốn tháng để gài ông vào cảnh túng bấn.

Những việc bạc đãi này xảy ra sau năm 1864 và trước năm 1868. Bầm tánh của Trương Vĩnh Ký không phải là một nhà cách mạng, huy động quần chúng nổi dậy chống lại quân xâm lăng, như một Thủ

Khoa Huân, một Phan Đình Phùng. Ở vào cương vị xem được những tài liệu báo tri rõ ràng thế lực của đôi bên, với sự hiểu biết quán xuyến của ông, ắt ông cũng dè dặt lắm, nếu lòng có nuôi dạ chống đối. Nên chỉ, từ ấy, sự bạc đãi của thực dân khiến ông rút lui vào cương vị của một nhà trí thức thức thời, mà lúc ấy, ông thấy rằng chỉ có con đường *khai dân trí và tấn dân đức*. Từ ấy, ông bắt đầu sống trong cảnh thanh bần. lo việc sáng tác văn hóa.

Lùi lại thời gian, phần sáng tác này chia ra làm ba phần rõ rệt.

Phần thứ nhất đề dạy dỗ người Pháp biết ngôn ngữ và phong tục của người An-nam. Ông cho rằng nếu người Pháp rành về khoản này, ắt tránh được lắm điều đáng tiếc. Mà điều đáng tiếc hơn cả, là lữ thông ngôn, dựa vào quyền thế ngoại bang, để bóc lột dân dốt nát. Điển hình hơn cả là việc đối thoại giữa ông và một học trò cũ, học ở trường thông ngôn với ông, rồi ra làm thông ngôn ở Tân An. Vị quan lại trẻ tuổi mà tài cao này, tên là Lê Phát Đạt, chỉ trong vòng ba năm, mà đã gom được một số tiền nôi hơn mười ngàn đồng (quá bạc tỉ bây giờ) và cướp của công khai đồng bào có chút tư tưởng yêu nước, bằng cách hù cho gia đình họ làm giấy giao sự nghiệp chìm, nổi, bất động cho ông cất giữ cho, chờ vận hội mới, sẽ trao trả lại cho. Do đó mà đất đai mình mông, chẳng biết đâu mà kê. Gặp thầy cũ sống trong thanh bần, quan thông ngôn Lê Phát Đạt khoe tài

làm giàu của mình. Thì ông khuyên, với giọng nhuốm mùi tôn giáo : « Này cháu ơi, chớ vội vui mừng. Đương lúc vui, nên gẫm mà buồn lẫn lẫn đi. Đến khi mà nguy khốn đến nơi thì dễ đuổi tan sầu não. Trong hồi khổ cực, mà biết nghĩ đến lúc vui mừng, thì hãy vui. Việc gì cũng có trả có vay ». Lời khuyên của Trương Vinh Ký, tuy đượm mùi triết lý, có được ai nghe theo ? Nên chi ông nghĩ rằng, nếu thực dân mà hiểu được trực tiếp dân đen, có lẽ hành vi của bọn trung gian này ít tai hại bằng.

Phần thứ hai là đề dạy cho mọi người, chớ chằng phải riêng cho học trò ra làm quan, biết được tiếng Pháp, đề mà hiểu người Pháp, và văn minh Pháp hơn.

Nhưng mà phần thứ ba, mới là quan trọng, là mở mang trình độ và địa hạt hiểu biết của người Việt đối với văn hóa của mình. Công việc này đáng ghi đời đời dính vào tên Trương Vinh Ký vậy.

Do cái phần thứ ba này, mà năm 1868, Trương Vinh Ký nhận quyền Giám đốc của tờ *Gia Định báo*. Báo này, ban đầu do chính quyền thực dân sáng lập năm 1865, đề đăng tải những công văn, nghị định, mà phát cho các cấp làng xã chiếu theo mà làm việc. Trương Vinh Ký tiếp tục phần công văn ấy. Và thành lập một bộ biên tập với Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh Ký, Tồn Thọ Tường, thêm đăng tải một vài bài do các nơi gửi đến. Ngoài phần công văn, bắt đầu có phần khảo cứu, sáng tác,

nhằm mục đích cung cấp một món ăn tinh thần cho độc giả.

Đề tỏ chức đời sống phụng sự dân chúng bằng văn hóa, Trương Vinh Ký gom góp tiền tiết kiệm của mình và của riêng của vợ, mà mua một thửa ruộng nhỏ tọa lạc ngày nay, nơi góc đường Trần Hưng Đạo và Trần Bình Trọng. Thuở ấy, con đường Trần Hưng Đạo chưa có. Từ bến sông, chỗ nhà thương Chợ Quán, đi vào nhà thờ, chỉ có một con lộ đất, sau này mở rộng có xây cất nhà thờ tại đây. Giữa đồng, hai vợ chồng cất một ngôi nhà con đề được yên tĩnh cho ông viết lách. Ngôi nhà này nay không còn, nhưng ngay chỗ đó hiện nay vẫn còn ngôi mộ của Trương Vinh Ký.

Năm 1872, ông được phong làm Tri huyện hạng nhất, nhưng ông từ chối việc đi làm quan cai trị, mà chỉ giữ chức vụ Giám đốc Trường Thông ngôn, bấy giờ mở dạy thêm tiếng Miên và tiếng Lào.

Cái hóa trình từ nhà trí thức đến sĩ phu tưởng đâu xuôi dòng đề cho Trương Vinh Ký êm đềm nhẹ bước trên con đường văn hóa. Nào dè cảnh chẳng chiều người. Quân đội xâm lăng, thi hành chánh sách tàn thực, năm 1884, ép triều đình Huế ký hiệp ước Pâtenôtre, đặt toàn quốc dưới quyền thống trị. Toàn quốc nổi lên phong trào Cần vương, vua Hàm Nghi xuất bôn, thần kinh dấy loạn. Chánh phủ Pháp, một mặt dùng chính sách sắt máu đàn áp bằng võ lực, một mặt bọc chánh sách sắt máu trong nhung lụa, đề dụ dân,

Nên cử Paul Bert sang làm Toàn quyền đồng thời đưa vua Đồng Khánh lên ngôi. Paul Bert vốn quen biết Vĩnh Ký từ năm 1863, hết sức nài nỉ cho Vĩnh Ký giúp mình trấn an dân tình, mượn có tiết kiệm máu xương của người Việt. Một mặt, vua Đồng Khánh đãi ngộ rất mực cung kính. Vừa lên ngôi ngày 06 tháng 08 năm 1885, thì 21 ngày sau, ngày 27 tháng 08, vua Đồng Khánh ngự tứ sắc phong Trương Vĩnh Ký làm Hàn Lâm Thị Độc Học Sĩ, sung Cơ Mật Viện.

Nhưng mà Vĩnh Ký đi lệch ra ngoài con đường của mình chẳng bao lâu. Bản thân của ông, và có thể giúp ông thực hiện lòng nhân đạo, là Paul Bert đã từ trần 1886. Kể rồi vua Đồng Khánh cũng ra đi. Cương vị của ông tại triều đình, thấy ra, không ngoài việc dòm ngó hành tung của triều đình để làm một tay báo cáo cho thực dân, nên ông từ chức, trở về Nam để lo việc trước tác. Và việc này để cho ông mang nợ và sống trong cảnh cơ cực, tại nhà riêng cho đến năm 1898, với danh nghĩa là một sĩ phu gặp hồi quốc nạn.

Thừa liệt quý vị

Danh nghĩa sĩ phu này, không phải do tôi võ đoán mà gán cho Trương Vĩnh Ký. Trước tôi, ngay lúc Vĩnh Ký còn sanh tiền, một nhà ái quốc có uy tín toàn quốc đã nhận như vậy. Nhà ái quốc này, là cụ đồ Nguyễn Đình Chiểu, mà đến nay, không một ai hoài nghi sự nhận xét của cụ. Trong tập thơ văn chép tay, mà bởi sự mù lòa, nên đọc cho con gái chép

thay cho, những người đồng thời với cụ, hoặc được cụ đề cao, như Phan Thanh Giản, Thủ khoa Huân, Trương Công Định, Phan Công Tông hoặc bị cụ mặt sát, như Tôn Thọ Tường. Riêng đối với Trương Vĩnh Ký, khi vua Đồng Khánh sắc tứ làm Hàn Lâm Thị Độc Học Sĩ, thì cụ ra lệnh cho con gái là Nguyệt Anh cô, chép trọn bài sắc vào tập gia bảo ấy. Những luận điệu của vua Đồng Khánh, cụ đồ Chiểu cho là phải, nên cụ lưu niệm cho ta được biết. Thật là một tài liệu đáng công bố, và tôi mong Khố Văn Hóa và Nha Khảo Cồ làm việc đó.

Sau cụ đồ Chiểu, tôi xin dẫn chứng một dư luận tập thể của toàn dân đứng dậy, năm 1945, vác tầm vông vạt nhọn mà chống xâm lăng. Lúc đó, tất cả tượng đồng, đều bị dân chúng triệt hạ, chỉ chừa tượng của Trương Vĩnh Ký còn đứng sờ sờ tới ngày nay. Cũng năm ấy, tên người được dùng để đặt tên đường, tên trường, tên công thự, đều bị thay đổi. Nhưng tên của trường Trung học nằm tại đại lộ Cộng hòa ngày nay vẫn để y. Cho hay, dầu những người chánh trị cách mạng cực đoan đến đâu, cũng chẳng dám đá động đến Trương Vĩnh Ký trong lúc mà họ không nhơn tay tha chết cho một Phạm Quỳnh.

Có lẽ, số báo đếm thành số trang của *Gia Định báo*, đếm không bằng số trang của tạp chí *Nam Phong*, nên những người viết sách quên nhắc Trương Vĩnh Ký, mà không tiếc lời đề cao Phạm Quỳnh. Nhưng tôi thấy

trong tác phẩm của Trương Vinh Ký, việc phổ biến văn hóa không có sơn màu vọng ngoại, mặc dầu, với sự được Tây phương liệt kê mình vào một trong số mười tám danh nhân trong thế-giới và mặc dầu Trương Vinh Ký hiểu rõ Tây phương hơn bất cứ ai.

Nhưng không lẽ vì lý do đó, mà ta để cho tên của người mai một trong ký ức của thanh niên ngày nay. Bởi vì quên tên Trương Vinh Ký, ấy là quên cái quá trình và cái *hóa trình* từ một nhà trí thức hợp tác với ngoại bang để đến một bậc sĩ phu đối với thời đại của mình. Tôi tưởng nên nêu gương sáng của những nhà ái quốc, để cho giới trẻ ngày nay biết yêu quê hương và dân tộc. Mà tôi cũng tưởng rằng nên vạch lối cho những thanh niên ôm bằng cấp lớn, ngồi địa vị cao, khi mà ngoại bang rút đi, không đến nỗi vác bằng cấp, ôm tiền bạc để bỏ quê hương đến lưu vong nơi xứ người. Ngoài con đường tuyệt vọng ấy, hãy

còn có được con đường mà Trương Vinh Ký đã âm thầm đi, tức là cái *hóa trình* từ nhà trí thức đến kẻ sĩ phu.

Vấn đề mà tôi đặt hôm nay găm ra có tánh chất thời sự. Trong lương tâm của mỗi người trí thức khoa bảng, nếu còn mảnh lương tâm, ắt đã đặt ra rồi. Trương Vinh Ký, hơn trăm năm trước đây, đã có lời giải cho vấn đề ấy rồi. Ngay trong lúc mà thực lực của ngoại bang còn quá mạnh. Hôm nay, tôi đem lối giải quyết ấy mà thuật lại cho liệt quý vị nghiên ngẫm, trong lúc mà dân tộc đương trên con đường thu hồi sự tự do của mình. Bởi vậy, nếu tôi đã làm cho quý vị tốn thì giờ, thì quý vị cũng sẵn lòng tha thứ cho vậy.

Thành thật, tôi xin cảm ơn liệt quý vị.

HỒ HỮU TƯỜNG

28-7-1974

TIN MỪNG

Vui mừng biết tin nhà thơ

đã tìm được LÊ VĂN NGÂN
HỒ HẠNH PHƯỚC

Cầu chúc hai bạn trăm năm hạnh phúc

Nguyễn Mộng Giác, Lữ Quỳnh, Hoàng Ngọc Tuấn, Châu Văn Thuận,
Nguyễn Chí Kham, Đặng Tấn Tới, Vũ Phan Long, Hồ Ngọc Ngự.

Những khám phá mới về GIA ĐỊNH BÁO

Trong bài trước, chúng tôi đã giới thiệu bài dạy làm báo đầu tiên ở nước ta với Lời rao đăng trong số 6 Gia định báo ngày 24-2-1870. Hai tháng sau tức trong số 11 Gia định báo ngày 8-4-1870, nhà cầm quyền thuộc địa chỉ thị các thầy thông, thầy ký, giáo tập thường xuyên gọi tin tức địa phương về toà soạn Gia định báo:

— Lời cùng các thầy thông ngôn, ký lục, giáo tập vân vân đăng hay: Nay việc làm Gia định báo tại Sài Gòn ở một chỗ, nên không có lẽ mà biết các việc mới lạ các nơi trong 6 tỉnh mà làm cho thiên hạ coi; nên xin các thầy cứ mỗi tuần hay là nửa tháng phải viết những truyện mình biết tại chỗ, tại xứ mình ở, như:

Ăn cướp, ăn trộm.

Bệnh hoạn, tai nạn.

Sự rủi ro, hùm tha, sấu bắt.

Cháy chợ, cháy nhà, mùa màng thê nào.

Tại sở nghề nào thanh hơn vân vân.

Nói tắt một lời là những truyện mới lạ đem vô nhựt trình cho người ta biết. Viết rồi thì phải đề mà gọi về cho Gia định báo chánh tổng tài ở Chợ quán.» (Trích Lời rao số 11 năm thứ 6 ngày 8-4-1870)

Sau lời rao này được xem như

một cái lệnh của nhà cầm quyền thực dân, các thầy thông, thầy ký, giáo tập thi đua nhau gọi bài về Gia định báo. Lượng thì có nhưng các tác giả không theo đúng qui tắc của bài gọi đăng báo. Cho nên trong số 21 Gia định báo ngày 1-7-1870, ban biên tập cho đăng thêm Lời rao gồm một vài điều giúp ta biết qua đường lối của tờ báo và cách làm việc của ban biên tập:

— Những kẻ coi nhựt trình thì phải có ý cùng hiểu đều (1) này là: Thường những chuyện tạp vụ các nơi trong đất Nam kì gọi về cho kẻ coi việc Gia định báo, thì có kẻ coi lại, có trặc thì sửa lại xuôi cho dễ nghe vì các thầy gọi vô nhựt trình thì cũng đã ưng chịu làm vậy; lại cũng đề tên các thầy ấy kí lấy vì là của các thầy ấy viết và gọi. Còn như phần công vụ các bài nghị quan lớn Nguyễn soái cùng những khúc chẳng có tên ai đứng thì là kẻ coi nhựt trình làm. Mà những khoản thăm xét án các quan tham biện (2) hay là trả lời cho kẻ qui đơn. Việc nọ việc kia thì là của Hội đồng quan Thống sát Nam kì luật vụ làm ra sẵn rồi mà gọi đem vô Gia định báo, có tên người đứng kí vô đó, thì hễ gọi thế nào thì in ra thế ấy mà thôi. Cho nên khi có điều gì không được cho rõ mấy thì xin kẻ coi nhựt trình

(1) Chữ đều luôn luôn viết thiếu i.

(2) Tỉnh trưởng người Pháp

chớ trách cứ kẻ coi việc ấy...» (Trích lời rao số 21 Gia định báo ngày 1-7-1870).

Tám gương sinh hoạt của người dân miền Nam thời kỳ đầu bị trị

Tờ Gia định báo ra đời năm 1865 và chấm dứt năm nào cho tới nay chưa có tài liệu nào chính xác. Ấn bản cuối cùng hiện còn lưu trữ tại Thư viện quốc gia Sài Gòn ghi năm 1897. Từ năm 1865 đến năm 1897, trong suốt 32 năm, Gia định báo có thể chia làm 3 thời kỳ:

— *Thời kỳ đầu* từ năm 1865 đến năm 1869: Trong thời gian này, dưới quyền điều khiển của Ernest Potteaux tờ Gia định báo chỉ có phần công vụ để đăng các thông tư, nghị định, lời phán, lời rao, các bản án tòa của nhà cầm quyền thuộc địa.

— *Thời kỳ thứ hai* từ cuối năm 1869 đến năm 1872, với Chủ bút Trương Vĩnh Ký, khởi sắc là phần tạp vụ gồm nhiều tin tức địa phương cũng như các bài về sử nước nhà, chuyện đời xưa, chuyện giải buồn. Nhờ đó, phần tạp vụ đánh dấu bước tiến khả quan của chữ quốc ngữ. Sở dĩ chúng tôi chọn năm 1872 là vì đầu năm này, dựa vào nghị định số 2974 ngày 26-12-1871 trong tập hồ sơ cá nhân, ông Trương Vĩnh Ký thôi làm chủ bút tờ Gia định báo và được nhà cầm quyền Pháp cử làm Giáo sư tại trường Sư phạm kể từ ngày 1-1-1872 với bằng cấp hàng năm 3.600 francs. Trong thời kỳ này, ấn bản Gia định báo năm 1870 được xem là trội hơn cả

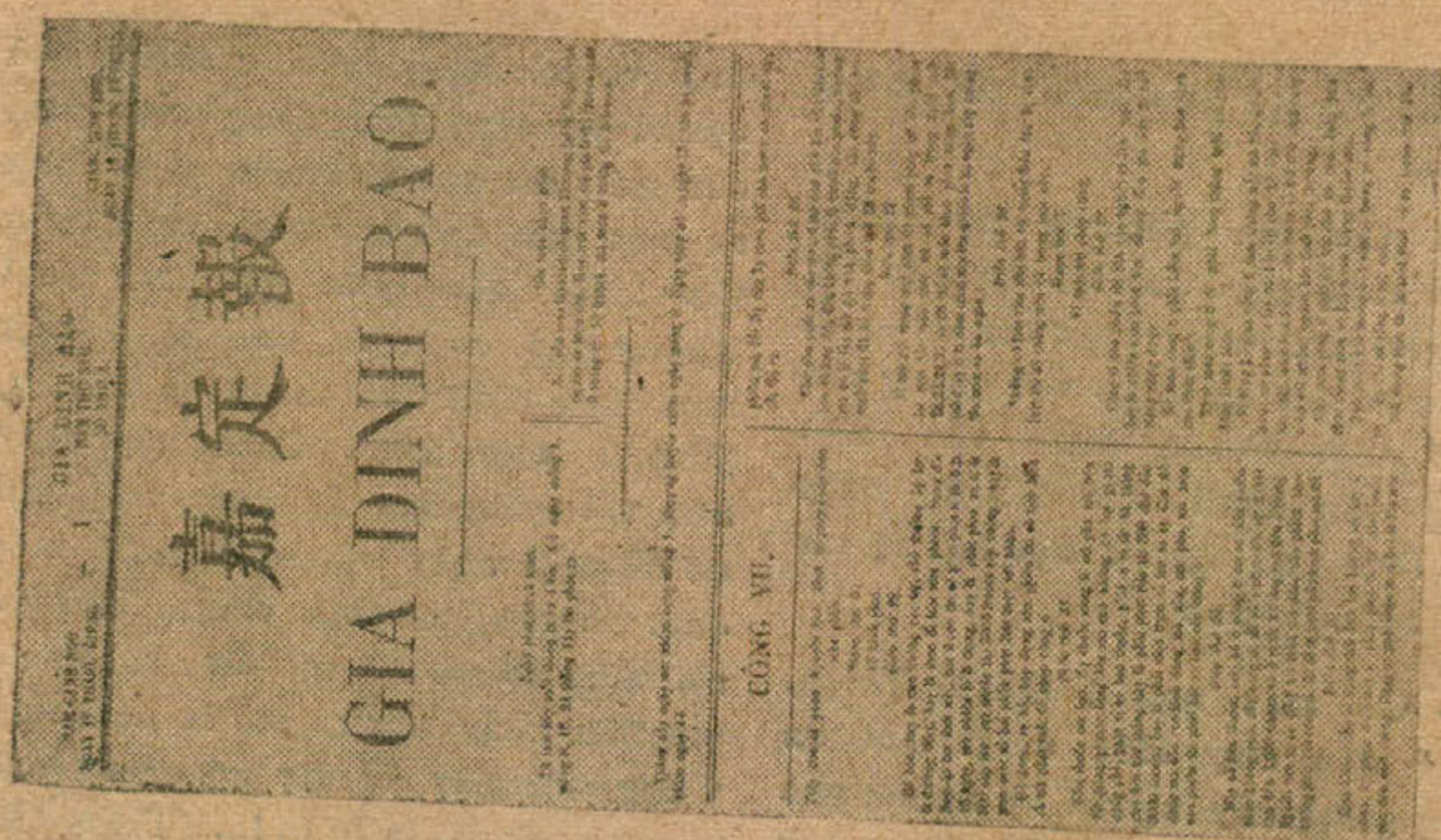
mang rõ các sắc thái sinh hoạt của Nam kỳ lục tỉnh qua các tin tức do các thầy ký, thầy thông, giáo tập địa phương đóng góp.

— *Thời kỳ thứ ba* từ năm 1872 cho đến lúc đình bản, tờ Gia định báo được trao quyền quản xuyến lúc đầu cho ông Bonet, sau cho ông Potteaux. Tại Thư viện quốc gia Sài Gòn hiện còn lưu trữ Gia định báo từ năm 1880 đến 1897. Trong thời kỳ thứ ba này, tờ báo được chia làm 3 phần: phần công vụ đăng các thông tư, nghị định, lời rao của nhà cầm quyền thuộc địa; phần ngoài công vụ đăng biên bản của các phiên họp Hội đồng quản hạt và phần thường vụ gồm các bài khoa học thường thức, vệ sinh công cộng không ghi tên tác giả và các bài ngụ ngôn Tây Âu được ông Trương Minh Ký dịch ra quốc ngữ (1).

Trong suốt 32 năm, tờ Gia định báo đã đóng một vai trò thật hệ trọng chẳng những trong nếp sống của người dân trong Nam thời kỳ đầu bị trị mà còn chiếm địa vị hầu như độc tôn trên tiến trình phát triển chữ quốc ngữ. Trong suốt 32 năm ấy, chúng tôi chọn Gia định báo năm 1870 để giới thiệu một vài nét đặc biệt của tờ báo này.

Như trên đã ghi, phần tạp vụ trong Gia định báo năm 1870 được phong phú nhờ sự đóng góp tích cực của các quan phủ huyện, thầy thông, thầy ký, giáo tập ở khắp nơi trong Nam gởi về. Hầu như chuyện chi

(1) Xem Khảo về Gia định báo, cùng tác giả, Trí đăng sắp xuất bản.



Tờ Gia Định Báo

khả thích thứ ở địa phương không lọt khỏi mắt xann của hạng ký giả con nười của chế độ. Bộ biên tập Gia định báo chọn lại đề mỗi số báo có tin tức ở các tỉnh quận. Đây là các bản tin của địa phương từ chuyện cọp bắt, cọp vồ, cọp ăn, chuyện ăn trộm đến chuyện vợ bỏ chồng theo trai đàn bà thua bài, từ chuyện hạn hán, mất mùa đến chuyện té giếng, chết sông, trời đánh, cháy nhà, gây lộn, trẻ bất hiếu chưởi cha mắng mẹ. Nói chung là những sinh hoạt của người dân nhìn qua lăng kính của giới có học nhưng sớm hàng phục chế độ tân trào (1). Đề nhận định rõ lối viết tin ngày xưa, xin mời bạn đọc thưởng thức mẫu tin nhỏ khá ngộ nghĩnh xảy ra tại Biên hòa cách đây hơn 100 năm :

— Có tin bên Biên hòa người thân thuộc gởi về mà nói rằng: Bên ấy có một điều tai nạn lắm là ngày 25 tháng décembre có người ở làng

Tân phong, tổng Phước Vĩnh trung, đem một gói cào cào lửa, lớn đều nhau bằng ngón tay út đờn bà rùa bả n cho quan tham biện hay. Không biết bởi đâu mà có giống quái gở ấy đến phá mĩa người ta. Nó nhiều quá ước chừng mấy xe chở cũng không hết; khi nó bay ngang qua đường đi thì hai người đi đường không thấy nhau, còn nó vù vù đến đôi hai người nói chuyện với nhau không dặng. Nó sa xuống đâu thì khốn đến đó : Nó ăn một giờ hết ba đám mĩa.» (Gia định báo số 2 năm thứ 6 ngày 16-1-1870).

Bản tin ngắn gọn, vừa đủ để chúng ta hiểu qua sự kiện gây khốn khổ cho người dân Biên hòa. Lời văn thật bình dị, giúp ta có thể so sánh văn quốc ngữ 1870 với những thập niên trước khi người Pháp áp

(1) Xem Gia định báo trích tuyền và chú giải, cùng tác giả, Trí đăng sắp xuất bản.

đặt nền đồ hồ trên toàn cõi Đông dương.

Tin tức địa phương do nhiều người cung cấp. Do đó có bài lời văn gãy gọn, trau chuốt thì cũng có bài được tường thuật với giọng văn thành thật không khác văn nói. Giọng văn bình dân đến độ ngây ngô, làm cho người đọc không thể nhịn cười được:

— Có một người tên là Thiện, nhà ở gần chợ Hốc môn. Tối 12 tháng giêng này người ấy xuống ghe mà ngủ, còn vợ con thì để ngủ ở nhà. Vừa đặng một hồi, kẻ lừa phát lên, thiếm Thiện chạy ra la, làng x m chạy đến, khuôn đồ giùm đặng phân nửa, rồi nhà cháy trụi đi. Chú Thiện có tạt diếc, vợ kêu, la làng trốn trốn lỏi đi, làng xóm khuôn đồ tờ mờ, lửa cháy bùng bùng, mà cho lọt vào tai va thì nhà cửa, tài vật đã ra tro rồi... (Trích số 8 Gia định báo năm thứ 6 ngày 8-3-1870).

Muốn câu đọc giả, báo chí ngày nay cần đăng tin nhanh và hấp dẫn. Có nhiều lối hấp dẫn. Hoặc giả tin tức chánh trị sốt dẻo để người đọc dễ nhận định tình hình sắp biến chuyển. Hoặc giả tin tức phải giật gân theo kiểu một tờ báo dưới thời đệ nhất cộng hòa với tin người sanh ra khi ở Cà mau. Năm 1870, tờ Gia định báo trong phần tạp vụ đăng một số tin tức thuộc loại giật gân trên mà đặc biệt nhất là tin một người đàn bà ở Biên hòa sanh ra khi:

— Năm ngoái đây là năm Kì tị tại làng Bình-Xuân có một người

cưới vợ về đặng hơn 9 tháng, thì người vợ sanh thai đặng một đứa con gái; mà qua ngày sau lại sồ lòng ra một đứa con trai nữa, song khôn thay! Ra đều quái gở hết sức! Thằng nhỏ có hình con khỉ: Mặt mũi cùng bình tích chi thì là thú ấy, lông lá xồm xàm. Cách một ngày nữa thì thằng khỉ ấy chết, ông nội nó để một ngày cho quả chết mới đem bỏ vào ghè mà chôn: Khi bỏ rồi cũng đồ tro lên mà ém, thì thằng khỉ liền nhảy vọt ra mà la oai oai! Cũng một giây ấy mẹ nó nằm trong giường cứ la òi òi!... (Trích Gia định báo số 8 năm thứ 6 ngày 16-3-1870).

Thêm vào các tin tức ở Nam kỳ lục tỉnh đăng trong phần tạp vụ là giá cả các thứ hàng từng tam cá nguyệt, số ghe tàu vô ra hàng tháng cùng các thứ hàng hóa luân lưu tại bến Sài gòn. Nhờ đó chẳng những ta có thể so sánh mức sinh hoạt của người dân Nam kỳ trong những năm đầu thực dân Pháp xâm chiếm mà chúng ta còn thấy rõ nét đặc thù của cuộc sống người dân bản xứ trong xã hội giao thời.

Đề cho phần tạp vụ tươi mát và bổ ích, đúng theo tiêu chuẩn do Soái phủ Nam kỳ đề ra trong nghị định số 298 ngày 16-9-1869, ban biên tập Gia định báo còn chọn đăng các chuyện đời xưa, chuyện vui cười, các bài lịch sử nước ta, các bài giới thiệu các nước Âu Tây. Các bài này không mang tên tác giả. Tuy nhiên chúng ta có thể suy đoán một phần lớn do chánh tổng tài Trương

Vinh Ký sáng tác.

So với các tin tức do các thầy thông, thầy ký, giáo tập địa phương viết gởi về Gia định báo theo lệnh của nhà cầm quyền thực dân thì lời văn của các chuyện đời xưa, chuyện vui..., lời văn ấy thật gầy gọn, khúc chiết, cho thấy một bước tiến khả quan của văn quốc ngữ cách đây 100 năm tại Nam kỳ. Sau đây chúng tôi xin trích một phần của bài giải thích tại sao người VN chúng ta gọi người Trung hoa là Tàu, Khách trú hoặc Chệt :

— Người bên Tàu thường gọi là người Trung quốc nghĩa là nước ở giữa vì thuở xưa bên ấy có 18 nước chư hầu ; chỗ kinh thành hoàng đế ở lại ở vô giữa các nước chư hầu nên gọi là Trung quốc.

« Người bên Tàu thường kêu mình là Đường sơn, Đường nhơn hay là Thanh nhơn, nghĩa là người nhà Đường, nhà Thanh.

« Annam ta kêu là Tàu, người bên Tàu là vì người Khách thường đi tàu qua đây, lại dùng tàu chở đồ hàng hóa qua đây buôn bán ; nên kêu là Tàu, hàng Tàu, đồ Tàu v.v...

« Người Bắc thì kêu là Ngô, nghĩa là người nước Ngô, có kẻ lại cắt nghĩa rằng vì bởi nó hay xưng mình là Ngô nghĩa là tôi.

« Kêu Các-chú là bởi người Minh hương mà ra ; mẹ Annam cha Khách, nên nhìn người Tàu là anh em, bằng không thì cũng là người đồng châu với cha mình, nên mới kêu là Các chú nghĩa là em cha mình. Sau lần

lần người ta bắt chước mà kêu bậy theo làm vậy.

« Còn kêu là Chệt là tại tiếng Triều châu kêu tăng Chệt nghĩa là chú. Người bên Tàu hay giữ phép, cũng như Annam ta, thấy người ta tuổi đáng cậu cô chú bác thì kêu tăng là chú là cậu vân vân. Người Annam ta nghe vậy vịn theo mà kêu các anh là Chệt... » (Trích Gia định báo số 5 năm thứ 6 ngày 16-2-1870.)

Trong phần tạp vụ thỉnh thoảng có bài luận về chữ hiếu, đức liêm khiết, sự học hành, cái lười v.v... Bài bìn về công dụng cái lười khá dài so với các bài luận khác. Bài này có một giá trị đặc biệt vì lời văn thật gầy gọn, ý tưởng trình bày có mạch lạc, tác giả dùng toàn tiếng bình dân để lột được cái ý nghĩa siêu việt và nguy hại của lười con người ta. Bài này còn có giá trị đặc biệt về cú pháp khi ta so sánh nó với các bài luận thuyết đáng trên Đông dương tạp chí, Nam phong sau này, đầy dẫy chữ Hán, dài lê thê với lối văn biền ngẫu. Đi bạn đọc dễ so sánh, chúng tôi xin trích phần đầu của bài đề cập tới cái lười con người :

— Lười không xương nhiều đều lắt léo. Cái lười tuy là một phần thân thể rất nhỏ trong thân mình người ta, mà nó là như cái lái khiến cả chiếc thuyền đi xuôi đi ngược, đi bất di cạy mặc ý nó. Nó là cái đóm lửa nhỏ, đốt để cả rừng cháy tiêu ra tro. Sự lành sự dữ cũng đều bởi cái lười mà ra. Cái lười là thông ngôn lòng lo ý tưởng người ta. Có

nói mới ra lời ăn tiếng nói, mà lời ăn tiếng nói làm ích cho người ta biết là chừng nào !... (Gia định báo số 20 năm thứ 6 ngày 24-6-1870).

Viết văn thông suốt như văn nói chuyện hằng ngày. Theo ông Trương Vinh Ký, viết văn quốc ngữ sao cho «trơn tuột» để đi sâu vào quần chúng. Quần chúng ấy còn đang bị dao động trong chế độ tân trào mà phần đông người bình dân chắc chắn không bao giờ chấp nhận sự có mặt của ngoại bang trên đất nước thân yêu của họ. Sự có mặt của ngoại bang lại còn thể hiện trên chiến tuyến văn hóa mà sự có mặt của Gia định báo cần phải được phẩm bình theo quan điểm dân tộc và tiến bộ.

Gia định báo trong qui đạo xâm lăng của thực dân Pháp

Tờ Gia định báo là ấn bản quốc ngữ của tờ Courrier de Saigon, cơ quan ngôn luận chính thức của Soái phủ Nam kỳ. Tờ Gia định báo ra đời sau khi thực dân Pháp đã hoàn toàn làm chủ tình hình tại Nam kỳ. Với dụng ý đề cao uy quyền của thực dân và nhằm cắt đứt ngọn triều tình cảm của người dân đương thời với cội rễ văn hóa dân tộc qua việc bãi bỏ chữ Nho, cổ xúy chữ quốc ngữ, tờ Gia định báo đã giúp cho chữ quốc ngữ chiếm giữ vai trò độc tôn trên chiến tuyến văn hóa. Chữ Nho lui dần về thôn ấp, chữ quốc ngữ tiến chiếm từ cơ sở công quyền đến trường học. Mười sáu năm sau khi chào đời, lại một lần nữa tờ Gia định báo đã giúp thêm cơ hội cho chữ quốc ngữ thừa thắng

xông lên, đuổi theo chữ Nho đến tận cùng các thôn ấp xa xôi.

Ngày 14-6-1880, Soái phủ Nam kỳ ban hành nghị định nhằm thiết lập trường dạy chữ quốc ngữ tại mỗi làng và phổ biến tờ Gia định báo đến tận thôn ấp. Nghị định này được đăng vào Gia định báo số 15 năm thứ 16 ngày 29-6-1880 mà chúng tôi muốn chép trọn nguyên văn để bạn đọc có thêm một tài liệu liên hệ đến việc áp dụng chữ quốc ngữ trong những năm đầu Nam kỳ thuộc Pháp :

«Lời nghị quan Khâm mạng Tổng thống, (1)

Quan Khâm mạng đại thần tổng thống Nam kỳ thủy lục binh dân,

Chiếu y lời nghị ngày 17 tháng mars năm 1879 lập phép dạy học trong quân hạt lại,

Vì nhà nước đương lập hội đồng quân hạt cùng ra sức làm cho người bần quốc học biết phép cai trị gọn ghẽ hơn,

Xét vì có ích cho người Annam hiểu biết những giấy tờ nhà nước làm ra mà có ích lợi cho các người ấy,

Xét vì dùng chữ in quốc ngữ thì quan dân mới thông hiểu nhau đặng hơn,

Y theo lời quan Lại bộ thượng thư tờ bày,

Tòa nghị riêng đồng hiệp ý,

Nghị định :

Khoản thứ nhất. Mỗi làng chính

(1) Bản Pháp văn nghị định này có đăng trong Bulletin officiel de la Cochinchine française, Thư viện quốc gia.

chỗ cai tổng ở như chưa có trường học Langsa thì phải lập trường quốc ngữ.

Khoản thứ hai. — Như không đủ tiền thì các làng khác ở trong tổng phải chung nhau mà giúp, quan Tham biện sở tại phải hiệp cùng cai tổng cùng các xã trưởng mà định cho mỗi một làng phải chịu bao nhiêu.

Khoản thứ ba. — Những làng đã có lập trường quốc ngữ ra đều được chuần miềng (1) khỏi chịu tiền tại tổng.

Khoản thứ tư. — Các thầy dạy Annam ở trong các trường quốc ngữ mà có dạy cội rễ tiếng langsa thì mỗi một năm nhà nước sẽ cấp thưởng cho 200 quan tiền.

Khoản thứ năm. — Các xã trưởng ở hạt Nam kỳ, bây giờ được quyền lãnh Gia định báo công văn chữ quốc ngữ mà không phải chịu tiền. Lại sẽ phát cho mỗi một làng một bản luật hình chữ quốc ngữ cũng không bắt chịu tiền.

Khoản thứ sáu. — Quan Lại bộ thượng thư sẽ lo cho lời nghị này thi hành, trước ngày mồng 1 tháng Janvier năm 1881.

Saigon ngày 14 tháng Juin năm 1880

Le Gouverneur
Le Myre de Vilers ».

Với nghị định trên, bạn đọc đã thấy rõ dụng ý của nhà cầm quyền khi cho ấn hành và phổ biến sâu rộng tờ Gia định báo. Cũng năm trong dụng ý đó, nhà cầm quyền bãi bỏ việc học chữ Nho tại các trường học vừa được dựng lên theo

đốt sắt của người lính xâm lược. Khi chữ Nho bị bãi bỏ, chắc hẳn giới sĩ phu trong Nam hồi ấy phản ứng mãnh liệt. Cho nên để xoa dịu lòng căm phẫn của người dân trong Nam còn nhớ tới quê cha đất tổ, còn nhớ tới thứ chữ của Thánh hiền, nhà cầm quyền cho đăng lời rao trong Gia định báo số 36 năm thứ 16 ngày 7-12-1880 :

— Trong khi mở mang cho người ta học quốc âm chữ Langsa, nhà nước không có ý bỏ chữ Nhu (tức chữ Nho). Hai thứ chữ ấy phải hiệp cùng nhau. Học quốc âm chữ Langsa thì người Annam sẽ thông cùng các dân phương tây mà học cơ trí các dân ấy, dùng chữ Nhu (tức chữ Nho) thì học truyện các dân phương đông cho chắc việc giao thông cùng các dân ấy.

« Ta muốn cho các người Annam đều biết quốc âm chữ Langsa, bởi vì là một sự học làm cho người ta đặng nhờ những sự ích lợi đem tới trước mặt, mà lại là cách viết ra rất dễ dị thường. Học 24 chữ có phải là dễ hơn muôn muôn chữ Nhu chẳng? Nhưng vậy ai gồm biết hai thứ chữ thì là hay hơn. Và lại cũng có nhiều cách học cho đặng hóa nên người đạo đức cùng giúp cho nước nhà. Nhà nước sẽ biết ơn bằng hai. Bởi đó ta rao ra giấy nói về việc ấy.»

Ngày nay khi định giá trị tờ Gia định báo, chúng ta không thể quên nó đã giúp cho chữ quốc ngữ thực hiện những bước tiến khả quan so với những thập niên trước nhưng

(1) Miềng có g.

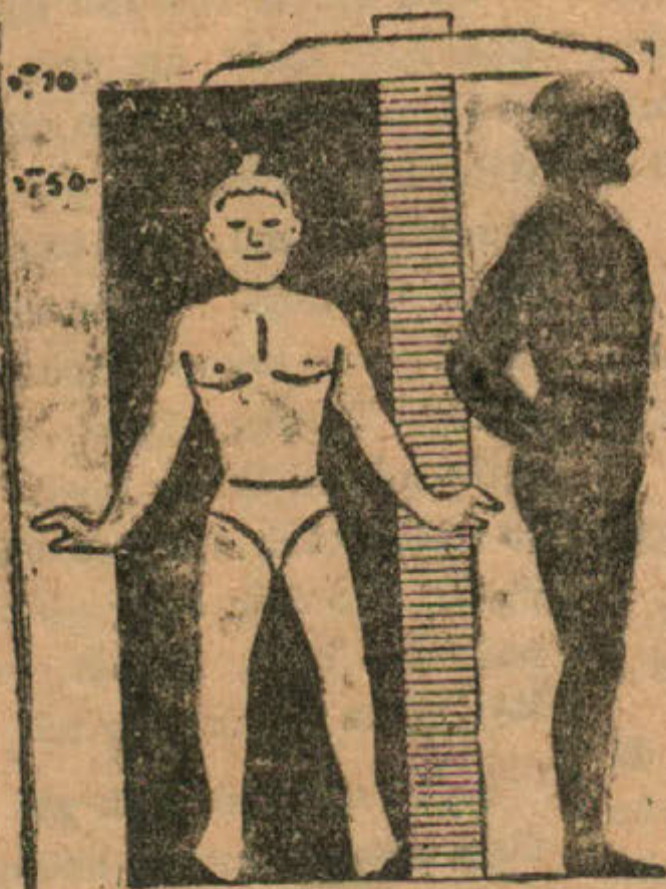
đồng thời tờ Gia đình báo hỗ trợ cho công cuộc xâm lăng của thực dân từ xâm lăng đất đai đến xâm lăng văn hóa. Mỗi tờ báo, mỗi tác phẩm viết ra dưới thời bị trị đều phải được nhìn qua lăng kính hai chiều: một chiều xuất phát từ quan điểm phục vụ quyền lợi của giai cấp thống trị, của thực dân, nói chung là của ngoại bang và một chiều xuất phát từ ý thức dân tộc với sức

sống rạt rào tình yêu quê hương, yêu đồng loại, yêu sự thật. Hiểu như vậy, tờ Gia đình báo chắc phải được nhìn qua lăng kính hai chiều ấy để xác định rõ vai trò và vị trí của nó trên tiến trình phát triển chữ quốc ngữ và trong văn học sử nước nhà kể từ khi « Đồng nai tranh ngôi nhuộm màu mây ».

PHẠM LONG ĐIỀN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỒ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHỎE .
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHỔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

Nghệ thuật và thời đại chúng ta

Nền văn-minh vừa phác họa có thể tạm mệnh danh là văn-minh tốc độ. Nó là văn-minh của Tây-phương và dựa trên sự ích lợi, sự hữu dụng. Nó dùng khoa-học để chinh-phục vũ trụ. Nó theo đuổi sự tiến-bộ mà tiến-bộ được hiểu là sự phát triển vô cùng tận quyền-lực của con người đối với thiên-nhiên. Các bậc thánh hiền của Đông phương xưa kia dạy chúng ta trời nực thì mặc áo mỏng, trời lạnh thì mặc áo dày, gặp sông thì dùng thuyền, gặp núi chắn ngang đường thì vòng lối khác mà đi. Đó là nghĩa tùy thời. Đó cũng là nghĩa người và thiên-nhiên hòa hợp. Nhưng đối với văn-minh tốc-độ, như thế là chậm trễ. Trời nực thì dùng máy điều hòa không khí làm cho lạnh để mặc áo dày; trời lạnh thì dùng lò sưởi điện làm cho ấm để mặc áo mỏng, gặp sông thì bắc cầu, gặp núi thì phá núi. Thiên-nhiên phải khuất-phục trước quyền-lực của con người; như thế mới là tiến-bộ.

Từ giữa thế-kỷ XX này, tiến-bộ không còn là lý tưởng riêng của Tây-phương mà trở thành mục-tiêu thần bí của cả nhân-loại. Nền văn-minh cổ-diễn của Đông-phương đề-cao đời sống tâm-linh, chú trọng tình-cảm, chủ trương hòa-hợp con người với vũ-trụ, nền văn-minh ấy đang tan rã trước đà tiến-hóa của lịch-sử.

Vì sự thúc bách của hoàn-cảnh lịch-sử, các dân-tộc Đông-phương đều ra sức đuổi theo Tây-phương. Cuộc chạy đua ấy một khi đã bắt đầu thì không có gì có thể ngăn lại được nữa. Nhật-bản, thành trì kiên-cố nhất của Thiên-tông Phật-giáo, ngày nay tôn sùng lợi ích, máy móc và tốc-độ còn hơn cả Hoa-kỳ. Cuộc cách-mạng văn-hóa ở Trung-hoa lục-địa đang cố gắng quét sạch ảnh hưởng của Khổng-giáo ngay trên mảnh đất quê hương của Khổng-tử. Và mới đây Ấn-độ cũng đành bịt tắt tiếng gọi ngọt ngào của tâm-linh để thử trái bom nguyên-tử đầu tiên. Lịch-sử ít nhất cũng dạy cho chúng ta một bài học đáng giá: vũ-trụ biến dịch không ngừng, xã-hội và nhân-loại cũng vậy. Nhân-loại đã tiến tới giai-đoạn văn-minh tốc-độ: dù chúng ta có muốn lùi lại cũng không được.

Vậy thì vấn-đề đặt ra hết sức rõ ràng. Văn-minh tốc-độ một mặt giải phóng cơ-thể con người khỏi những ràng buộc mà nó phải chịu đựng từ ngày gộp mặt trên trái đất này — tôi muốn nói đến trọng-lực — và mở ra cho trí tuệ con người những chân trời mới lạ vô cùng, rộng lớn vô cùng. Nhưng mặt khác nó thấu hẹp đời sống tâm linh cá-nhân và bóp nghẹt tình cảm. Loài người đã phải bỏ ra ít nhất 500.000 năm để

đi từ cái định nghĩa « Người là một con vật đứng trên hai chân » tới cái định-nghĩa « Người là con vật có lý-trí ». Và từ cái định-nghĩa « Người là con vật có lý-trí », giờ đây chúng ta đang tiến tới cái định-nghĩa: « Người là con vật kinh-tế »; chỉ biết sản-xuất cho nhanh để mà tiêu-thụ nhiều, tiêu-thụ cho nhiều để mà sản-xuất cho nhanh hơn nữa. Cái vòng luẩn quẩn sản xuất tiêu thụ, tiêu thụ — sản xuất cũng triển diễn vô cùng vô tận như vòng sinh-tử luân-hồi của nhà Phật. Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta lên án văn-minh tốc-độ. Huy-chương nào cũng có mặt trái và mặt phải. Trong quá-trình tiến-hóa của nhân-loại một sự mất mát hầu như bao giờ cũng được bù đắp bằng một thu hoạch. Cho nên chúng ta đừng vội bi quan chối bỏ thời-đại mình đang sống. Nhắm mắt chấp-nhận và thụ-động tuân theo những đòi hỏi của thời-đại là thiên cặn và hèn nhát, nhưng không biết tới những đòi hỏi ấy, nhất thiết chối bỏ chúng lại là ngu xuẩn. Gặp một con ngựa điên đang lồng lộn mà nhảy đại lên lưng nó, ôm chặt lấy cổ nó, mặc cho nó lôi kéo mình, thái độ đó cũng vô ích và đại dột như là lao đầu ra cản đường để cho nó dày xéo. Người khôn ngoan là người chạy theo con ngựa, nắm lấy dây cương và tìm cách hướng dẫn cái năng-lực hùng mạnh đang cần được hướng dẫn ấy.

Một cách đại cương, các nhà tâm-lý-học, phân biệt hai lãnh-vực chính trong tâm hồn con người: trí tuệ và tình cảm. Đối tượng của trí tuệ là

cái thật, cái ích cho nên trí tuệ là lãnh-vực của khoa học và kỹ-thuật. Đối tượng của tình cảm là cái Đẹp, cho nên tình cảm là lãnh-vực của nghệ-thuật. Một nền văn-hóa nhân bản đích thực phải nhằm phát triển đồng đều cả hai lãnh vực ấy. Và chừng nào chúng ta còn muốn là người, còn muốn cho con cháu chúng ta vẫn được là người, chừng đó chúng ta còn phải cố gắng kiến tạo một nền văn-hóa nhân-bản. Với tốc-độ và máy móc, con người đã phát huy trí tuệ đến một trình-độ mà cách đây năm, sáu chục năm ông cha chúng ta khó lòng tưởng tượng được. Nhưng tốc-độ và máy móc lại làm khô cạn tình cảm. Tình trạng mất quân-bình này gây ra những hậu-quả trầm trọng trong đời sống tâm-lý cá-nhân cũng như trong đời sống xã-hội, nhất là đối với thanh thiếu niên vì thanh thiếu niên là những thành phần có nhiều nhu-cầu tình-cảm nhất. Điển hình là Hoa-kỳ. Chính tại quốc-gia vô địch của văn-minh tốc-độ này, chính tại quốc-gia phú-cường nhất thế-giới này, nơi mà thanh thiếu niên được ăn ngon mặc ấm, được hưởng thụ những phương-tiện giáo-dục tối tân, chính tại đó đã phát sinh những hiện tượng hippy; những hội thờ phượng đọa lạc và quái gở, những phong trào nude streaking mà báo chí dịch là trường chạy... Có người giải-thích một cách giản dị: chẳng qua là no cơm ấm cật. Chúng tôi tin chắc không phải như vậy. Nếu chỉ là vấn-đề ấm cật thì xã-hội Hoa-kỳ đã dư sức giải quyết êm thấm rồi. Và chẳng những

hiện-tượng ấy không dừng lại ở biên-giới Hoa-kỳ. Đói rét và nghiêm-khắc như Đại-hàn cũng có. Cờ kính và kỷ-luật như Nhật-bản cũng có. Thật ra đó là những tiếng kêu phản kháng văn-minh tốc-độ, tuy tiêu-cực nhưng rất hùng hồn.



Nói cách khác, anh là anh mà tôi là tôi, tôi có những cái yêu, cái ghét, cái vui, cái buồn của riêng tôi, tại sao cứ bắt tôi phải giống anh? Con người chó có phải là cái máy đầu mà đòi hỏi phải tề-nhất!

Ai cũng bảo thanh thiếu niên là rường cột của quốc-gia. Rường cột mà khủng hoảng ngất ngư như vậy thì làm sao quốc-gia có thể ổn cố được? Không những thế, cuộc khủng hoảng tâm-lý ấy chỉ có cơ trầm trọng thêm chứ không hy-vọng gì giảm thiểu, bởi lẽ máy móc càng ngày càng tinh-vi hơn giúp con người càng ngày càng đạt được những tốc-độ lớn hơn. Áp-lực của tốc-độ đối với chúng ta càng gia tăng thì cái vực thẳm ngăn cách trí tuệ với tình cảm càng sâu rộng.

Cho nên phải cấp tốc tìm cách lấp đầy cái vực-thẳm ấy trước khi nó trở thành biên cả không thể lấp đầy được nữa. Phải cấp tốc phát huy tình cảm trong một thế-giới sắp khô cằn như sa-mạc. Nhưng tình cảm thì rất nhiều, chúng ta biết lựa chọn để phát huy tình cảm nào trước, tình cảm nào sau? Hay phải phát huy tất cả cùng một lúc? Không, chúng ta không có thì giờ lựa chọn, mà cũng không thể phát huy tất cả cùng một lúc. Chỉ có một con đường tắt, một thứ "Hoa dung tiêu lộ": phát-huy cái tình-cảm lí-tưởng, cái tình-cảm khuôn mẫu vì nó cao thượng nhất, tự nhiên nhất, bao la nhất và cũng bền bỉ nhất: đó là lòng yêu thích cái Đẹp.

Muốn phát-huy lòng yêu thích cái Đẹp tất phải phát-triển nghệ-thuật, phổ biến nghệ-thuật tới tay quần-chúng, giáo-dục nghệ-thuật cho thanh thiếu niên. Nhưng trong cái thế-giới của tốc-độ và tề-nhất này, trong cái vũ-trụ ngự trị bởi khoa-học và kỹ-thuật này, có cái khe hở nào để cho nghệ-thuật len lõi vào được? Xin thưa. Có, có một khe hở khá lớn để cho nghệ-thuật phát xuất từ đó có thể mở cuộc chinh-phục tâm hồn con người. Khe hở đó là địa vị quan trọng hiện nay của hình ảnh trong đời sống trí tuệ.

Trong những thế-kỷ trước, đời sống trí tuệ hoàn toàn lệ thuộc vào văn-tự, nhất là từ khi văn-tự được phục-vụ bởi một dụng cụ vô cùng đặc-lực là nghề in. Có thể khẳng định rằng nếu không có sách vở thì khoa-

học ngày nay không tiến xa hơn thời kỳ Trung-cổ bao nhiêu. Sách vở giúp chúng ta ứng dụng kết-quả của những kinh-nghiệm mà chính bản thân chúng ta chưa hề trải qua. Chỉ cần ghi lại những kết-quả đó, dùng văn-tự mà đóng hộp lại để lúc nào cần tới thì lấy ra mà xài; dùng máy in mà nhân lên hàng trăm ngàn lần để tung vào quần-chúng. Nhờ thế mà các học trò lớp năm bậc tiểu-học cũng hiểu được cái định luật tỷ-trọng mà Archimède mất gần cả đời người mới khám phá ra.

Bây giờ, nếu chúng ta mở trước mặt hai cuốn sách, một cuốn in trong cuối thế-kỷ trước và một cuốn in khoảng giữa thế-kỷ này, chúng ta không ngờ mới cách đây 50 năm mà chúng lại khác nhau nhiều đến thế. Một thí-dụ cụ-thể mà bất cứ ai cũng có thể kiểm-soát dễ-dàng là trường-hợp cuốn «Lịch-sử văn-học Pháp-quốc» rất nổi tiếng của Gustave Lanson in lần đầu tiên năm 1894 và cuốn «Lịch-sử văn-học Pháp-quốc» của nhà xuất-bản Larousse in năm 1949: một bên toàn là giấy trắng mực đen, chỉ chít chữ với chữ; một bên thì đầy hình ảnh, gần như không trang nào không có hình, vừa hình đen trắng, vừa hình màu. Một bên là những tư-tượng trừu tượng nằm chờ được tiêu hóa vào trong ký-ức của người đọc. Một bên là những thực tại cụ thể đập thẳng vào mắt chúng ta. Nếu trong sách về văn-học mà hình ảnh còn chiếm chỗ của văn-tự như thế thì trong sách về nghệ-thuật — nhất là

hội-họa — sự thay bậc đổi ngôi còn rầm rộ đến chừng nào. Quả vậy những sách về nghệ-thuật xuất bản từ 1960 trở về sau đều là những chuỗi hình màu chụp lại bản chính tác-phẩm. Hình ảnh chiếm hết những vị-trí quan trọng trong sách, văn-tự lui xuống hàng thứ yếu và chỉ còn nhiệm-vụ chú giải cho hình ảnh. Tóm lại, trước kia chúng ta dùng văn-chương để phát biểu nghệ-thuật; ngày nay chúng ta dùng hình ảnh không những để phát biểu nghệ-thuật mà còn để phát-biểu cả văn-chương. Trước kia chúng ta đọc nghệ-thuật, suy tưởng nghệ-thuật; ngày nay không những chúng ta ngắm nhìn nghệ-thuật mà còn ngắm nhìn cả văn-chương.

Người đầu tiên linh cảm được ưu thế của hình ảnh so với văn-tự không phải là một họa-sĩ, cũng chẳng phải là một triết-gia, mà là một thiên-tài quân-sự: hoàng-đế Nã-phá-Luân. Ông từng bảo: « Một bức phác-họa sơ sài nhất cũng chứa đựng nhiều hơn một bản phúc-trình dài nhất ». Hơn 100 năm sau Nã-phá-Luân, sự độc-diễn của văn-tự cáo chung. Ngày nay, ở bất cứ một tờ tạp-chí nào của một quốc-gia tiên tiến như tờ Life của Mỹ, tờ Paris-Match của Pháp, chúng ta cũng thấy rõ ràng là văn-tự đang nhường chỗ cho hình ảnh. Sở dĩ có sự thay bậc đổi ngôi ấy là vì văn-tự chậm chạp, không đáp ứng được những đòi hỏi của văn-minh tốc-độ. Chúng ta không còn có thì giờ để đọc, để ngâm nga, để nghiền ngẫm. Nhờ hình ảnh, nhờ sự trình bày các đề-mục, nhờ đường

nét và màu sắc, chúng ta chỉ cần lướt mắt qua là đủ. Nghĩa là chúng ta « xem » báo chứ không « đọc » báo như trước nữa. Nhận-thức bằng hình ảnh không những mau lẹ hơn nhận-thức bằng văn-tự mà còn chính xác hơn, tề-nhất hơn. Nhìn một tấm hình màu chụp một cái xe hơi với đọc một bài văn mô tả cũng cái xe hơi đó: chắc chắn là nhìn tấm hình ta thấy nhanh hơn, rõ hơn, và 1.000 người nhìn vào đều thấy như nhau. Còn đọc bài văn ta thấy chậm hơn, mơ hồ hơn, mỗi người đọc lại có thể hiểu một cách khác. Mà nhanh chóng, chính-xác và tề-nhất chính là điều mà tốc-độ và máy móc đòi hỏi.

Cạnh tranh với văn-tự trong lãnh-vực nhận-thức chưa đủ, hình ảnh còn cạnh tranh với văn-tự trong cả lãnh-vực tình-cảm. Bây giờ ít khi chúng ta được thấy những bức thư viết át, lâm ly, tràn giang đại hải. Thay thế vào đó là những bưu thiếp in hình đủ màu sắc sỡ. Sinh-hoạt của con người hiện đại hầu như thu gọn vào đôi mắt: chỉ có nhìn, nhìn và nhìn. Học bằng mắt, nghĩ bằng mắt, cảm thấy bằng mắt, hưởng thụ bằng mắt.

Chúng ta đừng vội tưởng lầm rằng hình ảnh chỉ làm giàu cho cảm giác mà không giúp ích gì cho tư tưởng. Khả-năng lớn lao của hình ảnh đã được toán-học chứng tỏ từ lâu. Nhờ biết thay thế những ý tưởng trừu tượng bằng những hình ảnh giản lược mệnh danh là ký hiệu, toán-học chấp cánh cho trí tuệ con người vượt khỏi những giới hạn

thông thường của nó để bay vào những vùng trước kia tưởng là cấm địa: vùng của những gì không quan niệm được, không tưởng nghĩ được. Lấy thí-dụ khái-niệm vô-cực trong toán-học. Trí tuệ chúng ta thật khó mà quan niệm được thế nào là vô-cực, trừ phi cứ ngồi cộng thêm hoài, cộng thêm mãi, hết đời mình sang đời con, hết đời con sang đời cháu. Bây giờ toán-học thay khái niệm ấy bằng ký hiệu ∞ . Thế là trí tuệ khỏi mất công suy nghĩ lồi thồi: chúng ta không những hiểu được vô-cực là gì mà còn tìm cách xử-dụng nó nữa. Vậy thì hình ảnh chẳng những không làm giảm sút tư tưởng mà còn làm cho tư-tưởng trở thành siêu việt. Chính nhờ những hình ảnh giản lược của toán học mà các nhà bác-học mới có thể khám phá những bí mật trong thế-giới của cái vô cùng nhỏ cũng như trong thế-giới của cái vô cùng lớn.

Tóm lại, văn-minh hiện đại phải tuân theo những đòi hỏi càng ngày càng cấp bách của tốc-độ. Sự kiện đó không có gì ngăn cản được. Cũng như không có gì ngăn cản được hình ảnh chiếm dần ưu thế của ngôn-ngữ và văn-tự. Nhưng hình ảnh là gì nếu không phải là đường nét và màu sắc? Mà đường nét và màu sắc chính là phương tiện cơ hữu, là khí-giới nhiệm-mầu của nghệ-thuật tạo hình. Hội-họa, điêu-khắc, kiến-trúc, trang-trí, vũ-thuật, điện-ảnh đều xây dựng trên đường nét và màu sắc, đều xây dựng trên hình ảnh. Thế thì trong đường chắt

chúng ta sẽ tìm ra lối sống : nghệ-thuật sẽ dùng hình ảnh để len lỏi vào tâm hồn, để sưởi ấm lại tình cảm giá lạnh dần, để thắp sáng lại những giá trị tinh-thần đang mờ tắt. Con người sinh ra không phải để mơ những giấc mơ cao ngạo và cô độc, mà phải biết chấp nhận những phương-tiện của thời đại để xây dựng một đời sống trong đó trí óc và con tim đều được phát-huy toàn vẹn trong một thể quân-bình hằng cửu, để kiến tạo một nền văn-hóa nhân bản đích thực.

Vi vậy quan niệm của những thế-kỷ trước coi nghệ-thuật là xa xỉ phần, cái quan niệm ấy giờ đây thành ra lạc hậu, lỗi thời. Nghệ-thuật đang trở thành một công vụ sắc bén của lý-tưởng nhân bản. « Cái đẹp rồi sẽ cứu độ thế-gian » : cách đây 100 năm văn hào Dostoïevski đã tiên tri như vậy và lời tiên tri ấy đang trở thành sự thật. Từ xưa tới nay cái đẹp chưa từng cứu độ được một người nào, kể cả bản thân nghệ-sĩ sáng tạo ra nó. Nhưng rồi đây nó sẽ cứu độ chúng ta ra khỏi cái viễn tượng bi thảm của những con người biến thành những cái máy thể hiện tốc độ, biến thành những « con vật chính trị » trong thiên đường cộng-sản hay những « con vật kinh-tế » trong thiên đường tư bản.

Các nghệ-sĩ của thời đại chúng ta tỏ ra ý thức được cái sứ mạng thiêng liêng đó khi họ can đảm vượt lên trên những si mê tối tăm của thế nhân để đón nhận những cái mới đang báo hiệu, những tiến bộ đang thành hình nhưng đồng thời cũng không lãng phí những vốn liếng,

những giá-trị mà tổ tiên đã phải mất bao nhiêu công lao đời kiếp mới thâu thập được. Trong chiều hướng đó, các nghệ-sĩ của thời đại chúng ta vừa tiếp-tục xử dụng hình ảnh để phát biểu vũ-trụ thực tại vừa cố gắng cải tiến hình ảnh để hình ảnh có thể trở thành những suy tư về ý nghĩa của cuộc sống, về thân phận của con người. Thực vậy, nghệ-thuật của thế kỷ XX đã giải phóng hình ảnh, nghĩa là làm cho nó trở thành độc lập, tự nó có ý nghĩa riêng chứ không cần phải lệ thuộc vào sự vật như trước. Trước kia mỗi hình ảnh phải là hình ảnh của một cái gì : hình ảnh của một con chim, một cái nhà, một giòng sông. Ngày nay không thế nữa : hình ảnh không cần phải được biện minh bởi sự bắt chước một ngoại vật hay bằng sự trình bày một đề tài. Từ trường phái lập-thể đến trường phái trừu tượng, các nghệ-sĩ càng ngày càng đào sâu những công cuộc nghiên cứu tạo hình, bố trí đường nét và màu sắc. Đồng thời họ cũng nhận thức được sự vang dội tâm linh của hình ảnh. Trường phái dã-thú cũng như trường phái biểu-hiện đều thấy rằng cảm giác, do màu sắc và đường nét gây ra khi kích thích con mắt chúng ta, nếu đạt tới một cường độ tối đa có thể gây nên một sự rung động thần kinh và biến thành cảm xúc. Trường phái siêu-thực còn khám phá ra một đặc tính bất ngờ của hình ảnh : hình ảnh có thể là tiếng nói của vô-thức ; động cơ của nó còn là vô-thức chứ không phải chỉ là tư-tưởng phản tỉnh như các

thế kỷ trước đã tưởng lầm. Bấy nhiêu cố gắng, bấy nhiêu say mê nói lên cái quyết tâm sắt đá của nghệ-thuật : quyết tâm đem hào quang của cái Đẹp tô điểm cho những giá-trị khác, quyết tâm làm cho nền văn-minh tốc-độ khô khan trở thành một công viên tươi sáng, rợp bóng mát và ngát hương thơm.

Song song với những cố gắng âm thầm của giới nghệ-sĩ, các quốc-gia tiên tiến cũng nhận thức khả-năng « cứu độ » của nghệ-thuật trước nguy cơ lệ thuộc máy móc và tốc độ. Và họ đã khai thác nghệ-thuật như một phương thuốc cần thiết. Nghệ-thuật được đưa vào giáo-dục một cách hệ-thống và quy-mô, ở trong học đường cũng như ở ngoài học đường. Trong học đường, nghệ-thuật được giảng dạy bắt buộc ngay từ cấp mẫu-giáo. Ngoài học đường, sách báo nói về nghệ-thuật tràn ngập các tiệm sách và các thư viện. Các Viện Bảo tàng, các Phòng Triển lãm mọc lên như nấm.

Vô tuyến truyền thanh và vô tuyến truyền hình đem nghệ-thuật tới tận đầu giường quần chúng. Càng tiến bộ lại càng cố gắng phát-triển giáo-dục nghệ-thuật. Điều hình trong lãnh-vực này là Tây-Đức. Bên cạnh những giờ dạy nghệ-thuật bắt buộc ở cấp mẫu giáo, tiểu-học và trung-học với phương pháp tinh vi, bên cạnh những trường dạy nghệ-thuật ở cấp đại-học và chuyên-nghiệp với những học-cụ tối tân ; bên cạnh những viện bảo tàng, những phòng triển lãm, những hí viện, bên cạnh

vô tuyến truyền thanh và vô tuyến truyền hình, quốc-gia Tây-Đức còn thiết lập ở Bá-Linh một autothèque vĩ đại (tạm dịch là một nỹ-viện vì bibliothèque đã dịch là thư-viện) : bất cứ ai cũng có quyền đến đó mượn các tác-phẩm nghệ-thuật đem về nhà bày chơi ít lâu mà không phải trả một xu lệ phí nào, y hệt như chúng ta tới thư-viện mượn sách đem về nhà đọc. Những cố gắng phi thường này đã đem lại kết quả tốt đẹp ngoài sự dự liệu của các nhà lãnh đạo : So với các quốc-gia Tây-phương khác, thanh thiếu niên Tây-Đức có tâm hồn lành mạnh hơn cả và do đó xã-hội Tây-Đức cũng ổn cố hơn cả mặc dầu đó là một quốc-gia bại trận với những vết thương tưởng như không bao giờ hàn gắp nổi về vật chất cũng như về tinh-thần. Nhận định về thành quả mỹ mãn này, văn hào Erich From long trọng xác quyết : « Phát-triển sinh-hoạt nghệ-thuật, và thẩm mỹ là biện-pháp ngăn ngừa buồn thảm, thù hận và phóng dăng. Những năng lực sáng tạo và tình yêu nếu không bộc phát được sẽ biến thành phá hoại. »

oOo

Câu nói sáng suốt và đầy tin tưởng của Erich From đáng để cho các nhà lãnh đạo nước ta suy ngẫm. Dân tộc ta tuy mới tập tễnh bước chân vào giai đoạn văn minh kỹ nghệ và áp lực của tốc-độ thật chưa đáng kể nhưng thanh thiếu niên Việt Nam đang phải đương đầu với một cuộc khủng hoảng tâm lý trầm trọng không

kém ở Tây-phương. Do ảnh hưởng khốc hại của cuộc chiến tranh kéo dài trên 1/4 thế kỷ, do sự rạn nứt của gia đình và tình trạng suy trầm của tôn giáo, đời sống tình cảm của thanh thiếu niên Việt-Nam hiện nay cũng chỉ còn là một bãi sa mạc khô cằn. Nguy hiểm hơn nữa là bãi sa mạc ấy lại chứa đầy ba loài ác thú: thù hận, chán chường và buồn thảm. Thù hận người anh em ruột thịt gây tang tóc giết chóc mãi không thôi; chán chường các bậc đàn anh đã làm cho mình thất vọng ê chề; và buồn thảm vì trước mặt chỉ có thù hận, sau lưng chỉ có chán chường... Mới đây một số người đã lên tiếng báo động hiện tình sa đọa của thanh thiếu niên. Kề ra đời tới bây giờ mới lên tiếng báo động thì cũng hơi trễ. Nhưng trễ còn hơn không. Và chẳng với một tâm hồn sa mạc chứa đầy ác thú mà thanh thiếu niên Việt-Nam mới chỉ có triệu chứng sa đọa như mọi người đều biết thì chúng ta phải lấy làm mừng thầm:

mừng vì căn bản đạo đức hãy còn quá vững trong lòng dân tộc.

Vậy thì đến bao giờ chúng ta mới đem áp dụng các phương thuốc nghệ thuật mà các quốc gia Âu-Mỹ đã thí nghiệm có hiệu quả tốt đẹp? Hay là chúng ta hy vọng chiến tranh chấm dứt sẽ khiến cho tình cảm của con người Việt-Nam trở lại phong phú như xưa? Nhưng dù chiến tranh có thực sự chấm dứt thì phát triển khoa học và kỹ thuật cũng sẽ là con đường tiến duy nhất của chúng ta nếu chúng ta không muốn đời đời làm nô lệ. Mà phát triển khoa học và kỹ thuật là chạy theo tốc độ, là đưa tới khủng hoảng tình cảm. Lúc này là hơn bao giờ hết tôi thấy yêu Dostoievski, không phải Dostoievski của « Anh em Karamazov » hay của « Tội ác và trừng phạt », mà là Dostoievski của lời tiên tri, thật giản dị, thật lạc quan: « Cái đẹp rồi sẽ cứu độ thế-gian. »

ĐỖ-TRỌNG-HUỆ

CHIA BUỒN

Vô cùng xúc động khi được tin:

Người-bạn-thơ TRẦN THÁI HÒA

Từ trần tại Phú yên ngày 30-7-1974

Chúng tôi kính-cần chia buồn cùng Chị Hòa, cháu bé và cầu nguyện linh-hồn anh Hòa được tiêu-diêu nơi cực-lạc.

TRẦN HUIỀN AN, ĐỖ CHU THĂNG, KHÁNH LINH, MANG VIÊN LONG, PHẠM CAO HOÀNG, NGUYỄN LỆ UYÊN, Ban Chủ trương BACH KHOA

Patty Hearst, ***huyền thoại của một xã-hội biến động***

Cuối tháng 4 vừa qua, báo chí Mỹ rầm rộ khai thác về một vụ cướp ngân hàng có võ trang và đổ máu. 10 giờ sáng, bốn người đàn bà da trắng và một người đàn ông da đen đột nhập chi nhánh ngân hàng Hibernia ở San Francisco, chia súng các-bin, xưng danh là tổ chức SLA (1), uy hiếp trước đoạt 10.960 đô la, và trên đường rút lui bắn bị thương hai khách bộ hành.

Số tiền bị cướp không lấy gì làm quá lớn, và việc truy lùng các gian phi cũng không phải là điều khó khăn gì đối với Công an Liên bang Mỹ — FBI. Tuy nhiên, điểm rắc rối trong câu chuyện không nằm ở chỗ đó: Một trong bốn người đàn bà da trắng nói trên, được đồng bọn giới thiệu dưới bí danh Tania Hearst, thật ra chính là một cô gái 20 tuổi bị tổ chức SLA bắt cóc ba tuần trước đó. Patricia Campbell Hearst, trước ngày bị bắt cóc, chỉ được biết đến như một thiếu nữ xinh xắn, dễ thương, con nhà giàu, và ngoài việc ăn diện rong chơi, đang riu rít chuẩn bị cuộc hôn nhân với một sinh viên Cử nhân Triết học. Bỗng nhiên ngày 4 tháng 2, tổ chức SLA bắt cóc cô bé để làm áp lực buộc ông bố, Randolph Apperson, chủ báo *Examiner*, phải cung ứng 375 triệu đô-la cho một dịch vụ « xã-hội »: nuôi sống năm triệu rưỡi người

nghèo khổ ở California. Với khả năng hiện hữu, Randolph đã tỏ thiện chí bằng nửa triệu đô-la đầu tiên và đang chuẩn bị tiếp tục tỏ thiện chí, thì bỗng xảy ra vụ cướp ngân hàng và ông ta chưng hửng khi thấy tấm ảnh đưa con gái của mình lăm lăm tay súng, đặng đặng sát khí, và đã khước từ cái tên Patty đáng yêu để xài bí danh Tania — tên người tình của « lãnh tụ » Che Guevara. Chưa hết: ít bữa trước đó, ngày 3 tháng 4, qua băng nhựa, Patty lại gọi về cho bố mẹ và người chồng sắp cưới giọng nói của chính nàng với những lời lẽ kỳ quặc, sắc mùi chính trị khuynh tả: « Cha tôi là một tên lão khoét... Tôi đã thay đổi, đã chín mùi... Tôi đã thức tỉnh, tôi không thể trở về cuộc đời xưa kia được nữa. Tình yêu cũng đã mang một ý nghĩa khác đối với tôi..., tôi mở rộng tình yêu cho mọi người. Và tôi biết rằng người ta chỉ có thể tìm thấy tự do khi nào mọi người đều được tự do... »

Những lời nói huê dạng trên đây có chứa đựng một ý nghĩa sâu xa nào chăng? Tại sao không? Nhưng tiếc thay, qua giọng nói của của Patty, người ta lại tìm thấy một vẻ gì là lạ... Nghe như giọng nói của một

(1) SLA = Symbionese Liberation Army.



Patricia Hearst lúc chưa bị bắt cóc

kẻ bị chỉ huy thuốc kích thích, một kẻ không còn làm chủ được mình...

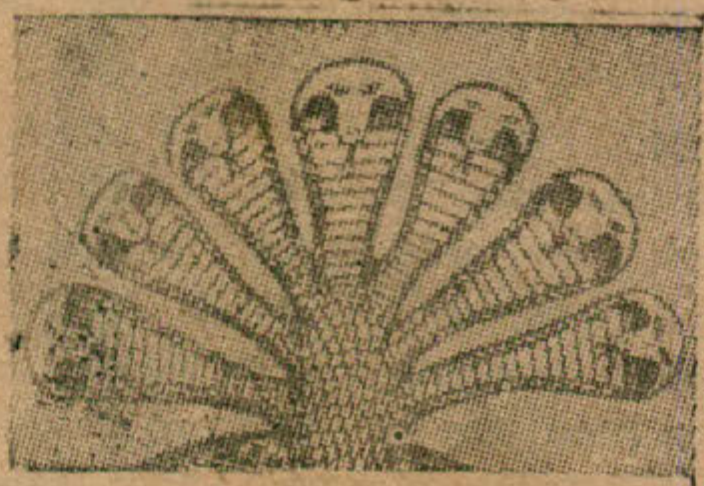
Và từ cái tính chất khó hiểu của những biến cố dồn dập nói trên, các chuyên viên Mỹ quốc, nghiên cứu về trường hợp Patty, tha hồ mà đặt những giả thuyết: Nào là Patty thật ra đã bị giết chết và người đàn bà xưng danh Tania Hearst trong vụ cướp ngân hàng chỉ là một Patty giả hiệu... Nào là Patty từ lâu vốn đã là đảng viên của SLA và toa rập với đồng bọn đề dựng lên một vụ bắt cóc... Nào là Patty với bản năng tự vệ, đã giả đồ theo phe SLA và sau đó bị cưỡng bức tiếp tay bọn gian phi đi đánh cướp... Và cuối cùng, có lẽ Patty đã là nạn nhân của một kế hoạch hành hạ tâm lý suốt hai tháng trời, để rồi bị tẩy não và trở thành một con cừu non tự nguyện gia nhập SLA trong mọi hành động. Ngoài trừ giả thuyết cuối nghe có vẻ hợp lý nhất, những giả thuyết kia đều khó đứng vững.

Nhưng thôi, hãy gạt sang một bên tất cả mọi giả thuyết. Vấn đề bây giờ là FBI phải chứng tỏ uy tín của mình bằng cách tìm cho ra Patty và tiêu diệt cái tổ chức mang tên SLA.

SLA là gì ?

Ba chữ viết tắt : đối với một số người, là cả một cơn ác mộng ; đối với một số người khác, nghe như một trò khôi hài rẻ tiền. *Symbionese Liberation Army*. Danh từ đao to búa lớn, cũng y như tín điều của họ, thứ tín điều Mác-xít giả hiệu. *Symbionese* là một từ ngữ bắt nguồn từ *symbiosis* — thuyết cộng sinh trong sinh lý học và nhân chủng học, chỉ tình trạng cộng đồng sinh hoạt của những cơ cấu bất đồng. Ý nghĩa của từ ngữ được chọn lựa này, cũng như dấu hiệu con rắn *cobra* bày đầu, biểu tượng của SLA, muốn nói lên một sự đoàn kết mạnh mẽ để đạt tới những mục tiêu chung, những sức mạnh của Thượng-đế và cuộc sinh hoạt nhân loại: sự sáng tạo, sự kết hợp, sự tự quyết, sự liên đới sản xuất, lòng tin, cứu cánh, sự làm việc tập thể và trách nhiệm. Và đao to búa lớn hơn nữa: « Nọc độc của con rắn ấy sẽ tiêu diệt giống côn trùng phát-xít... cùng với nền luân lý tư bản và thanh giáo đang gặm nhấm chúng ta ».

« Mặt trận » SLA thành hình từ một nhà tù thuộc tiểu bang California vào cuối năm 1972. Một trong những lãnh tụ, hay muốn gọi là sáng lập viên cũng được, là Donald David DeFreeze, da đen, 40 tuổi, bị bắt nhiều lần vì ăn trộm, ầu đả, giả mạo chi phiếu oa trữ vũ khí bất hợp pháp và nhiều tội lĩnh kinh khác. Cùng với De Freeze là chừng một tá khuôn mặt, trong đó gần phân nửa thuộc



Biểu tượng của SLA : rắn Cobra 7 đầu

nữ giới, mỗi kẻ một loạt thành tích: Angela Atwood, Camilla Christine Hall, Emily Harris, William Harris, Nancy Ling Perry, Patricia Soltysik, Thero Wheeler, William Wolfe... Ngoài những kẻ tại đảo ấy, còn có ba tay kiện tướng nữa đã xộ khám: Clifford Jefferson, Little, và Joseph Remiro. Một thành phần như thế quả có nói lên sự kết hợp: giữa màu da trắng và màu da đen, hay nói chi tiết hơn, giữa những người da trắng có địa vị và học thức cấp Đại học, với những người da đen trong giới anh chị bất hảo nhất. Thêm một chút kết hợp nữa, giữa các nam lãnh tụ và các nữ lãnh tụ, và giữa các nữ lãnh tụ đồng tính luyến ái, như Patricia Soltysik với Camilla Hall.

Bây giờ đến lúc thực hiện những mục đích của sự kết hợp — sự "cộng sinh": SLA lập một bản phong thần, kê khai danh sách những kẻ cần phải tiêu diệt. Thí dụ Colston Westbrook, giáo sư ngữ học người da đen ở Berkeley; Huey Newton, lãnh tụ Báo Đen (vì đã từ bỏ chính sách sử dụng bạo lực); Raymond Procnick, Giám đốc trại

cải huấn California, vv... Đến tháng 11 năm 1973, một vụ ám sát thành hình và gây xôn xao trong dư luận: Marcus Foster, Thanh tra học chính trường Oakland, bị giết bằng đạn cyanure, vì đã theo đuổi và thành công trong việc bài trừ ma túy tại học đường. SLA cho rằng việc làm này của Foster là một "tội ác đối với thiếu niên".

Hành động kế tiếp: Tháng 2 năm 1974, bắt cóc Patricia Hearst ngay trước cửa nhà và nện một cái chai lên đầu Ste en Weed, vị hôn phu của Patty. Kế tiếp nữa: ngày 15 tháng 4, đánh cướp nhà băng ở San Francisco.

Khi đó, Patty Hearst đã "biến thành" Tania.

Từ cuộc săn đuổi đến cuộc thiêu sống

Đầu tháng 5 vừa qua, đường dây của FBI phăng ra rằng ít nhất hai khuôn mặt của SLA, vợ chồng Harris và có lẽ cả Angela Atwood, thuê một căn nhà trong một khu da đen thành phố Los Angeles. Ngày 16 tháng 5, hai vợ chồng vào một tiệm buôn mua quần áo và toan đánh cắp thứ gì đó, gần ấu đã náo loạn. Họ thoát thân ra cửa và được yểm trợ bằng một tràng tiểu liên (phải chăng do chính Patty Hearst bắn?)

Vòng vây xiết lại. 17 giờ 52 phút ngày hôm sau, FBI dùng máy phóng thanh gọi những kẻ ẩn núp trong căn nhà số 1462 đường 54 ra đầu hàng. Không ai đáp ứng. Súng nổ. Vào khoảng 40 phút sau, một người đàn bà da đen từ trong nhà tháo

thân chạy ra, xưng tên Christine Johnson và cho biết đã bị bắt làm con tin.

Rồi bỗng nhiên căn nhà bốc hỏa, có lẽ vì chính những trái lựu đạn trong đó phát nổ. Nhưng vẫn không ai chạy ra ngoài. Khi đội cứu hỏa đến nơi thì hầu như chỉ còn một đống gạch vụn cháy đen. Bới đống gạch vụn ấy, người ta tìm thấy năm xác chết, và sau đó tìm thấy thêm một xác nữa. Thủ tục giải phẫu khám nghiệm tử thi tức khắc được thực hiện, và cho biết lý lịch những kẻ đã chết, không chỉ vì bị thiếu sống mà còn vì bị những viên đạn bắn trúng hoặc tự bắn: Defreeze Camilla Hall, Nancy Ling Perry William Wolfe, Angela Atwood Patricia Soltysik.

Bộ tham mưu của SLA, như thế, đã coi như bị tiêu diệt hoàn toàn. Nhưng trong những xác chết, không có xác Patricia Hearst: Patty đi đâu?

Huyền thoại Patty

Người ta đã tốn khá nhiều giấy mực vì câu chuyện Patty, câu chuyện ly kỳ như một huyền thoại bắt đầu thành hình. Có lẽ điện ảnh rồi cũng không quên chiếu cổ đến nó. Một ngày gần đây chắc hẳn chúng ta sẽ được xem ống kính của nghệ thuật thứ bảy khai thác khuôn mặt xinh xắn và dễ thương của Patty. Khuôn mặt ấy, trên thực tế, hiện đang ở đâu? Không ai trả lời được, kể cả FBI.

Thay cho niềm bí ẩn ấy, người ta tiếp tục cố gắng tìm cách giải thích một niềm bí ẩn khác: nguyên nhân

nào đã biến Patty thành Tanis đã biến một thiếu nữ đáng yêu, bình dị thành một tin đồ điên cuồng của một tổ chức chính trị nửa mùa, xã hội nửa mùa và đầy sắt máu một cách ghê tởm là SLA? Sự biến thái ấy kỳ quái và khó tin đến độ những người thân yêu của cô gái cho đến giờ phút này vẫn ngỡ ngàng không muốn cho là có thật — (như Steven Weed tâm sự: Tôi nghĩ rằng Patty vẫn còn yêu tôi).

Một người tỏ ra muốn giải thích trường hợp Patty một cách tế nhị: đó là bác sỹ Frederik Hacker, bạn thân của nhà phong tục học Konrad Lorenz, hiện là giáo sư phân tâm học và là cố vấn tinh thần cho gia đình Hearst, Bác sỹ Hacker cho rằng « con người có thể bị hướng-dẫn, phản-hướng-dẫn và tái-hướng-dẫn tư tưởng những điều kiện nào đó, và Patricia thì mới hai mươi tuổi... » Sau chuyến cướp ngân hàng, người ta nhận thấy có lẽ Patty đã bị cải hóa tư tưởng, và dưới mắt Patty, biết đâu những kẻ trong tổ chức SLA « không hẳn là những tên sát nhân hay ác quỷ, mà lại là những kẻ rất dễ thương (genuinely nice fellows) không khác biệt bao nhiêu với những người mà Patty từng quen biết. Và trên bình diện chính trị, thì con đường Patty đang đi chính là bề trái của con đường mà người con gái Staline đã đi về thế giới phương Tây ». Và như thế, theo Hacker, người ta nên nhìn cái « quyết định » của Patty với một mắt nhìn « thiện cảm và nhân ái, hơn là với cuồng nộ và bài xích ».

Hacker có thể có lý. Hơn nữa, không phải chỉ mình ông ta nghĩ như thế. Trong sân Đại học đường Berkeley, người ta thấy những tấm bích chương do các sinh viên dựng lên, vẽ hình Patty với cái huy hiệu con rắn bẫy đầu, và hàng chữ « *We Love You, Tania* ».

Tania, hay Patty — nghĩ cho cùng hai cái tên ấy cũng chẳng khác biệt gì nhau, chẳng phải từ một thái cực này sang một thái cực khác. Chúng cùng là biểu tượng cho một huyền thoại — nếu người ta muốn gọi như thế: huyền thoại về một xã hội đã và đang tiếp tục biến động đến cùng cực, đang bị lay chuyển từ những căn bản vốn dĩ không mấy sâu kín gì cho lắm, và bằng những xung

động quá lạm. Cái bề mặt của một xã hội hậu kỹ nghệ và thuần kỹ nghệ, một xã hội cơ-giới-hóa, bị vây chặt bởi những tiện nghi và những quy điều đến độ không một kẽ hở cho bất cứ một chuyển hướng tâm sinh lý nào; — cái bề mặt ấy không đủ để đương cự với những xung động quá lạm, phát khởi trên chính nó. Và nó nhăn nhúm khổ sở, một cách liên tục, không tránh được và không dừng lại được. Trường hợp Patty Hearst, hay trường hợp Watergate, phải chăng cũng chỉ là những cái nhăn nhúm của một khuôn mặt xã hội như thế?

ĐÀO-TRƯỜNG-PHÚC

8-1974

TRIẾT HỌC và VĂN CHƯƠNG

của ĐẶNG PHÙNG QUÂN

Khoa học văn chương khảo chứng qua những lý thuyết văn tự của J. Derrida, R. Barthes, M. Foucault, M. Blanchot và nhóm Tel Quel, cũng như kinh nghiệm thơ Thâm Tâm, văn Khái Hưng, Stendhal, Simone de Beauvoir, R. Laporte.

Sách dày 328 trang — Giá 750đ.

Lửa Thiêng xuất bản



Bộ máu Chuông vàng

Soluté B1, B12, Fer

FERAMIN

Mất máu — Đau mới khỏi — Ăn không tiêu — Băn thần mới mệt

Viện bào chế *TENAMYD*

Đậy kỹ và giữ trong tối

công dụng nổi bật nhất

hemocalcium B12

VI. SUY YẾU. CHẬM LỚN
KÉM ĂN. THIẾU MÁU

hemocalcium B12

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu nhanh tố B 12 qua màng ruột mà không bị tiêu hóa.

S

Được phân phối

Được phân phối

Công thức môn thuốc mới :

HÉMOCALCIUM B 12

VI. SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu nhanh tố B 12 qua màng ruột mà không bị tiêu hóa.

Bán tại các nhà thuốc tây.

Đề nghị phương thuốc trị bệnh mắt cho Thi-sĩ QUACH-TẤN

Một dịp thật bất ngờ, trên Bách-Khoa số cũ, số 401, chúng tôi hay tin nhà thơ Quách Tấn vướng phải chứng đau mắt Glaucome cấp tính. Với thi sĩ Quách Tấn, chúng tôi không quen nhưng vẫn hằng mến mộ ông qua các thi-phẩm, văn-phẩm. Chúng tôi bàng hoàng không ít, như luyến-tiếc, như sợ mất đi một vì sao lấp-lánh trên khoảng trời đẹp, nên vội đề nghị sau đây phương thuốc, hy vọng rằng sẽ giúp được cho thi-sĩ.

Bệnh chứng đã xảy ra cách đây tròn 5 tháng, không biết phương thuốc mà chúng tôi sắp ghi đây còn cần thiết nữa không.

Nếu giúp được cho thi-sĩ thì tốt biết bao. Bằng không, cũng xin được xem đây là dịp để trình bày cùng y-giới nước nhà nhận thức và phương pháp trị-liệu của y-học Đông-phương đối với chứng Glaucome.

oOo

Đề làm chứng liệu căn bản hầu tìm phương thuốc thích nghi cho Cụ Quách Tấn, chúng tôi xin ghi lại một trường hợp bệnh Glaucome đã được chữa khỏi.

Ngày 14-3-1974 :

Một bệnh nhân tên Nguyễn thị Tuyết ở xã Bình-Đức, Long xuyên. Cô đến nhờ chúng tôi chữa trị chứng đau mắt. Cô cho biết từ 2 tháng nay cô bị nhức đầu dữ dội, suốt ngày đêm. Cô không ngủ được, đặc biệt là 2 mắt thật đỏ, nhức nhối vô cùng, có cảm giác như lồi hẳn ra.

Cô đã đến xin điều trị ở Bệnh viện Bình-Dân. Nơi đây y-sĩ xác nhận cô bị bệnh Glaucome. Sau 1 tuần trị liệu không giảm, cô được khuyên là nên mổ. Nhưng cô không đồng ý và trở về nhà.

Hiện giờ (ngày 14-3) mắt trái, một

màn mây trắng đục che kín cả tròng đen. Nhìn ra sáng chỉ thấy bóng mờ. Mắt phải vẫn còn trông thấy. Cả 2 mắt đều thật đỏ, thật nhức nhối.

Đầu nhức như búa bổ ở phần đỉnh, và 2 bên thái dương.

Không ngủ được, rất mệt mỏi bực dọc.

Khám mạch : Cả 2 tay đều phù, sác. Hai bộ thốn vượt lên cao khỏi bộ vị về phía lòng bàn tay.

Tả quan, tả xích ; Phù, Hư sác
Hữu xích : Hồng

Toa thuốc : Chúng tôi ghi như sau :

- Thục địa : 06 chỉ
- Chánh hoài sơn : 04 chỉ
- Chánh đơn bì : 02 chỉ
- Trạch tả : 02 chỉ
- Chánh phục linh : 02 chỉ

- Táo nhục : 02 chỉ
- Bắc câu kỷ : 02 chỉ
- Thạch quyết minh : 01 chỉ rưỡi
- Bạch tật lê : 01 chỉ rưỡi
- Hoài ngư tất : 01 chỉ
- Chánh dương quy : 02 chỉ
- Ngũ vị tử : 05 phân

Cho nấu với 04 chén nước, còn lại 02 chén vơi. Uống ấm phân nửa buổi trưa. Phân nửa còn lại, uống ấm buổi tối.

Ngày 15-03-1974

9 giờ sáng, bệnh nhân trở lại. Cô cho biết đêm qua ngủ được nhiều, khoẻ, người mát. Đầu bớt nhức 60 phần trăm. Mắt nhẹ nhiều, còn nhức nhưng ít thôi.

Mạch :

Phù, hườn còn hơi sác,
2 bộ thốn hết vượt cao,
Tả quan, tả xích hườn bớt hư
Hữu xích bớt hồng.

Toa thuốc : Dùng y như hôm qua

Ngày 16-03-1974

Bệnh nhân trở lại, thật vui mừng, cho biết đêm qua ngủ ngon, khoẻ. Đầu và mắt êm hẳn. Sáng nay thấy đói bụng, ăn biết ngon. Tròng trắng trắng hẳn cả 2 bên. Chỉ còn phớt hồng ở 2 khước.

Mạch :

Hòa hườn còn hơi sác,
Tả quan huyền hoãn,
Hữu xích bớt hồng.

Toa thuốc :

Dùng y như trước, nhưng thay

đổi phân lượng 2 vị :

- Câu kỷ : 01 chỉ
- Dương quy : 03 chỉ

Cho dùng 2 thang, liên tiếp 2 ngày.

Ngày 20-03-1974 :

Bệnh nhân trở lại, rất vui vẻ linh hoạt. Cho biết suốt 04 ngày qua không còn đau nhức ở đầu và mắt nữa. Dù có nghỉ 2 ngày không uống thuốc. Mắt bên phải đã bình thường. Mắt trái lòng trắng trắng hẳn. Duy còn màn mây trắng cũ. Màn mây này xuất hiện và che kín mắt trong lúc mắt đỏ và nhức dữ dội cách nay gần 1 tháng.

Hiện giờ mắt bên trái này, nhìn ra ánh sáng chỉ thấy lờ mờ. Mặc dù đã cảm thấy mạnh không còn nhức nữa.

Mạch :

Hòa hoãn cả 2 bộ
Tả quan hết huyền
Hữu xích hết hồng

Toa thuốc :

Dùng y như ngày 16-3-1974 hai thang liên tiếp. Và cũng theo toa này, cho thuốc tán bột làm viên với mật ong, mỗi viên 2 chỉ tất cả 20 viên. Bệnh nhân phải dùng tiếp sau thuốc thang. Mỗi ngày 2 viên. Sáng 1 viên, tối 1 viên.

Từ đây đến nay đã trên 2 tháng. Bệnh nhân mạnh hẳn và sinh hoạt bình thường. Tuy nhiên còn lớp mây trắng ở mắt trái. Chúng tôi đã đề nghị bệnh nhân nên dùng thuốc tiếp tục cho tan hẳn.

Hoặc là nhờ kỹ thuật giải phẫu ở các y viện. Bệnh nhân cho biết là tình trạng gia đình nghèo. Đành đợi lúc nào có tiền.

oOo

Trở lại bệnh chứng của Cụ Quách Tấn, chúng tôi y cứ theo lời mô tả trong Bách Khoa số 401 và đề nghị phương thuốc như sau :

- Thục địa : 07 chỉ
- Chánh hoài sơn : 05 chỉ
- Chánh đơn bì : 03 chỉ
- Trạch tả : 03 chỉ
- Chánh phục linh : 03 chỉ
- Táo nhục : 04 chỉ
- Nhục quế : 05 phân
- Hắc phụ tử : 01 chỉ
- Bắc cầu kỷ : 02 chỉ
- Thạch quyết minh : 01 chỉ rưỡi
- Bạch tật lê : 01 chỉ rưỡi
- Hoài ngư tử : 01 chỉ
- Chánh dương quy : 02 chỉ rưỡi
- Ngũ vị tử : 05 phân

Cách dùng :

4 chén nước nấu với thuốc. Còn 2 chén vơi (vơi 9/10 chén)

- Uống ấm buổi trưa phân nửa
- Buổi tối uống ấm phân nửa

Phương thuốc này khác với trường hợp trước, có thêm 2 vị :

— Nhục quế và Hắc phụ tử. Đây là hàm ý cho mạnh lại Thận dương (mệnh môn hỏa) là cơ quan mà người già thường suy nhược, và rồi gây những đi tiểu ban đêm nhiều lần. Một lẽ nữa sự hiện diện của 2 vị này như một chốt xúc tác để tạo được sự quân

binh của thể âm dương trong trường hợp già cưa.

Hai phương thuốc trên, chúng tôi đều theo một nguyên tắc là làm mạnh lại, bồi bổ lại phần Âm của cơ thể, để cân phân, quân bình với phần Dương là phần vì Âm lực yếu kém không kèm giữ được, nên đã vượt lên cao đẩy máu lên phần trên làm cho các động mạch ở đầu, ở mắt căng cứng và gây ra nhức đầu, nhức mắt dữ dội.

Chúng tôi có thể tưởng tượng cơ thể con người như 1 khối nam châm : phần trên là Dương, phần dưới là Âm. Hai phần Âm Dương này kết hợp chặt chẽ và cân phân với nhau. Ta có sự quân bình tức là mạnh khỏe. Nếu phần Âm lực bị kém, Dương lực mạnh hơn, kéo vượt lên trên thì ta có sự mất quân bình tức là bệnh. Phần trên cơ thể căng thẳng, máu lên đầu nhiều. Phần dưới trở nên yếu kém. Cho nên ta không lấy làm lạ những bệnh « lên máu » luôn kèm theo chứng 2 chơn yếu và lạnh.

Từ một cách nhìn toàn diện, Đông phương đã thấy được nguyên do của sự căng cứng động mạch ở phần trên và đã giải quyết tận nguồn là bồi bổ phần Âm, phần dưới. Kết quả thực nghiệm là áp lực máu ở đầu giảm xuống.

Người bệnh hết đau đầu, hết nhức mắt, nhịp tim trở lại bình thường. Chỉ một tác động đơn thuần « quân bình Âm-Dương » là đã giải quyết được toàn diện.

Vấn đề trên đưa chúng ta liên tưởng đến phương-pháp trị lao phổi. Cách đây 4,5 ngàn năm, bộ sách căn bản của Y học Đông phương, bộ Nội kinh, đã nói « Căn ư thận, quan ư phế », nghĩa là gốc bệnh ở thận và phát hiện ở phổi một sự kiện mới quá đối với chúng ta. Mà lạ lùng thay, hết sức đúng trên thực nghiệm.

Mong rằng với phương pháp khoa học, chúng ta rọi sáng lại kho tàng Văn minh Cổ Đông phương,

nghiên cứu những quan niệm, những nhận thức đã từng rực sáng và đứng vững cả mấy ngàn năm, ngõ hầu giải quyết những vấn đề đã và đang làm chúng ta chùn bước bí lối. Mà trường hợp bệnh Glaucome là một thí dụ nhỏ nhoi điển hình.

Châu-Đốc ngày 29-05-1974

ĐỖ-TRỌNG-LỄ

Ghi chú của Bách Khoa : Bài trên đây đã được chuyển ngay đến Thi sĩ Quách Tấn trước khi đăng trên Bách Khoa.



Nhức đầu
Đông
Budon
TRỊ:
 Nhức răng, nhức môi đau
 lưng, đau như lúc có
 Kinh Kỳ

Homo urbanus

Homo urbanus (1): loại, *homo*, thứ, *urbanus*.

Chúng ta mô-tả con đực, lớn từ 30 đến 50 tuổi.

Một thiếu-số có cơ-thể bọc một lớp mỡ (mặc dầu chúng ít phải chống-đỡ lại với khí lạnh). Bụng thường phình lớn quá sớm nếu so với tuổi, hai móng núng nính. Lưng cong ra đằng trước, trên hai giò hơi teo quắt. Sọ thường hơi, tuy rằng chúng vẫn còn lông ở các vùng khác. Thường hay mang kính.

Đa số còn lại thì có cơ-thể bọc bởi một lớp vỏ kitin (để có thể thích-nghi với điều-kiện khí-hậu bên ngoài). Chất kitin ấy cấu-tạo nên do sự chõng-chất qua năm tháng của những lớp tế-bào bao-phủ bị ngoại-môi, đói rét và lao-động hủy-phá.

Áo quần phủ-trùm tất cả thân-thể *homo*, ngoại trừ đầu và tứ chi (con cái có khi mang găng, nhưng thông thường găng chỉ để cầm nơi tay như một bó hoa. Và lại trên găng có khi cũng in hình hoa lá cành, loại hippy)

Tuy rằng nếu nhìn chung thì có vẻ ít tráng-kiện hơn *pithecanthropus* và/hoặc *neandertalis*, *homo* lại có cơ may sống lâu hơn những phạm-vật tiền-bối, nhờ một khoa-học và nghệ-thuật gọi là y-khoa, khoa-học và nghệ-thuật ấy thực ra cũng chỉ xứng danh là khoa-học và nghệ-thuật trong vòng chừng năm mươi năm trở lại đây.

Buổi sáng, đa số choàng tỉnh khi nghe một tiếng hú ma quái phát ra từ những thứ ống nhỏ gắn cao tí trên đỉnh một cái tổ lớn. Cũng có khi một tiếng chuông reo kêu giật nó ra khỏi giấc ngủ. Rửa ráy xong (vì *homo* đã trở thành một con vật sạch-sẽ sau bao thế-kỷ ăn lông ở lỗ và sống chui sống rúc), nó bỏ nhào đi thay quần áo (vì thường thì con vật của chúng ta vẫn mặc y-phục trong khi ngủ, trừ một ít trường-hợp ngoại lệ hiếm-hoi).

Nuốt vội nuốt vàng một vài thức ăn lông, đặc hay lồn nhồn, nó ra khỏi ổ, phóng mình vào không-gian, leo lên những thứ giá hay chui vào những cái hộp bằng kim-loại có gắn bánh gọi là xe. Và rồi nó dẫn thân vào một đoàn những vật đồng loại lúc-nhúc, lồm ngồm, chen chúc giữa các dây tổ dựng cao sừng sững. Cứ thế nó nhắm trước mặt mà lùi lùi tiến tới. Rất ít khi nó thụt lùi. Nó cứ liên tục nhích lên, khi nhanh, khi chậm, cũng có khi ngưng hẳn, nhưng luôn luôn theo cùng bầy của nó. Dường như đây là một loại bản-năng bẩm-sinh khiến nó cứ phải hì-hục hướng về đằng trước, đồng thời với các con khác, nhưng không bao giờ đụng vào nhau (tuy nhiên bản-năng này có vẻ cũng không phải là hoàn-toàn vì thỉnh-thoảng vẫn thấy mấy cái vỏ kim-loại dính vào với nhau, lắm lúc dính chùm là khác).

Có vẻ như nó luôn luôn phải cảnh-giác. Các phản-xạ của nó thực là bé nhỏ.

Những khối sắt thép rỗng ấy liên-lạc với nhau qua trung-gian của những đốm lửa nhỏ gọi là đèn hiệu. Có khi homo gửi tín-hiệu cho các con khác bằng cách dùng ngón trỏ gõ côm cốp lên trán, cũng có khi nó tỏ vẻ xúc-động hơn, qua những cái nhún liên-tiếp hai khớp xương nối chi trên vào mình, qua những cái ngo-nguậy đầu dòn-dập. Thường thường những lúc ấy người ta nghe nó thờ ra mạnh hơn: có vẻ như đây là một biểu-hiệu của sự bức-dộc hay chán-nản. Đây dường như cũng là lúc con vật của chúng ta đang tự vấn lương tâm hay đọc kinh buổi sáng gì đó, bởi ta nghe nó lẩm-bẩm, lâu bầu: « Rồi, rồi, hôm nay xui rồi. Ra ngõ gặp gái rồi... » (« Gái » là tiếng chỉ homo giống cái. Hình như giống homo cái là nguyên-nhân của rất nhiều phiền muộn cho homo đực).

Cuối cùng rồi con homo của chúng ta cũng thoát ra được khỏi dòng nước sắt thép cứ cuộn cuộn đầy nó đi, để tìm ra một chỗ ngừng lại. Tuy nhiên lắm khi có vẻ nó tìm chỗ ngừng hết sức khó khăn, và thỉnh-thoảng lại thấy hai cái vó cùng bò vào một chỗ. Trong trường-hợp này chúng ta ghi-nhận một thứ phản-ứng gọi là đấu khẩu.

oOo

Chồm ra khỏi vó sắt hay tuột xuống khỏi giá nhôm, homo đâm bò vào một khoảng trống gọi là lẽ

đường, chen chúc; lẫn lộn với các đồng-loại của nó. Giờ thì chẳng có gì bảo-vệ nó nữa, ngoài những y-trang nó mặc. Nhưng các phẩm-vật này cũng bảo-vệ nó không trọn vẹn vì có nhiều phần trên cơ-thể của nó hoàn-toàn trần-trụi. Có một số homo, chắc vì muốn biểu-dương sức đề-kháng, còn thu gọn bớt lớp vải vóc che chở cơ-thể. Tuy nhiên, dầu thu gọn bao nhiêu đi nữa, homo vẫn có những phần trên thân mình luôn luôn được bao che, bảo vệ kỹ-lưỡng (có khi bằng hai lớp vải): chắc chắn đây là những điểm yếu của nó. Các chuyên-viên chiến-thuật của ta đang chú tâm nghiên-cứu thêm về những yếu-điểm này.

Rất khó vạch một qui-tắc, một định-luật chi-phối sự lưu-thông của homo trên lề đường: con vật của chúng ta có khi tiến thẳng, có khi đi chuyễn loanh-quanh, có khi thụt lùi, thậm chí có khi nó nhảy cồm lên từng bước ngắn. Mục-tiêu của nó có vẻ như là cố-tránh va chạm vào các cơ-thể khác và ta phải ghi-nhận một hiện-tượng lạ lùng là rất ít khi sự va chạm ấy xảy ra, mặc dầu những con vật đang di-chuyển không hề ngó nhau. Dường như chúng được một thứ giác-quan đặc-biệt hướng-dẫn, giác-quan ấy có lẽ đã phát-triển cùng với đời sống cộng-đồng của homo.

Muốn vượt qua những dòng sông sắt thép đang chảy cuộn cuộn, homo thường dùng hai cách: nếu còn trẻ, khoảng chừng ba mươi tuổi, mắt còn tinh, tứ chi còn lẹ thì nó nhào vào

dòng vỏ sắt, len lõi giữa các hộp kim khí đang ào ạt tiến tới (có lẽ chính vì muốn cho homo biết phương-pháp len lách tài-tình này nên mới có một kế-hoạch huấn-luyện qui-mô gọi là « nghĩa vụ quân-sự. ») Cách thứ hai là đứng chờ trên bờ và chỉ qua sông khi được phép, trường hợp này nó vượt cạn trong những lối dành riêng. Nhìn chung, có vẻ như đối với nó màu đỏ mang ý-nghĩa ngăn cấm, còn màu xanh lá cây mang ý-nghĩa kích-thích, thúc đẩy dẫn thân.

Sau cuộc hành trình ấy, homo chui vào một loại tổ ong, ngừng lại trong một một thứ hộp kín rồi ngồi dựa ngửa một cách thoải mái trên những vật dụng đặc-biệt. Bây giờ, tránh được mưa, không sợ nắng, khuất gió, với ánh-sáng đầy-đủ, nó đọc lia lịa, ghi chép nhoang nhoáng, sắp sếp hồ sơ, bôi lộn giấy tờ lung tung. Nhiều khi có những tiếng chuông reo lên gọi nó, thế là nó bỏ tất cả, chụp lấy một thứ máy nhỏ có dây nối. Nó nói chuyện lắm khi rất lâu với cái máy ấy, vừa nói chuyện vừa lật sỗ tay ghi chép hay bôi tìm những giấy tờ khác.

Thình-thoảng nó lại đưa tay lên, nhìn vào một khung tròn nhỏ gắn chặt vào cổ tay trái. Mặt khung tròn này chỉ cho nó biết vị-thế của địa-cầu so với mặt trời. Dường như con vật của chúng ta rất ham biết vị-thế ấy, nhưng vì sao mà nó ham biết thì giới khoa-học chưa hiểu rõ.

Buổi chiều nó rời khỏi tổ ong và

lập lại cuộc hành-trình như buổi sáng. Nơi trú ngụ của nó nằm trong những khoảng trống nhỏ, xung quanh có tường bao vây. Nó chia xẻ cái ổ ấy với con cái và những con con của nó.

oOo

Nó lại ăn vôi-vàng, có khi nhiều, có khi ít, tùy theo nó thuộc loài có mỡ hay kitin (loài có mỡ ăn nhiều, loài có kitin ăn ít, ta chưa rõ sự liên-hệ giữa các dữ-kiện này).

Vừa ăn nó vừa nói chuyện với gia-đình. Những câu chuyện của nó hết sức phức-tạp. Theo sự ghi-nhận của nhiều nhà quan-sát kiên-nhẫn và tài-ba thì các chủ-đề chính-yếu và phổ-thông là: những điều lo nghĩ và tình-trạng sức-khoẻ của con cái trong ngày, thái-độ và sức-khoẻ của những con con (homo là một con vật rất nhát gan đối trước bệnh-tật và rất lưu-tâm đến đám con cháu), thái độ của các láng giềng ban đêm, thái-độ của các lân-bang nơi làm việc, các chương-trình cuối tuần, các dự-định tương-lai, những cuộc đi chơi vào dịp nghỉ hè (nghỉ hè là từ chỉ những đợt di-tàn rộn rịp, rất đặc-biệt, gần như là cá-biệt, vì chỉ có thứ-phụ *Homo urbanus familiaris* mới có đặc-tính này). Nhiều lúc trong khi nói chuyện homo sử-dụng những từ nghe rất lạ tai: Watergate, Makarios, Bến Tranh... Tuy vậy những từ này lại có vẻ như hết sức quuyến-rũ đối với nó, vì nó cứ nhắc đi nhắc lại hoài, vừa nói vừa múa máy hai chi trước, có khi phun cả chất bài-tiết trong miệng ra ngoài.

Ăn uống, chuyện vãn xong, được

đồ ăn thức uống hâm nóng — nhất là vì có khi nó còn ngậm một cây gậy nhỏ cháy ngùn ngụt trong mồm — con đực liền ngả mình trong một thứ ghế dựa rồi bắt đầu ngắm nhìn những hình-ảnh.

Đây là dịp để homo quan-sát các đồng-loại khác. Nó nhìn và nghe một cách lơ-đãng các chính-khách, chú ý hơn đến những tay hề diều (không hiểu nó có đủ thông-minh để nhận ra rằng cả hai loại đều cùng là một thứ?). Nó theo dõi những nhà thể-thao (loại này thì khác, vì chúng ít mỡ và nhiều bắp thịt hơn, ngoài ra, chúng còn bị đầy đọa phải vận-động rất cực nhọc). Nó chăm-chú quan-sát những con cái đã được tuyển chọn vì có thân mình đẹp, và nó đặc-biệt lưu-ý cặp vú, cặp giò (người ta nghĩ rằng có lẽ những hình-ảnh loại này có mục-đích kích-thích bản-năng sinh-sản của homo nhưng giả-thuyết này còn phải xét lại vì thường suốt đời homo chỉ có trung-bình hai ba con; vả lại nó có thể sinh con vào bất cứ mùa nào, trái ngược với các loài động-vật khác; hơn nữa, các homo nhiều kitin, không được xem những loại hình-ảnh này, thì lại thường sinh-sản mạnh-mẽ hơn nhiều).

Chắc homo chưa quên tổ-tiên của nó, đêm nào còn ngủ vùi ngủ dập trong các hang hốc hoang-tàn, bên một đồng lửa leo lét, tai nghe đủ thứ âm-thanh cuồng-loạn của gió bão, của thú rừng. Nó, nó chỉ nghe những tiếng nhẹ-nhàng, dễ-chịu: tiếng máy chạy êm ả, tiếng bước chân thân yêu trên nền nhà, tiếng

rừ-rì của những hộp sắt lăn bánh bên ngoài. Nó cảm thấy ấm-áp, thoải-mái. Nó tin-tưởng ở sự tiến-bộ của dòng giống nó. Có thể nó nghĩ đến những ngày xa-xôi hơn, đến lúc về hưu (về hưu là một hình-thức thay-đổi tập tính của homo trong thời-gian ngắn trước khi chết). Thỉnh-thoảng nó cũng hơi bận tâm đến đời sống ở một thế-giới khác. Nó chỉ hơi bận-tâm thôi, bởi đã từ lâu, tôn-giáo, một hình-thức sinh-hoạt đặc-thù của giống homo (xem *Homo religiosus*), bình như đang trên đà tan rã. Dầu sao đi nữa thì nó cũng hy-vọng được đồng-loại chôn cất tử-tế, có điếu-văn, có huy-chương, mặc dầu ngày thường nó vẫn lớn tiếng tỏ ra bất cần.

oOo

Homo càng ngày càng trở nên urbanus. Có vẻ như đây là một hình-thái quân-bình thích-hợp với nòi giống của nó, có vẻ như đây là một tình-trạng hạnh-phúc nữa thì phải. Bên cạnh nó, *Homo paganus* (1) rõ-ràng là một thể-loại tương-cận thoái-hóa, một hình-thức tàn dư, một hậu-quả của tình-cảnh bất khả thích-nghĩ với môi-trường xung-quanh. *Homo paganus* còn có vẻ bị khinh-khi nữa là khác, ngoại trừ trong các dịp nghỉ hè (xem trên).

Tuy nhiên ta phải nhận rằng tất-cả những điều vừa mô tả đều chỉ là tạm-thời bởi, như ta đã thấy, loài homo thường-xuyên biến-đổi qua thời-gian.

Homo và nhất là *Homo urbanus* đã

(1) *Homo paganus* = người miền quê.

chiến-thắng tất-cả các loài có vú. Nó lùa nhốt chúng vào những khuôn viên, có vẻ như để làm một thứ lương-thực dự-trữ sống. Trong một chừng-mức nhất-định nào đó, nó cũng tỏ ra khá bao-dung: nó giữ lại bên cạnh mình một vài giống có vú và tập chúng quen với các thức ăn, với những ve vuốt của nó. Các côn-trùng không còn sống ký-sinh nổi trên thân-thể nó. Các loài virut và

siêu-virut cũng sắp sửa phải di-tàn chiến-thuật.

Thực đúng như tất cả các chuyên-viên của chúng ta đều đồng-thanh công-nhận, *Homo urbanus* quả là vua các động-vật. Chứ không phải sư-tử.

Trích Cách-trí Giáo-Khoa thư lớp Đổng Ấu (Chương-trình thi Sơ-học Yếu-lược trắc nghiệm Abêxê-tô siêu-IBM của học-sinh Hòa-Tinh).

TRẦN VĂN TÍCH

MẠNH VỤN VĂN HỌC SỬ

Biên khảo của BẰNG-GIANG

CHÂN-LƯU xuất bản
SÓNG MỚİ phát hành

« Tác phẩm nghiên cứu biên soạn công phu và có giá trị tài liệu cho những người đang quan tâm viết văn học sử nước nhà.

Một tác phẩm tốn nhiều công phu nghiên cứu văn liệu mà ít ai dám làm hoặc không có hoàn cảnh làm. Nay ông Bằng-Giang đã làm được. Thật là quý giá cho kho tàng văn liệu nước nhà

Tạp chí VĂN HỌC, VII — 1974

Đã phát hành toàn quốc:

Ý NGHĨ (Tập văn)

Tác phẩm thứ 8 của TẠ TỰ
nhà văn thời danh

Gìn Vàng Giữ Ngọc xuất bản

Giá 400đ.

NHÀ XUẤT BẢN AN TIÊM

sách mới xuất bản trong tháng 7 và 8 / 74

MÃ TỖ BÁCH TRUỘNG ngữ lục

Trần Tuấn Mẫn dịch chú

« Trong suốt cả mạch Thiền khởi nguyên từ đức Phật, Mã Tổ được xem là cái trục phát triển trọng yếu nhất sau Đạt Ma và Huệ Năng... »

NỤ CƯỜI DƯỚI CHÂN THANG

của Henry Miller

« Có lẽ đây là câu chuyện lạ lùng nhất trong những câu chuyện tôi đã viết... »

Henry Miller

TƯ TƯỞNG LÃO TRANG TRONG Y THUẬT ĐÔNG PHƯƠNG

của Trần Văn Tích

« Thông qua lẽ lối lý luận khoa học, tác giả đã đào kỹ bởi sâu khu nhà y lý cổ truyền để chỉ rõ những viên đá tảng xây nền đặt móng cho hệ thống lý luận của Đông y là do Lão học đặt và đồng thời, dựa vào chính hệ thống lý luận ấy, chứng minh những tính chất nhân bản, hòa đồng, tổng hợp, cũng như nhấn mạnh các đường hướng lý luận, nhìn bệnh, dùng thuốc của y lý phương Đông cùng với lẽ lối xử thế của người lương y lý tưởng... »

SỨ MỆNH VĂN NGHỆ HIỆN ĐẠI

của Albert Camus

gồm 2 bài: diễn thuyết đọc tại Viện Đại học Upsal, Thụy Điển, và diễn văn đọc nhân dịp lãnh giải thưởng Nobel văn chương tại Stockholm, Thụy Điển. Có in nguyên văn Pháp ngữ.

Lá thư nước ngoài

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Paris 24-7-74

Anh Ch.

Trước khi lên đường về xứ tôi nhất định ngồi vào bàn để viết thêm một bức thư đề ngày ở Paris nữa cho anh. Thư sau là đề ngày nơi khác rồi, có thể là Mễ-tây-Cơ, Hoa-kỳ, Đài-loan v.v...

Anh có cần nhắc cái sự không chịu ở yên một chỗ của tôi không, nhưng làm sao được, khi mỗi người sinh ra đời đều có mấy ông sao chiếu mệnh cứ lèo đèo theo sau. Mấy hôm nay tôi bận đi ăn hết nhà này đến nhà khác, hết hiệu ăn này đến hiệu ăn khác.

Anh biết hôm qua một người bạn mời tôi đi đâu không, đi đến ngay hiệu ăn cạnh nhà tức là Tour d'Argent một trong ba hiệu ăn nổi tiếng nhất Paris. Vào đấy tối thiểu phải là 200 quan, nhưng bao giờ rồi cũng phải trên số ấy vì còn các thứ rượu, trà v.v.. Hiệu này chỉ dành riêng cho nhà giàu, các nhà ngoại giao, thết đãi nhau hoặc là mấy ông Hoa-kỳ muốn chết cho nhắm mắt, thế nào cũng phải vào đấy một lần. Món đặc biệt của hiệu có từ năm 1890, đấy là món vịt nấu theo lối riêng của họ, khách nào vào ăn món ấy thì được tặng một tấm ảnh ông đầu bếp với số con vịt ăn hôm ấy. Chúng tôi ăn vào số 472 712. Chưa tới một trăm năm mà khách vào đấy ăn đã gần lên số nửa triệu con vịt rồi, ghê không. Họ làm sẵn mỗi ngày bao nhiêu vịt, khách nào đến ăn món ấy thì họ đưa ra một con vịt có đôi cánh bạc nằm trong một cái đĩa bạc, đưa cho khách xem, bảo rằng đây là con vịt mà quý vị sẽ ăn. Sau đó mới mang về bàn cắt ra nấu ngay đấy cho khách nhìn

thấy. May họ không chọc tiết trước mặt mình.

Ăn cũng khá ngon, không đến nỗi nào, tuy rằng, làm dân một nước chiến tranh nghèo nàn mà vào mấy hiệu ăn uống vút tiền qua cửa sổ như thế, tôi cũng hơi có chút mặc cảm. May cho tôi còn có lối thoát, là đi đến những nơi đó để về kể lể thông tin cho các anh chị nghe, nếu không phải làm cái việc kỳ kiếc này thì đóng cửa năm nhà ăn cơm với cháo vẫn thấy ngon như thường.

Hiệu ăn nằm trên hữu ngạn sông Seine, mở từ năm 1582 và mãi đến ngày nay vẫn còn nổi danh. Muốn ăn ở đấy bao giờ cũng phải giữ chỗ trước, một hiệu ăn không đóng cửa mùa hè vì còn phải chờ loại du khách nhà giàu. Họ còn làm riêng những con vịt bằng thủy tinh có màu sắc để bắt khách mua về làm kỷ niệm. Tôi nhìn thấy mấy ông bà Hoa-kỳ bên cạnh đều có mua về, để chứng nhà cho mọi người đều biết rằng ta đây có "lết" tới ăn ở đấy, nhưng tôi thì không mua vì nó xấu quá.

Bao giờ anh sang mà có muốn vào ăn thử thì bảo đề tôi dặn bàn trước đừng làm như anh chàng M.D., đến nhà tôi chơi rồi mời đi ăn ở hiệu này vì thấy gần nhà tôi, khỏi lái xe mà không đặt trước. Chúng tôi được gọi là may mắn, mà may mắn thật, vì sau đó, tất cả những bàn khác đều có người đến chiếm, họ đặt trước cả hai ba tháng.

Anh có biết là nhà hàng này phải trả tiền điện để chiếu những vùng dọc sông Seine ở trước mặt, cho ban đêm khách ăn có thể ngắm phong cảnh. Thỉnh thoảng còn tắt đèn tối ở trong để nhìn ra ngoài cho được rõ ràng hơn.

Đi một lần cho biết đề bắt nạt mấy ông trọc phú với mấy ông Hoa-ký chứ những nơi ấy không phải là nơi lui tới của chúng ta. Anh sang, tôi sẽ đưa anh đến một nơi gọi là Quán Nghệ-sĩ, do một gia đình, ông chồng trước làm trong chánh phủ, bà vợ cũng vẽ vời dăm bảy bức tranh. Trong hiệu ăn treo đầy tranh của bà ta. Con cái đứa nào cũng phải làm việc, nếu thuê người làm thì, không những phải mất tiền thuê mà còn mất thuế cho chính phủ, vì thuê người tức là chủ nhân ông, mà chủ nhân ông tức là nhà giàu.

Nghe tôi sắp về xứ họ đến bắt phải đề cho họ mời một hôm, hiệu đóng cửa dành riêng cho chúng tôi, khỏi phải trông thấy những mặt khách khác, Cưng không? Về xứ có thể lại được một phen cưng như thế nữa, nhưng xin anh đừng ngờ rằng chỉ vì vấn đề ấy mà tôi về xứ đâu nhé.

Còn đúng một tuần lễ thì tôi lên đường, lần nào cũng không đi thẳng mà còn ghé nơi này nơi khác nên vấn đề làm va-li là cả một sự phức tạp. Cũng nhân tiện đây trả lời cho một số bạn nhất là bạn gái muốn và đang chuẩn bị cuộc sống bồng bềnh này. Một cuộc sống, mà phải gọi là "không trâu bắt bò cày vậy..." Vì sung sướng nhất vẫn là những người đàn bà khỏi phải đi làm việc bên ngoài. Anh có sang đây tôi lại sẽ đưa anh đến giới thiệu cho một gia đình kiểu mẫu hạnh phúc, mà có lần tôi nhắc đến trên báo Bách-Khoa đó. Nói theo thuyết nhà Phật thì đây là kết quả của một sự tu nhân tích đức từ đời ông cha trong bao nhiêu kiếp trước. Những kẻ mà kiếp nào bố con đều làm giặc bề giặc núi thì bây giờ, kiếp này phải chịu cuộc sống bồng bềnh vậy!

Nhưng phải vào đề chứ, vào đề là làm va-li. Làm thế nào cho nhẹ nhàng, không phải ở đâu cũng tìm được phu khuân vác và cái xe đẩy hành lý. Tức là có những lúc tự ta làm phu phen lấy cho ta, vì vậy mà phải mang xách gọn gàng.

Lên máy bay, nếu là những chuyến đi xa, ngoài những đồ dùng cần thiết, khi nào cũng nên chuẩn bị nước uống nóng, đựng trong cái bình thủy nhỏ. Cà phê và trà của máy bay thì hãng nào cũng tồi, có lẽ giàu sang đi hạng nhất may ra còn vòi vĩnh những nhẽo được chứ cái cỡ trung lưu như chúng ta thì giới làm là xin được nước nóng mà thôi. Riêng tôi, lúc nào cũng có thức ăn,

cơm nắm giò lụa, thịt bông v.v., và ớt, nếu không có những thứ kia thì ít nhất phải có ớt, chứ cơm máy bay khó nuốt vô cùng. Chỉ những phường tục tử mới cho cơm máy bay là ngon. Tuy vậy lắm anh lên đến đây mới biết rằng chỉ ngon nếu mang về nhà cho anh ăn chứ trên máy bay một quá nuốt không trôi. Khoảng mấy năm về sau này họ cũng đã hết sức cố gắng nhưng vẫn chưa đi đến đâu, nhất là đối với chúng ta, những đứa con rồng cháu tiên.

Cố nhiên, phải ăn uống sao cho gọn gàng đừng làm nhục quốc thể, vắt ra vương vãi hoặc là đủ thứ mùi nước mắm chanh tỏi thì máy bay quay trở lui đứng kêu.

Xong chuyện trên máy bay còn chuyện nhà trọ, ngoài vấn đề áo trong áo ngoài mặc cho sạch sẽ, đừng nghĩ rằng chỉ đi vài hôm hoặc ta ở trong phòng, vì có những sự bất ngờ. Nhiều nhà trọ mà phòng tắm ở bên ngoài chẳng hạn, không lẽ ra khỏi phòng mà cứ như ở trong phòng ngủ. Hơn nữa còn mấy ông bà làm phòng vào xếp quần áo dọn dẹp cho ta mà thấy áo trong của ta thê thảm quá cũng khó coi.

Hết chuyện quần áo lại còn chuyện ăn uống, cà-phê bánh mì, nhà trọ nào giỏi lắm cũng chỉ có thể thôi. Nếu ta muốn uống một cốc nước trà riêng biệt buổi sáng thì sao? Vì vậy mà phải chuẩn bị một số dụng cụ bé, gọn, và thật tiện, hai ba thứ dẫn điện (prise) vì mỗi phòng

trọ mỗi xứ khác nhau chút ít. Có phòng trọ không có chỗ cắm điện thì phải có cách để lấy điện ngay ở đuôi bóng đèn. Dùng xong nhớ cắm bóng đèn lại cho người ta nếu không thì sẽ có sự la lối. Nhà trọ nào cũng biết rằng khách thường hay ăn cắp điện và họ đã tính thêm vào tiền phòng rồi nên sự ăn cắp này không tội lỗi đâu.

Ngoài ra lại còn phải có máy để thay điện 110 sang 220 hoặc ngược lại. Đàn bà lại còn là áo và sấy tóc. Lắm chuyện không? Nhà trọ ghé cái trò đó lắm, nhưng mặch chứ.

Bây giờ lại còn một mục dành riêng cho mấy nữ « đồng số phận », hay là đồng nghiệp, đồng gì cũng được. Mỗi một chuyến đi thế nào cũng có sự viếng thăm ông lớn bà lớn, có những vụ mời đi xem các nơi kỷ niệm hoặc thắng cảnh, vì vậy mà hành trang phải có bao nhiêu thứ giày. Đàn ông chỉ cần hai đôi là đủ, đàn bà phải có giày để đi với áo dài, giày để đi bộ, trèo lên núi xuống núi không đau chân, cũng như lết vào những cái viện bảo tàng, triển lãm. Đại đột đánh đôi giày gót cao thì về chỉ có ôm chân mà khóc. Ngoài ra, còn thứ giày hạng vừa để đi hằng ngày, và giày đi trong phòng ngủ. Chẳng lẽ đi chân không, chịu sao nổi, đây là chưa kể thứ bao chân để lên máy bay mà cởi giày ra cho thoải mái. Ít nhất mỗi người đàn bà phải có bốn đôi giày, thế là va-lê coi như mất một chỗ lớn. Vì vậy mà ai đòi gửi mang hộ đôi giày về cho cháu, hoặc đòi quà bằng một đôi

giày thì thật là khổ tâm. Quên một vấn đề là sách đọc trên máy bay, phải chọn thứ gì để tiêu chữ mang thứ khó khăn quá thì chẳng ích lợi gì nhưc dầu, chỉ mất công mang nặng tay, nên xếp nó vào va-li đi theo hành trang thì hơn.

Cuối cùng, nhấn riêng với những vị nào thích nhạc thì nên học sáo, nhất là sáo ta nó nhẹ nhàng. Đừng đại mà đánh cây đàn, đi đâu mà không mang theo thì què, sau về sẽ cứng tay, mà mang theo thì hết nói chuyện mang xách thứ gì khác. Chưa kể là trên máy bay nó còn lẩn chỗ của mình, phải nâng niu nó. Vất vả.

Ngày nay người ta bảo rằng mỗi người đi phải mang theo trong hành trang một cái máy vô tuyến điện, diêm này rất đúng đối với những đũa như chúng tôi, không có thì khó sống, nhất là ban đêm lấy ai làm bạn bè. Tốt nhất là cái máy vô tuyến có cả máy thu âm đi cùng và đừng quên một cái ống nghe cho khỏi phiền láng giềng, cạnh phòng ta.

Cuộc nói chuyện về kinh nghiệm đến đây tạm dứt nếu không dặn thêm quý vị nữ đồng nghiệp nên đem theo một bộ quần áo tắm. Có những nơi mình bị mời đi biển, đi hồ tắm, mà không có quần áo tắm thì cũng hơi tiếc, chẳng lẽ mỗi lúc lại bỏ tiền ra mua.

Mách với các anh, tuy kinh nghiệm bé thế đấy mà có lần cùng đi với một số đồng nghiệp sang một nước láng giềng, sau khi mỗi đũa được người ta chia ra phòng ai về nhà nấy. Các

ngài thêm uống, tinh cờ gỗ cửa phòng ôi thấy tôi đang thành thơi ngồi đun nước trà. Chúng nó nhìn các thứ dụng cụ mang theo của tôi và có kẻ đặt câu hỏi sao không ai đưa ra thương-mãi-hóa cái ý kiến này, tức là làm sẵn một cái bị bên trong đủ mọi thứ cần thiết cho kẻ sắp đi ở phòng trọ, thông minh biết mấy? Thế nào chẳng làm giàu vì càng ngày người xê dịch càng nhiều. Không phải là một bộ đồ "pic-nic" hẳn đâu, vì ở nhà trọ đâu có quyền nấu nướng đủ thứ vậy.

Riêng phần tôi, ngoài cái đàn ra còn trà, còn ấm chén, sáng nào cũng bày ra uống xong mới chịu làm gì thì làm. Nếu các anh không nghiện, thì chẳng nên theo. Nhưng nếu đời mà chẳng nghiện thứ chi cả thì cũng hơi buồn chẳng?

Thư này không nói chuyện gì lạ lùng cho anh nghe, nhưng kinh nghiệm thực tế rẻ tiền thế mà lắm khi cũng cần. Các anh có không cần thì hẹn với các anh thư sau tôi sẽ lết tới một nơi nào có nhiều sự lạ mang về làm quà cho các anh vậy.

Mấy hôm nay tôi đang mong ông phát thư mang trà đến vì nếu không thì đành phải ra hiệu Việt-Nam ở đây mua tạm một hộp trà thường để mang đi theo. Anh thấy tôi khó tính không, trà phải có các bạn tiếp tế từ Đài-loan hoặc Chợ-lớn sang mới chịu. Máy ông bạn Nhật-bản cũng có mang đến cho, gọi là trà đầu mùa được gọi là hảo hạng rồi, nhưng trà Nhật thì làm sao bì với trà của các chú chệt nhà ta được.

Giấy « đất » tình dài, các anh chị và Bách Khoa mạnh, vui. Báo cho anh biết rằng bên này có người toàn mua sách ở nhà qua mục quảng cáo sách của Bách Khoa đấy. Anh rán mà làm kỹ vào đề còn giúp anh em. Hẹn anh thư sau sẽ có nhiều điều hấp dẫn. Biết đâu thư sau đã có tôi ở nhà rồi, khoảng giữa tháng 9, anh chị chuẩn bị đun nước luộc gà đi thì

vừa. Chết, con nhà Phật mà ăn nói cứ như phượng vô đạo, phàm phu.

MINH ĐỨC HOÀI TRINH

Nhắn Tin

Vi phải đi công tác xa, Minh Đức Hoài Trinh sẽ vắng mặt ở Paris một thời gian — Bạn nào cần liên lạc xin cứ gửi về 70A soạn Bách Khoa Hợp thư 339 Sài on nhờ chuyển.

«Tôi chưa được đọc «BÀI THƠ CHO AI», nhưng ít lâu nay có đọc lẻ tẻ vài bài trên mấy tạp chí, cũng đã thấy sức quyến rũ của ngôn từ, những éo le của cảm giác, những xúc cảm mãnh liệt của tâm hồn, một tâm hồn cô đơn mà «vô lượng», sống ở hải ngoại mà khắc khoải về quê hương, quần quai trong thực tế mà vẫn không quên hướng thượng, bấy nhiêu đó được diễn ra bằng ngọn bút phong phú, sáng sủa, đầy nhạc điệu chơi vơi...»

Đó là một đoạn trích trong Tựa của Lãng Nhân cho tập

BÀI THƠ CHO AI

THI PHẨM THỨ BA CỦA
MINH ĐỨC HOÀI TRINH

BÁCH KHOA PHÁT HÀNH THÁNG MƯỜI 1974

MỘT BỘ BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP từ năm 1957 đến 1973
(thiếu khoảng 20 số) gồm 44 tập, bìa carton, gáy simili-cuir.
Giá 45.000đ. Giao tại 160 Phan Đình Phùng Saigon.

BANQUE

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Một linh hồn sa mạc

Việc đầu tiên khi về tới Saigon là tôi đi kiếm Hưng. Tìm tới nhà cũ của chàng tôi gặp chị người làm ló mặt qua cánh cửa chuồng chim phía trên tấm cửa sắt lớn, nói: «Cậu Hưng bây giờ ở bên Cư xá Công lý cơ. Chắc cô biết nhà rồi chứ ạ.»

Tôi nói: «Không. Tôi mới từ xa về và chưa biết nhà.»

— Cháu chỉ biết nhà cậu bên đó chứ không biết số nhà. Cô đợi để cháu vào hỏi cụ.

Tôi hơi ngại và sợ phiền nên đưa chị tấm danh thiếp và nói: «Chứng nào chị gặp cậu Hưng, chị làm ơn đưa dùm tôi tấm thiếp này và nói có tôi từ xa về, lại thăm.»

Chị nói: «Thường thường tối nào cậu cũng về đây soi cơm với hai cụ. Để tối nay cháu nói.»

Tôi quay ra. Thoáng một chút thất vọng và buồn buồn len lén bỏ vào thay cho cơn hồi hộp năm phút trước của hy vọng thấy chàng. Tản bộ trên con đường Tú Xương đầy bóng mát tôi miên man nghĩ về Hưng, về tôi, và thời gian đứng giữa.

Chúng tôi học cùng trường nhưng khác phân khoa. Quen nhau nhân dịp hoạt động văn nghệ và dần dần thân nhau. Khi đi học tiếng Tàu chúng tôi trở thành thân nhau hơn mức bạn, nhưng chưa tới mức người

yêu. Hồi đó Hưng bảo mình đi học tiếng Tàu để đọc chuyện Kim Dung và dịch thơ Đường. Thế là hai đứa rủ nhau đi. Mỗi tuần hai buổi Hưng tới đón tôi vào tuốt Chợ lớn học. Leo bốn năm lớp cầu thang, vòng vo qua nhiều gian gỗ ngăn và những chõng hộp giấy chất ngất ngư sát tận trần nhà, rồi mới tới phòng thầy đồ Tàu. Căn phòng nhỏ xíu đầy đồ đạc và vừa đủ chỗ để kê thêm hai chiếc ghế dựa cho hai đứa học trò ngồi sát nhau. Tôi chả học được là bao, nhưng vẫn theo đuổi, vì Hưng. Vì tôi thích được ngồi đằng sau xe Vespa, nhìn lồng áo Hưng dựng gió phồng lên như lực sĩ và nghe hơi ấm từ lưng chàng thơm ngậy ngậy. Có những bữa Hưng phóng xe thật lẹ, tôi ngồi chìa mặt ra cho gió mát buổi khuya tạt vào mặt rất lạnh rồi hai đứa rủ nhau ra đường Hai Bà Trưng vào quán Thu Hương ăn chè đậu xanh nóng. Niềm vui thật nhẹ nhàng. Đối với nhau thành thang. Và tất cả mọi chuyện đều dễ đó.

Nhưng rồi Hưng bị động viên. Còn tôi xin được học bổng đi du học. Tâm hồn nào mà không có bóng dáng của tâm hồn thủy thủ. Tuổi trẻ nào mà không tò mò về những vùng đất lạ với mơ ước bay qua. Nên tôi chỉ báo cho Hưng biết tin tôi đi xa, nhưng tôi không hỏi là chàng nghĩ sao. Tôi sợ Hưng bảo

tôi đứng đi. Tôi sẽ không biết làm gì nếu lúc đó Hưng bảo anh yêu em. Máy con bạn bảo tôi: « Mày điên à. Đi làm gì. Mày đi không biết có thêm được cái gì không thì chưa rõ chỉ biết là rời máy và Hưng sẽ mất nhau. Mày không nghĩ đến điều đó hay sao? » Tôi cãi lại là: « Hai năm đâu có ăn thua gì nếu thực sự là bọn tao yêu nhau. »

Còn Hưng khi nghe tin, chàng không hỏi nhiều và cũng không bàn về chuyện tôi đi. Chàng chỉ nói: « Em vẫn thích đi xa thì đây là dịp tốt. Còn đối với anh, em toại ý là được ». Rồi thôi. Chúng tôi tránh bàn về chuyện tôi đi. Tháng cuối cùng chúng tôi đi chơi với nhau nhiều hơn. Hưng chở tôi đi thăm thành phố « để em nhớ quê hương khi ở xa ». Trước ngày lên đường nhóm bạn văn nghệ tại tôi rủ nhau ra tiệm chả cá ăn tiễn. Hôm đó Hưng uống thật nhiều bia, rồi chàng ngồi đọc thơ Phạm Thái. Máy đưa ngồi lắc đầu. Và lòng tôi trùng xuống. Tôi gặp cả vùng chân trời nằm gọn trong mắt chàng. Ước mơ hồ hải tâu thành nước mắt và tôi không muốn xa chàng. Tôi không còn muốn đi.

Nhưng rồi buổi tối qua đi, tôi về nhà. Vùng mắt chàng khép lại để ước vọng và mê hoặc về một miền đất mới lại cuốn tôi đi như nước lũ. Hôm ra ngoài phi trường, lên máy bay, nhìn qua ô kính nhỏ tôi thấy Hưng đứng dưới chân thang vẫy tay cùng với cả thành phố nhỏ dần cho đến khi máy bay lạc vào chân mây.

Sáu tháng đầu Hưng và tôi viết

thư cho nhau hàng ngày. Rồi chàng như cạn chuyện. Rồi tôi như thấy chữ nghĩa và giấy bút thành gò bó hạn hẹp đối với những cảm nghĩ lênh láng trong tôi. Cứ viết rồi xé đi. Một hồi thành ngại cầm bút. Thư ít gửi đi. Và Hưng chờ đợi hồi âm. Cứ thế mà thư thưa dần. Thưa dần. Tôi đi vào cuộc đời biệt lập, và giữ riêng cho tôi những gì xảy đến trong sáu năm chứ không phải là hai năm như dự định...

Sáu năm qua đi. Tôi đã thay đổi nhiều. Cả ngoài cuộc đời và trong tâm tư. Tôi thắc mắc không biết Hưng thay đổi như thế nào và đến đâu. Chiều hôm đó tôi về nhà ngồi mong Hưng với ít nhiều tâm trạng của một đứa bé thấy sợ ở nhà một mình, ngồi thấp thỏm mong mẹ về. Tối đó Hưng lại. Thấy Hưng tôi muốn chạy lại ôm chàng như kiểu sống Tây phương. Nhưng sao tôi không dám. Tôi bắt tay chàng và chúng tôi ôm tay nhau. Nhìn nhau thật mừng. Hưng bảo: « Sao em về mà không báo anh ra đón. » Tôi nói: « Em muốn bắt quả tang anh ».

— Đời anh chả có gì đáng để em bắt quả tang.

— Làm sao em biết được. Em mới gặp anh năm phút sau sáu năm thật dài. Để từ từ rồi em sẽ bắt cho mà coi!

Rồi tôi ngồi ôn mở lại cho Hưng nghe chuyện sáu năm đời tôi. Cởi gói cho chàng coi từng lớp giấy.

— « Em và Ly đã ly dị nhau năm ngoái. Cháu nhỏ thì em giữ, và em

đem cháu về đây sống với ông bà ngoại.

Hưng ngạc nhiên. Chắc chàng không biết rõ chuyện tôi ly dị. Chàng hỏi thăm tôi tỉ mỉ với những dè dặt, và chàng lắng nghe tôi nói với nhiều xúc động chạy ngang. Tôi giải thích :

— « Em thấy hôn nhân chỉ là một sự tình cờ, thật tình cờ. Như phát thanh và thâu thanh trên cùng một tần số và cùng một thời khắc bằng nhau nên hai người nhận nhau. Hồi đó em và Ly cùng cô đơn và tha hương, cùng cần tri-âm và bạn đồng hành cho bớt trống trải. Vì thế hai đứa nhập lại và lấy nhau. Vì thế mà hỏng chuyện.

Hưng nghe tôi với nhiều thông cảm và độ lượng hết cả buổi tối, cho tới giờ giới nghiêm chàng về và hẹn mời tôi tối hôm sau đi ăn cơm.

— « Anh sẽ đưa em đi thăm lại thành phố ngày xưa. »

— « Anh còn xe vespa không ? Chúng mình sẽ đi như phim *Vacance romaine* anh nhé. »

— Sáu năm mà em nghĩ anh còn đi vespa sao ? Phải cho anh theo kịp thiên hạ với chứ. Và lại xe hơi mà anh cũng còn sợ em chê không thêm đi với anh ấy chứ.

Ngày hôm sau chúng tôi đi ăn với nhau. Rồi gặp nhau nhiều hơn. Đều đều. Khám phá nhau lại và tìm gặp nhau. Tôi thấy Hưng thay đổi thật nhiều. Những thay đổi hẳn sâu như lưỡng cây bói nát vùng tâm hồn quen thuộc cũ. Mỗi buổi chiều Hưng

đánh tennis trong Cercle nautique với một xã hội thượng lưu đóng kín. Đi phòng trà buổi tối. Đánh bạc ngày cuối tuần. Nếp sống thật gãy gọn, trưởng giả của những người hàng trên. Hơi lạnh lùng và tàn nhẫn với khung cảnh xung quanh. Chàng nói chuyện bằng con số và đơn vị là tiền. Tất cả những lý tưởng và mơ ước tôi quen thuộc ở chàng thừa nào bây giờ như biến mất hay ngủ yên thật sâu dưới một quan niệm và thái độ thật khinh bạc của Hưng. Cái khinh bạc trầm lắng kết tinh thành một lớp đá opal thật dày, nhìn sâu xuống mới thấy óng ánh những tư tưởng và ý nghĩ ngọc ngà. Tôi nhìn thấy và nhận ra được cái ngạo nghễ của Hưng.

Đề rồi chính cái khinh bạc ấy cuốn hồn tôi đi quỳ gối dưới chân chàng. Có nhiều người già và đến chết cũng chưa trưởng thành. Năm tháng có đi qua đời họ cũng như không, cuộc đời vẫn trắng bệch và lạt lẽo. Trái lại tôi thấy Hưng như một loài cây lạ lớn lên theo mùa, hay trước cả mùa. Khi nghe chàng nói về Trang Tử hay ngồi nhìn chàng đọc bài thơ Lý Bạch chàng mới dịch xong, tôi thường phải la lên : « Khiếp anh như ông cụ sáu mươi lăm. » Chàng có cái khôn ngoan sâu sắc của một triết gia, nhưng có một lối suy luận thực tiễn thật toán học làm tôi khi cãi nhau với chàng về bất cứ chuyện gì, dù là khoa học, chính trị, xã hội hay chính kinh tế là sở trường của tôi, mà rồi cuối cùng hoặc phải nhận là chàng đúng hay tôi thành cái bướng.

Nhưng bao giờ tâm mắt của chàng cũng đầy khinh mạn. Có thể vì hoàn cảnh, có thể vì bản chất chàng. Tôi bị mê hoặc bởi cái thái độ khinh mạn ấy vì tôi đọc ở một cuốn sách nào đó giải thích thái độ khinh mạn chỉ là cái vỏ bên ngoài của một người mang một lý tưởng thật cao nhưng bị lâm vào một hoàn cảnh bất thuận lợi thật thấp nên đứng nép bên trong lớp vỏ đó. Nhưng lâu lâu trêu chàng tôi hỏi đùa đùa: « Chắc anh phải bị phản bội nặng lắm phải không? Một cô nào hay một thần tượng nào đã đá anh nặng thế ». Bao giờ Hưng cũng chỉ cười. Nụ cười mênh mông và mặt mũi như sóng ngoài đại dương. Rồi thỉnh thoảng tôi có thoáng bắt gặp những nhiệt huyết tuổi trẻ và lãng mạn thi nhân của bản chất nguyên thủy mỗi khi chàng cầm tay tôi trong bóng tối uống rượu vừa phân tích thơ Quang Dũng, hay tả lại chuyện đoàn tàu binh đi diễn hành buổi tối vừa hát bài ca Tiến quân hồi chàng còn ở trong Thủ Đức. Chàng nói tiếng hát u uẩn và khí phách như lòng người trai Việt sinh lúc trái mùa.

Ốc chàng là óc của người trí thức có tâm vóc và viễn tượng, nhưng chàng có những cử chỉ chất phác của một người nông dân. Chàng suy nghĩ như một triết gia và có những trầm tĩnh của một ông già, nhưng những ngón tay chàng mập mập như ngón tay trẻ con bụ sữa. Chàng ở một cách bừa bãi hồn nhiên và chàng ăn uống như trẻ thơ hồi mới tập ăn chưa bị nhồi nhét về phép tắc. Tôi bảo chàng:

« Anh lạ thật đấy. Con người anh là cả một sự trái ngược liên miên và bất ngờ. Chàng cười nhẹ: « Thế em không biết anh là tuổi song ngư à! »

Dần dần Hưng bỏ bớt đánh bạc ngày cuối tuần để đi chơi với tôi. Chúng tôi la cà khắp các quán nước tiệm ăn ở Saigon, Chợ lớn rồi ra đến Thủ Đức, Biên Hòa. Tôi bảo Hưng: « Mình ăn uống hơi nhiều đó anh. » Thì Hưng trả lời: « Đời anh chỉ còn có một lạc thú ấy. »

— « Anh có hơi nhiều lạc thú đó thì đúng hơn. Chuyện anh đánh bạc chược, hút thuốc lá, đi phòng trà và mê ca sĩ, anh gọi những cái đó là cái gì? »

— « Anh gọi đó là thời trang. Thiên hạ sao thì anh vậy. Anh không giống ai nhưng anh không muốn sống khác thiên hạ. Vì mệt lắm! »

Nói gì thì nói bao giờ Hưng cũng có cái lý của chàng. Cái lý nghe xuôi tai. Và đó cũng là cái tài và cái duyên ngầm của Hưng. Chàng không có cái lối nói hoa mỹ êm tai, và nói đề mà nói như nhiều người. Nhất là nhiều người đàn ông khi tán tỉnh đàn bà. Chàng nói ngắn và gọn nhưng xúc tích. Câu chuyện phong phú nên thấm vào trong trí người nghe rồi đọng lại thành tư, thành chất bột hồ chứ không chạy ngang qua từ tai này sang tai khác như câu chuyện của nhiều người. Chàng có thể nói về bất cứ chuyện gì một cách có nghĩa lý và rất thông minh.

Từ chuyện trăng sao trên trời đến chuyện tàu biển dưới nước. Chuyện hiện tượng xã hội Việt nam đến hiện tình thế giới. Chuyện giáo dục thiếu nhi đến nguồn gốc tôn giáo. Sở dĩ được vậy vì Hưng có một trí nhớ phi thường như phim ảnh chụp lại tất cả những gì chàng lướt mắt qua. óc chàng có một hệ thống gạn lọc và tự động tiêu hóa tất cả những chất liệu thu thập từ sách vở bên ngoài. Từ đó những gì chàng nghĩ ra, nói ra là của chàng. Thật đặc biệt và duy nhất. Chàng như giống tằm ăn lá dâu và nhả ra tơ óng. Trong khi những loài sâu khác ăn lá nhưng chỉ tiết ra bã cây.

Chàng là hình ảnh tôi mơ ước. Nên tôi yêu Hưng và mẹ con người trí thức ở chàng. Ngày xưa tôi yêu Ly với rất nhiều chạt vật và ghen tuông. Tôi thấy khổ sở và lúc nào cũng như bị thua thiệt mất mát vì nghĩ là Ly không yêu tôi bằng tôi yêu chàng. Hai người yêu nhau với nhiều giành giật, đòi hỏi đến độ thành ích kỷ, thành gánh nặng cho nhau nên sống khắc khoải với niềm vui thao thức. Bây giờ tôi yêu Hưng một cách nhẹ nhàng không phải cố gắng. Như không phải là yêu. Gần chàng tôi thấy thanh thản và bình yên như người tìm thấy quê hương thứ nhất của mình. Lòng bỗng thả ra, tròng xuống, hồn nhiên như trẻ thơ và mộc mạc như cây cỏ. Tôi yêu Hưng như tôi yêu tôi. Hay nhiều hơn tôi yêu chính tôi. Tôi nhận Hưng và tất cả chàng với thật nhiều dễ dãi tự nhiên, như tôi độ

lượng với chính những thiếu sót của chính tôi. Yêu chàng, tôi thấy đời tôi giàu có hẳn lên và đầy ánh sáng.

Sau những buổi đi chơi với nhau về, tôi không có những luyến tiếc và ảm ức vì thời gian quá ngắn hay phải xa nhau. Trái lại tôi thấy đầy đủ và thoải mái tột cùng. Thời gian ở bên chàng tiếp nối bằng những dư âm thấm say như men rượu mạnh, du hồn tôi vào cơn mê hạnh phúc ngời đón lần gặp mặt sau. Yêu Hưng, tâm hồn tôi thấy menh mông như đại dương và đời tôi thành hiền lành như cát biển.

Có lần ngời nói về chuyện yêu thương Hưng bảo: « Em có biết ngày xưa con người nguyên thủy là một nửa nam nửa nữ, có bốn mắt, hai mũi, hai miệng và bốn tai, và được sống ở kinh đô thiên đàng. Nhưng rồi con người làm nhiều điều tội lỗi quá nên Chúa giận bèn phân đôi con người làm hai mảnh và đẩy xuống trần gian, bắt lạc lợng nhau. Đề từ đó con người vất vưởng ở trần gian, cố đi tìm phần nửa kia của mình. Khi nào con người thấy yêu tức là đã tìm thấy cái nguyên thủy của mình, thì con người sẽ thấy trọn vẹn, yên ổn, hạnh phúc và mới nhìn thấy đường về Kinh đô.»

— « Khi có người yêu, làm sao mình biết chắc được người đó chính là phần nửa kia của mình, hở anh ?

— Nếu đúng rồi thì vung phải đập khít. Nên em thấy các cụ mình có câu « nời nào vung đó ». Nếu

người yêu đúng là phân nửa linh hồn thất lạc của mình, thì khi gần nhau hai người sẽ thấy trọn vẹn, yên ổn như thuyền tới bến, như xe lửa vào ga. Em đồng hóa người yêu với em, để em yêu thân xác người như em yêu chính thân xác em. Để nếu có chuyện một trong hai người phải mất một cánh tay hay đui mù con mắt, em sẽ nhận bất hạnh đó để người yêu được yên lành. Người ta có thể yêu nhau, có thể cho nhau nhiều điều nhưng đến mức hy sinh như vậy thì hai người phải là một hay từ thân xác nhau ra. Người mẹ sẽ nhận đui mù hay chết thay cho con, vì đứa con là máu và thịt từ người bà. Trong khi ấy anh em ruột thịt có thể cho nhau thật nhiều nhưng sẽ không chết thay cho nhau như vậy. Con người, xét tới cùng, bao giờ cũng đặt cái tôi của mình cao nhất và yêu chính mình nhiều nhất. Nếu người yêu là phân nửa kia thất lạc, tức là người yêu chính là cái tôi của mình. Nên nếu cái tôi này hay cái tôi kia phải chịu sự bất hạnh thì cũng thế, nên mình sẵn sàng nhận hy sinh. Trái lại khi người yêu là một yếu tố ngoại lai, thì đặt vào một trường hợp thử thách tuyệt đối như cái chết và sự sống, cái tôi của mình sẽ đứng trên người yêu. »

— Ngoài ra còn lý do nào khiến người ta yêu nhau nữa không anh ?

— Trên phương diện trí thức, người ta yêu vì muốn nhìn thấy một hình ảnh cụ thể về mình. Nếu em vừa lòng về con người của em rồi, thì em sẽ đi tìm và yêu một

người giống như em. Trái lại, nếu em chán em và em mơ ước một con người khác về em, em sẽ yêu một người có tất cả những gì mà em vẫn thường ngồi vẽ ra trong óc là giả em là như thế em sẽ sung sướng biết bao.

— Nếu vậy thì tức là em chán em à ? Yêu anh tức là em sợ gầy và muốn lấy cái mập của anh để bù đắp vào. Yêu anh tức là em chán cái tính tình biến động như nước giòng của em và em thêm cái vững chãi như đá kết của anh. Phải vậy không anh ?

— Có thể. Nhưng em có thể sai. Vì em có thể rất nhầm về anh.

Bao giờ cũng vậy. Bao giờ Hưng cũng tìm cách cời ra và mở cửa đứng lên mỗi khi tôi có ý thử buộc chàng vào. Thành thử nhiều lúc tôi cảm thấy là Hưng không yêu tôi. Chưa yêu tôi. Hay không muốn từ chối tình yêu tôi, vì chàng là người quân tử. Nhưng điều này không hẳn làm tôi buồn. Vì tôi có cách nghĩ riêng. Tôi cho là khi yêu Hưng tôi đã thỏa mãn cái nhu cầu cần yêu ở trong tôi. Như thế tức là sung sướng. Con người có nhu cầu yêu và được yêu, nhưng đó là hai nhu cầu riêng biệt, không nhất thiết phải là điều kiện của nhau để thỏa mãn, hay phải song hành, như nhiều người thường nghĩ. Đối với tôi, tình yêu phúc âm là mưa nguồn cho giòng sông không bao giờ thiếu nước, để mình từ sung sướng, thấy sung sướng hơn. Nhưng dù có thiếu mưa nguồn, giòng sông cũng vẫn tìm ra biên cả róc rách chu lưu cho đến ngày cạn nước. Dù thế cũng

còn hơn là làm ao tù giữ nước cho rong rêu, bùn đọng. Nên cái bất hạnh và tuyệt vọng đến cùng của đời người là mình không thể và không biết yêu người, chứ không phải là không được người yêu. Có khả năng thương yêu và gặp được người để mình yêu thương là một điểm phúc, là hạnh ngộ muôn vàn. Nên tôi yêu Hưng như nhận được ân sủng của Trời. Vì chàng đã khơi sống lại nơi tôi khả năng yêu thương mà tôi đã đem chôn vùi dưới những xót xa vì một lần tan vỡ với Ly.

Và cứ thế chúng tôi đi chơi với nhau. Cho nhau những ngày tháng thênh thang hạnh phúc, đồ đầy đời nhau những tư tưởng nước chong, bốc hơi thành mây bay trên trời. Chúng tôi ít nói với nhau những chuyện mặt đất, chia sẻ với nhau những vui buồn cuộc sống, nhưng tránh truyền nhiễm sang nhau những bực bội và ty tiện gặp phải hàng ngày. Chúng tôi mở cho nhau những thế giới và chân trời mơ ước, chung nhau những cuốn sách hay vở được ngoài quán sách hệ đường Lê Lợi, và chia nhau những buổi chiều nắng quái lang thang ngoài đồng ruộng. Một cách tự nhiên hay vô tri thức, chúng tôi đứng xa hẳn loài người xung quanh và quên hẳn xã hội bên ngoài. Nhờ thế mà chúng tôi yên lành, thoải mái và chủ động được những xúc cảm về nhau và cho nhau.

Nhưng rồi một hôm, nhân đi Đà Lạt về, mua được dâu tươi còn ướt

đọng khí mát Cao nguyên, tôi muốn đem ngay lại cho Hưng để chàng ăn cho ngon. Hôm đó là chiều chủ nhật và tôi đã hứa dắt con tối đi ăn kem trên phố. Tôi không muốn đem con lại nhà Hưng dù chàng đã gặp bé Hương nhiều lần ở nhà tôi. Tôi muốn tránh cho con tôi những rắc rối mắc trẻ thơ và tránh cho Hưng những vụng về. Nhưng hôm đó tôi tính chỉ ghé qua năm mười phút rồi đi, nên nghĩ chắc là được, và hai mẹ con hí hờn ra xe. Tới nơi, Hưng ra mở cửa với nhiều ngạc nhiên khi thấy hai mẹ con tôi. Vào trong nhà tôi mới biết là Hưng đang đánh mặt chược. Chàng giới thiệu mấy người đàn ông bạn chàng và giới thiệu tôi: « Đây là chị Mai làm bên ngân hàng Manhattan ». Mấy người bạn Hưng nhìn tôi tò mò về việc một người đàn bà lặn lội giữa trưa nắng tới nhà Hưng làm gì. Tôi đưa hộp dâu cho Hưng: « Ở Đà Lạt về mua được dâu ngon nên đem biếu anh ». Rồi tôi tính xin phép đi. Nhưng thấy điệu Hưng lúng túng, vụng về, tôi nảy ra tò mò muốn xem chuyện gì đây. Vì bấy lâu trong những lúc đi chơi với nhau chúng tôi ít gặp bạn bè người quen, nhiều lắm là thấy bạn bè trong tiệm ăn hay nhà hát, giơ tay cười chào vụng thôi. Chưa bao giờ có bạn bè, dù của Hưng hay của tôi đứng gần chúng kiến chúng tôi.

Tôi ngồi xuống ghế trả lời những câu hỏi của mấy người ngồi đó. Hưng hỏi tôi « Chị uống gì ? ». Rồi trong suốt câu chuyện bữa đó Hưng

thường bỏ trống lời xưng hô, và khi không thể, thì chàng dùng chữ «chị» với tôi. Còn tôi thì rất nhạy cảm về việc này. Vì đã có lần, một anh bạn tôi thuyết giảng về ngôn ngữ Việt nam có nhận xét là Việt nam có nhiều ngôn từ xưng hô nhất thế giới. Tùy quan niệm về mối tương quan với nhau, mà hai người chọn dùng những ngôn từ khác nhau. Chỉ cần nghe ngôn từ đó người ta có thể thấy rõ ngay tương quan về tình cảm và địa vị hai người muốn có đối với nhau. Điều này chứng rõ dân tộc tính của Việt nam là rất tri thức về chuyện ngôi thứ, địa vị, và đẳng trật rõ ràng. Điều thứ hai là người Việt rất ý nhị và kín đáo về chuyện bày tỏ tình cảm. Từ cách xưng hô ông tôi, anh tôi, anh và tên rồi anh em, người con gái đã trả lời rất rõ người đàn ông theo đuôi nàng, mà không phải nói gì cả. Tôi rất lấy làm thú vị và còn nhớ sau đó đã nói với diễn giả là «không ngờ tiếng Việt của mình lại thông minh và hay ho đến thế!»

Nhưng bây giờ khi nghe Hưng gọi tôi bằng chị tôi nghĩ «thông minh quá chi khờ». Tôi thấy rõ ràng là ý Hưng muốn tỏ cho các bạn chàng biết là chúng tôi chỉ là bạn. Thứ bạn thừa chị thừa anh.

Hôm đó về tôi buồn và thất vọng thật nhiều. Tôi tưởng Hưng vững chãi và khỏe hơn xã hội. Tôi tránh gặp Hưng và tránh cả điện thoại của chàng suốt ba tuần lễ liền. Không phải chỉ vì buồn hay giận chàng, mà nhiều hơn là vì tôi thấy cần phải tỉnh

tâm để nhìn tôi, nhìn Hưng và nhìn tương lai một cách khách quan và thực tiễn hơn. Cuối cùng Hưng tới sở gặp tôi. Tôi lên xe và chàng lái ra xa lộ. Cuối cùng chàng nói để cắt thủng không khí lạnh băng giữa hai đứa :

— Anh xin lỗi em.

— Tại sao anh làm thế ?

— Anh không biết tại sao nữa. Có phải lúc nào con người cũng ý thức được những việc làm của mình đâu.

— Tại sao anh phải dẫu các bạn. Em hiểu chuyện yêu đương là riêng tư của hai người không việc gì phải đem ra bố cáo tại Phòng thông tin Đô thành hay dán ở cột đèn Tự do. Nhưng đó không phải là chuyện xấu xa tội lỗi gì mà mình phải che dẫu bí bưng. Em nghĩ rằng con người nếu thực tình biết yêu nhau thì là điều đáng mừng mới phải. Vì trong cõi đời và trên thế giới này con người đã thù hằn và ruồng rẫy nhau hơi nhiều và quá đủ rồi.

— Anh chỉ nghĩ là có những chuyện mà người ngoài không hiểu được nên không cho họ biết sự thực làm chi. Và thực sự anh chỉ muốn giữ cho em.

— Em có gì đâu mà anh phải giữ ? Ở đời rồi cuối cùng cũng chỉ còn và chỉ có tình yêu là đáng kể và còn sót lại, thì em đã đem cho anh rồi. Những chuyện khác đều là nhân tạo và phù du hết đối với em. Em anh yêu đâu phải là cái tội. Tại sao xã hội không dung tha được em trong khi xã hội

vấn làm ngơ trước đây rầy những thói tha và tội lỗi của nhiều người hàng ngày và từ lâu ?

— Sự kiện xã hội chấp nhận hay chối bỏ không có nghĩa là việc đó tốt hay xấu mà nó chỉ có nghĩa là việc đó xảy ra quá sớm mà người ta trong xã hội chưa hấp thụ hay tiêu hóa nổi nên có thái độ phủ nhận và tiêu cực về chuyện đó.

— Thế anh cho là một cô con gái ngoài ba mươi tuổi, đã có một đời chồng và một đứa con, nếu yêu và muốn lấy một ông Khoa trưởng tài hoa như anh, con cầu tự của một gia đình danh thế vọng tộc, là một chuyện quá mới đối với xã hội phải không ?

— Em đừng gay gắt thế. Chuyện anh nghĩ không quan trọng. Quan trọng là việc em quan sát thái độ của xã hội nơi em và anh có rất nhiều ràng buộc chưa thể chốc lát mà bước ra, quay đi. Dầu sao thì anh cũng xin lỗi em là anh đã làm em thất vọng.

Và tôi cũng thấy mình quá lười, hần học với chàng một cách quá trẻ con. Trẻ con khi bị bắt trả lại những món đồ không phải của mình thì trẻ thơ thường tỏ bất mãn bằng cách ném trả lại cho món đồ rách ra hay vỡ mất. Người lớn cũng hay làm thế. « Không ăn thì đập đồ hay phá cho bỏ tức ». Ngay cả những người tự nhận là yêu nhau cũng hay làm thế. Tôi đã từng thấy nhiều người vì một lý do nào đó không thú đắc được nhau, đã xa nhau với nhiều thù hận và đem tình yêu nâng niu lúc trước

đi nát dưới chân. Tôi cho là không đúng.

Khi bắt đầu yêu Hưng tôi đã nghĩ là tôi yêu chàng là một chuyện, chàng có yêu lại tôi không là một chuyện khác, và hai người có lấy nhau hay không lại là một chuyện thứ ba. Ba chuyện không đương nhiên tuần tự và kế tiếp nhau xảy ra. Không phải cả ba việc phải xảy ra mới coi là trọn vẹn. Mỗi việc có cái trọn vẹn riêng của nó. Từ việc yêu người, người yêu, chung sống với nhau, và hạnh phúc đời đời, sự xảy ra và chuyển tiếp của mỗi giai đoạn là một đặc biệt, là hạnh ngộ của mình và ân sủng của trời mà đặc biệt lắm mình mới gặp được hết. Ngày trước tôi yêu Ly với quan niệm thủ đắc nên tôi thấp thỏm vì chỉ sợ mất chàng, nên quên tận hưởng những ngày tháng ở với nhau. Rồi khi xa nhau tôi buồn khổ một hồi vì nghĩ là mất nhau. Cái nhầm lẫn của tôi cũng như của nhiều người là những cái gì có hôm nay, tôi cứ nghĩ là cái đó thuộc về tôi, tôi sẽ có mãi và giữ được đời đời. Đến khi cái có tuột khỏi tay, chiếc bút rơi xuống sông, người yêu bỏ đi xa, chức vị sang tên cho người khác, thế là mình vật vờ cho là bị cướp mất. Ít có khi nào chịu dừng một phút để nghĩ là thực sự thì mình chưa bao giờ có đề mà mất. Tất cả chỉ là một tình cờ nào đó, vào một lúc nào đó, vật đó đi qua tay mình, cũng như mình đi qua cuộc đời. Như nước chảy qua cầu. Thế thôi.

Sau tan vỡ với Ly, tôi tỉnh giấc

và trở thành đồ đệ của thuyết vô vi. Nên khi gặp lại Hưng, tôi nghe lòng mình rung động, và tôi đã yêu chàng như một hạnh ngộ và coi việc chàng yêu tôi như một ân sủng lúc này. Nên tôi quý giá những ngày tháng có chàng. Tôi nhắm nháp men say và mật ngọt của tình yêu xây đến và có ước mơ là những hạnh ngộ khác của đời sẽ đến thêm với tôi. Tôi chỉ ước mơ mà không chờ đợi.

Nhưng rồi niềm ước mong nhỏ nhoi của tôi không được dung thứ. Làm tôi thành bi đát nghĩ rằng con người đã tội lỗi bị Chúa đày xuống trần gian bắt hối cải. Nhưng thay vì ăn năn để được giải thoát khỏi bề khổ trần gian thì hình như con người lại tìm cách đày đọa nhau, làm cho cơn khổ càng chông chắt bao la, jam xiềng xích ở trần gian càng thêm nặng nề xiết cứng. Nhưng làm sao được. Đó là xã hội của tôi và của Hưng. Chàng có quá nhiều ràng buộc và liên hệ để có thể dứt ra và thoát đi. Thân sinh của chàng không bao giờ có thể chấp nhận cho con trai mình lấy một người đàn bà đã một lần ly dị, có con riêng và thật tầm thường như tôi, trong khi Hưng còn có thật nhiều nơi môn đăng hộ đối khác. Các cụ của chàng chỉ có thể làm ngơ cho chàng đi chơi với tôi như một chuyện qua đường. Nhưng đời hỏi và mong đợi các cụ sẽ đi cưới hỏi tôi cho con trai, là một chuyện quá đáng. Và ở đời khi quá đáng thì rồi bao giờ cũng phải chịu những thiệt hại.

Tôi có nghĩ tới tất cả những chuyện đó, nhưng tôi không bao giờ nghĩ là chính Hưng lại thấy chàng bị giằng co và lúng túng. Đời tôi cũng đã có đủ thăng trầm và ngậm đắng, nên tôi quen chịu đựng và chấp nhận mọi thua thiệt ngoài đời. Nhưng tôi biết chắc nếu bị cấm đoán và chỉ huy cả chuyện yêu thương tôi sẽ tức thở. Vì tôi nghĩ con người đã quá tủi nhục, đã bị cướp đoạt gần hết, chỉ còn lại chút quyền yêu thương để cảm thấy mình còn là con người tự do. Nay nếu lại phải lén lút, bưng bít như đã phạm tội xấu xa, thì tôi còn gì, và còn gì là tôi!

Hưng muốn tôi cố nín để tránh đụng độ thêm một thời gian nữa. Tôi bảo : « Em không thấy có lý do phải dấu diếm. Tình yêu là cái gì thanh khiết và chân mỹ nhất. Tại sao mình phải bôi bùn chỉ vì thiên hạ chỉ tay ». Ý nghĩ cuối cùng của tôi là tình yêu, tôi chỉ có giá trị và lý do nếu giúp Hưng sống thật hơn để thấy thoải mái, hứng khởi và trọn vẹn. Nếu chàng phải đóng kịch, phải kiềm chế, nếu chàng thấy bị bao vây và tức thở thì giá trị tình yêu chưa phải là tuyệt đối với chàng. Tình yêu tôi đáng lẽ phải giúp vượt thắng và làm óng ả cuộc đời chàng, giúp bóc đi những ưu phiền khắc khoải. Thì đằng này chàng gặp nhức đầu và bối rối vì tôi.

Ý nghĩ đó buộc tôi phải giải quyết chuyện tình với Hưng. Và tôi tắc nghẽn. Mặc cạn. Thì vừa dịp đó, hãng cử người đi Nữ-Ước tu nghiệp. Tôi bèn xin đi.

Tôi gọi điện thoại cho Hưng nói :
« Em mới có một món tiền phụ trội từ trên trời rớt xuống. Ngày mai em sẽ bao anh đi ăn sáng lần đầu ». Sáng hôm sau đợi Hưng ăn phở xong và bắt đầu quấy đường vào cà-phê, tôi nói :

— Hăng định cứ em đi Nữ Uớc tu nghiệp.

Chàng lặng đi. Biến sắc mặt. Ba bốn phút sau chàng mới cầm giọng, hỏi tôi :

— Thế bao giờ em đi.

Tôi nói : « Chắc chừng ba bốn tuần nữa. »

— Có thể cuối năm anh cũng sang Hoa-kỳ quan sát.

— Bất cứ ở đâu, ngoài xã hội này, em nghĩ mình cũng sẽ thoải mái hơn khi yêu nhau, và mình được trọn vẹn yêu nhau như lòng mình muốn.

— Anh rất tiếc là đã làm em buồn.

— Em không tiếc anh ạ. Mà em cũng không buồn nữa. Em chỉ nghĩ khi xưa chắc em đã làm nhiều điều tội lỗi lắm nên Chúa còn đày đọa bắt lạc lõng thêm để ăn năn cho đủ. Nhưng ít nhất em đã gặp anh. Đã biết là có phần nửa người kia hay ho và đáng giá hơn cái em bây giờ. Em cho đó là diễm phúc và may mắn vô cùng vì ít nhất cũng là một nửa đoạn đường để tới Kinh đô Thiên đàng. Ít nhất em cũng biết được thế nào là yên ổn, vẹn toàn khi mình tìm thấy cội gốc. Khi mình tìm thấy quê hương nguyên thủy.

Rồi chúng tôi dành cho nhau tất

cả thì giờ bóp chặt được ở đời sống hàng ngày phải có và công việc riêng tư. Chúng tôi cố giành giật tranh đua với kim đồng hồ. Nhưng rồi bốn tuần lễ cũng qua đi như mây bay.

Tối hôm lên máy bay, buổi trưa tôi lại nhà Hưng để từ biệt chàng. Tôi nói : « Đề anh khỏi phải lên phi trường như lần trước. Đề anh không thấy là em đi ». Rồi ngồi khóc. Hưng với khăn giấy lau nước mắt tôi. Ôm tôi thật chặt và vuốt đầu tôi nhẹ nhẹ. Cứ nghĩ là chỉ còn có lúc này nữa thôi. Rồi hết. Rồi không còn được chàng ôm và ôm chàng. Thế là tôi khóc nức nở, tức tưởi. Với niềm đau của một kẻ bị xé xác, với tủi hờn của một tiên nữ bị đuổi ra khỏi thiên đàng, và nhiều xót xa của một người vừa thấy mất quê hương. Hưng ôm tôi thật chặt. Không nói. Tay chàng vỗ nhẹ nhẹ lưng tôi. Khóc đã một hồi, tôi ngồi yên, úp mặt trên ngực chàng nghe tiếng tim chàng đập lộp tộp gần gần, tôi thấy yên bình và muốn ngủ yên để không bao giờ thức dậy. Thấy tôi im, Hưng lỏng một tay, châm thuốc lá hút rồi vớ một cuốn sách trên bàn, cầm lên, bật bật trang giấy.

— Có dịp em nên đọc Maria Ril'e xem nhà thơ ca tụng đàn bà và luận về tình yêu. Chắc em sẽ thích.

— Em chả thích cái gì cả, lúc này. Nhưng rồi Hưng cũng kéo được tôi vào câu chuyện sách. Đó là cái cách của chàng. Và bao giờ chàng

cũng nghĩ thật đúng. Nếu cứ ngồi yên mà không nói, thì thế nào tôi cũng nghĩ bậy và khóc nữa. Mà khuyên thì chàng còn có gì và được bao nhiêu mà nói lúc đó. Nên chàng lái sang chuyện sách để vận động óc tôi cho xúc động bớt đi. Cuối cùng buổi từ biệt thành ra ngồi bàn chuyện Hermann Hess, James Joyce và Theodore Reike. Cho tới giờ Hưng phải đi làm. Chàng thay quần áo trong năm phút và để tóc bù. Tôi rút lược chải đầu cho chàng và dắt lại túm áo phía sau lưng quần chàng cho phẳng phiu. Chàng tắt máy hát và quạt máy. Rồi ôm vai tôi ra cửa. Chúng tôi đứng lại một phút, dựa lưng vào cửa gỗ, hôn nhau. Nụ hôn lần cuối ngắn ngủi, gãy gọn. Là tinh túy của một tình cảm đã đọng lắng thành ngọc. « Em qua đó nên ăn uống cẩn thận. Em hơi gầy đó ». Tôi xiết chặt tay chàng. Chàng nắm tay tôi dắt xuống cầu thang. Đưa tôi ra xe, đứng chờ tôi lên xe, đóng cửa. Thò tay vào úp lên tay tôi trên bánh lái. Thật nhanh. Rồi rút ra. Đi ra xe chàng. Tôi lái xe ra khỏi cư xá trước. Xe Hưng chạy sau. Tới khúc rẽ đường về nhà tôi thì xe Hưng vượt lên, chạy thẳng, Trong tích tắc, tôi

bỏ lại bánh lái và chạy theo xe chàng. Bấm còi pin pin, và tôi thấy chàng nhìn tôi bằng kiếng chiếu hậu. Tôi muốn đưa Hưng tới sở chàng. Để chàng thấy là có tôi theo. Để cuộc chia tay rất bình thường như không phải chia tay. Cho cuộc tình không mang bóng dáng của một nét gãy, một sự cắt ngang. Tôi muốn thời gian xa cách tới đây chỉ là những nét chấm cuối giòng trước khi chuyển đoạn. Chứ không phải chuyển chương. Hai xe chạy sát theo nhau vượt qua con đường Hàm Nghi kẹt xe. Xuống xe, đóng cửa, khóa xe. Nhìn về phía tôi rồi bước lên thêm thang giờ tay vẫy vẫy. Chỉ một thoáng đã mất hút vào bên trong tòa nhà.

Tôi phóng xe đi.

Trời Saigon buổi trưa tháng ba nắng chói chang. Giữa cái tấp nập của thành phố giờ vào sở, và trong cái hăm hấp của không khí đợi mưa, tự nhiên tôi lại thấy thật bơ vơ, Như một linh hồn trong sa mạc. Như một kẻ vừa lạc mất quê hương.

DU LI

6-1974

Đã phát hành:

LƯỢC SỬ VĂN-NGHỆ VIỆT-NAM

NHÀ VĂN TIỀN CHIẾN 1930-1945

của **THẾ PHONG**

VÀNG SON xuất bản

Sách dày 480 trang

Giá 1.200đ.

Tiền văn thi hữu Tạ Tỵ hồi hưu

6-1974

Thơ CAO TIÊU

Giã từ đời lính hăm hai năm
Trở lại đời dân để kiếm ăn
Lưng mỗi còn ham pha mực vẽ
Mặt mờ vẫn thủ chuốt lơ vắn
Da căng gáy đỏ đôi chông đứng
Lúa hờ khung xanh mấy bức nằm
Tên bạn về hưu nhiều bạn nhớ
Nụ cười ánh mắt tóc hoa râm

Thơ LÊ NGUYỄN PHU

Từ thuở xung phong dưới bóng cờ
Hăm hai năm chẵn đến bây giờ
Áo thơ mùa chiến vừa thay mới
Nét họa thời bình sẽ khác xưa
Trả lại kiếm cung nhờ tuổi trẻ
Quay về nghiên bút, nổi say mơ
Qua bao dâu bể, đời chưa nhạt
Tóc bạc nhưng lòng vẫn muốt thơ.

Thơ HÀ HUYỀN CHI

Nửa đời khoác áo nhà binh
Nửa đời còn lại chênh vênh dị kỳ
Hăm hai năm lính được gì
Mang thân phận gái lỡ thì vào đông
Đã tròn món nợ núi sông
Nhưng sao lòng vẫn thấy lòng buồn tênh
Năm sông tính số đời mình
Trên khung vải trắng vẫn hình phù du

Thơ Trần Ngọc Kim

NỖI BUỒN GÁC TRỢ

Ngày dài bóng nhỏ em về muộn
năm đợi ai đây ? mỗi mắt chờ
gác vắng tôi nhìn tôi thấy lạ
nỗi buồn chợt động cánh hư vô.

Bao năm rồi nhỉ ? đời như mộng
lau lách bờ xa bóng khói mờ
em cũng như dòng sông trắng đó
mỗi môn năm nhớ thủy triều xưa.

Chiếc xe thồ mộ sâu đôi bánh
con ngựa già lê lét nỗi buồn
một thoáng em về mưa trở lạnh
đậm dài dáng liễu rũ hoàng hôn.

Nằm im, chợt nhớ mình đang sống
nhưng biết ai đây để đợi chờ ?
tôi vẫn như loài dơi nhỏ ấy
đêm buồn vỗ mãi cánh hư vô.

Thơ Đặng Tấn Tới

BỆNH LÒNG

Thăm nhau ngày lặn đạn
Bệnh lòng như ảo chân
Năm tay cười trắng vụn
Rực rỡ nắng đầu sân

V-1974

BƯỚC CHÂN CỎ NỘI

Nội cỏ mọc mùa trắng
Em về không nói nắng
Bước đôi bàn chân nhỏ
Xao xuyên lòng gió mặng

H-1974

Với mục đích vừa giải trí vừa giáo dục

Nhà sách KHAI TRÍ
XUẤT BẢN LOẠI SÁCH NHI ĐỒNG
TUỔI THƠ

Một loại sách lành mạnh dành cho trẻ em Việt Nam

Tương lai nước Việt Nam sau này hay hay dở đều do sự giáo dục hiện tại của lứa thiếu nhi, mầm non của đất nước.

Chúng ta, cũng như hầu hết các phụ huynh học sinh, từ lâu hằng ao ước có một tủ sách giáo dục lành mạnh dành cho con em, để tránh cho các trẻ khỏi phải đọc loại sách nhảm nhí hiện đang tràn ngập trên thị trường sách báo.

Chúng ta đã từng xót xa đau đớn nhìn thấy đám trẻ thơ ngây say mê đọc loại sách trình thám và kiếm hiệp rẻ tiền, loại sách khiêu dâm và quái đản, những loại sách đầu độc trí óc non nớt của con em chúng ta.

Để góp phần nào vào sự giáo dục trẻ em, Nhà sách Khai Trí cộng tác với một số nhà văn, nhà giáo, tha thiết đến tương lai con em, cho xuất bản loại sách nhi đồng TUỔI THƠ, một loại sách giải trí lành mạnh viết đúng chánh tả, văn phạm, ấn loát rõ ràng, giá bán phổ thông, đáng được hãnh diện trưng bày trong mọi tủ sách gia đình.

Chúng tôi hy vọng loại sách nhi đồng TUỔI THƠ sẽ giúp ích cho các em và là món ăn tinh thần cần thiết cho thiếu nhi Việt Nam.

Loại sách nhi đồng TUỔI THƠ hiện nay được giới, phụ huynh học sinh và trẻ em Việt Nam hoan nghênh nhiệt liệt và đã xuất bản trên ba trăm tựa khác nhau, do nhiều nhà văn, nhà giáo danh tiếng toàn quốc cộng tác như: Nhật Tiến, Lê Tất Điều, Bửu Kế, Phan Du, Nguyễn Văn Xuân, Thâm Thệ Hà, Cẩn Huy Tăng, Hoàng Trúc Ly, Lưu Nghi, Bửu Mạn, Trần Tuấn Kiệt, Nguyễn Vũ, Lan Thảo, Trương Vạn Năng, Phong Sơn, Triều Lương Ché, Tô Kiều Ngân, Ái Lan, Thu Mai, Nguyễn Hải, Tô Nguyệt Đình, Nguyễn Hữu Bào, Chu Thao, Nguyễn Tử Quang, Huy Vũ, Thanh Phương, Minh Quân, Nguyễn Viễn, Thanh Roòn, Nhật Chương, Thụy Uyên, Phan Trần Nguyễn, Chinh Yên, Xuân Quang, Sông Hồng, Nguyễn Nguyễn, Đỗ Quân, Vũ Minh Thiều, Việt Dũng...

Giá sách hết sức phổ thông, mỗi quyển 32 trang chỉ bán: 50đ.

Nhà sách KHAI TRÍ

LỬA THIÊNNG

120 Đinh Tiên Hoàng Saigon 1 ĐT. 94.494

Sách mới phát hành:

- 1 — NHỮNG VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI HIỆN ĐẠI của Nguyễn Quang Quynh
- 2 — ĐỊA CHẤT HỌC HẢI DƯƠNG của Nguyễn Ngọc Thạch
- 3 — CƠ CẤU VIỆT NGỮ (Quyển II) của Trần Ngọc Ninh
- 4 — CHÂN DUNG HỒ BIỂU CHÁNH của Nguyễn Khuê
- 5 — HÀN PHI TỬ *bản dịch* của Nguyễn Ngọc Huy
- 6 — VĂN HỌC NAM HÀ (In lần thứ hai) của Nguyễn Văn Sâm
- 7 — VĂN HỌC VÀ NGỮ HỌC (Quyển II) của Bùi Đức Tịnh
- 8 — VỆ TINH NHÂN TẠO của Nguyễn Kim Môn
- 9 — HÓA TIẾN của Nguyễn Nam Hà
- 10 — THỐNG KÊ THỰC DỤNG (Quyển II) của Lý Công Thuận và Châu Nguyệt Hồng
- 11 — ĐỊA HÌNH THÁI HỌC (In lần thứ hai) của Lâm Thanh Liêm
- 12 — THỦY HỌC SÔNG NGÒI CĂN BẢN (Quyển II) của Liêu Kim Sanh
- 13 — MỘT PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH CHỦ ĐỀ VĂN CHƯƠNG của Trần Nhật Tân
- 14 — THẨM MỸ HỌC THÔNG KHẢO của Nguyễn Văn Xung
- 15 — NGÀY NÀO CÒN ĐÀN BÀ (Tập chuyện vui — In lần hai) của Duy Lam

SINH HOẠT

Mảnh vụn văn học sử của BẢNG GIANG

Sách dày 300 trang, gồm 11 bài mà 9 bài ngắn — từ 5 đến 10 trang — nêu một số nghi vấn, đính chính một số sai lầm hoặc bỏ túc vài chỗ thiếu sót về Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Huỳnh Tịnh Của, Tản Đà, Phạm Quỳnh, Hồ Biểu Chánh, Kiều Thanh Quế, Khuông Việt; sau cùng trách chúng ta đã bất công với tờ Thanh Niên «tờ tuần báo ít sai chánh tả nhứt thời bấy giờ [1943-44] ở miền Nam», và với tờ Tri Tân, «một tạp chí văn hóa có giá trị, xứng đáng, được có một bảng mục lục, có phân tích cang tốt» như tạp chí Nam Phong.

Còn hai bài kia đều dài, tác giả đã khiêm tốn mà gọi là «mảnh vụn» đấy thôi.

Trong bài «Cận đại và hiện đại trong lịch sử và trong văn học» (82 trang), tác giả đã xét các cách phân kỳ ở Tây phương và Việt Nam trong lịch sử và trong văn học, đề cuối cùng đề nghị tránh dùng những tên cận cổ, cận đại, cận kim, cận thế, mớ hồ, mỗi người dùng để chỉ một thời gian khác nhau, mà cứ gọi thế kỷ XIX là thế kỷ XIX, còn thế kỷ XX thì có thể gọi là thời hiện đại được, mà về văn học nên cho thời hiện đại bắt đầu từ năm 1907, «năm của Đông Kinh Nghĩa Thục» vì «Đ.K.N.T. là một vận động lịch sử có ý nghĩa đứng đắn, tiến bộ muốn tách rời dân tộc khỏi quĩ đạo ảnh hưởng văn

hóa Trung Quốc phong kiến để đưa nó gia nhập vào dòng tiến hóa chung của thế giới dân chủ, tự do và tiến bộ» (trang 296); còn năm 1913 từ trước được «chiều cố nhiều hơn» thì không nên dùng vì năm đó chỉ đánh dấu sự ra đời của Đông dương tạp chí, mà tạp chí này tuy có công với văn hóa nhưng vẫn là của thực dân thành lập, mà ông Nguyễn Văn Vĩnh chỉ là «cán bộ văn hóa của chánh quyền thực dân lúc bấy giờ» (trang 285).

Quan trọng hơn cả mà cũng dài hơn cả (100 trang) là bài đầu : «Cao Bá Quát». Có lẽ tác giả đã đọc gần hết tất cả những sách báo về Cao Bá Quát từ trước tới nay để viết được 100 trang đó. Công phu thật đáng kể. Ông xét đủ cả : từ năm sinh, năm tử, khoa danh, hoạn đồ, văn nghiệp đến công việc «cách mạng hay không cách mạng», «cái chết thật rắc rối», những giai thoại về tính tình cùng thiên tài của Cao...

Bất kì về điểm nào, dù quan trọng hay không, hễ thấy sách của người trước chép mà bất nhất, hoặc sai, hoặc vô lí đáng nghi ngờ, ông cũng ghi lại hết cho chúng ta, với xuất xứ đáng hoàng, rồi phân tích, so sánh, suy luận, nghi vấn nào giải được thì giải, không thì nêu lên để người khác tìm tòi thêm.

Đọc xong bài đó, chúng ta thấy rằng từ trước tới nay không có cuốn

nào viết về Cao Bá Quát mà không có rất nhiều lỗi nặng kể cả cuốn của Trúc Khê đã được học giả Nguyễn Văn Tố « ân cần giới thiệu » là : « một quyển tiểu sử rất công phu, lời văn chải chuốt, câu chuyện phân minh, xem có phương pháp ổn đáng, không thể dị nghị vào đâu được » (1) (trang 47) Nguyễn Văn Tố còn lầm lẫn tin Trúc Khê như vậy, huống hồ là người sau. Những cuốn viết về Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến... có lẽ ít lỗi hơn một chút và xét chung thì từ trước tới nay chưa có một cuốn Văn học sử VN nào đáng tin hẳn. Kể cả cuốn của Dương Quảng Hàm.

Vạch những lỗi trong các bộ Giảng văn hay Văn học sử, tác giả không có ý chê ai hết, mà chỉ muốn giúp những người viết về Văn học sử V.N.

Trong bài *Thay lời Tựa* : *Cho một bộ Văn học sử Việt Nam*, ông viết :

« Trong quyển *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam* (1971) Bình Nguyên Lộc có nhắc lại một ý kiến của cố đạo L. Cadière sau khi ông này viết xong bài « Nghiên cứu về Lũy Thầy » : « Khi mà hàng trăm người làm xong những công việc nhỏ nhỏ như thế này rồi thì những người khác sau này mới có thể viết một bộ sử cho xứ An-nam (1906) »

Ý kiến này chẳng những rất xác đáng trong phạm vi sử học mà cũng còn rất xác đáng trong phạm vi văn học sử nữa.

« Nếu không có những công việc

nhỏ nhỏ như vậy thì người viết một thông sử cho văn học Việt Nam sẽ khó tránh khỏi sai sót hoặc lặp lại một vài nhầm lẫn của người khác.

Bởi những lẽ nêu trên, chúng tôi chọn nhan cho quyển sách này là « *Mảnh vụn văn học sử*. » (trang XVIII, XIX).

Những « mảnh vụn » ông tìm tòi, thu thập được cho ta đó thật đáng quý. Tôi nghĩ các giáo sư Việt văn và những nhà viết sách Giảng văn hoặc Văn học sử đều nên đọc cuốn của ông.

Việc thu thập những « mảnh vụn » đó rất phức tạp và tốn công. Cũng trong bài *Thay lời tựa* ông đề nghị :

— về *tác giả* phải tra cứu kỹ càng tính danh, thời điểm sanh tử, hình trạng

— về *tác phẩm* phải « truy nhận tác giả những tác phẩm vô danh », « xác định tác giả đích thực của một thi, văn phẩm được qui định cho nhiều tác giả », phục hồi nguyên bản, hay hiệu chỉnh cho gần nguyên bản nhất, đính chính những sai lầm về xuất xứ và chú giải, phát hiện những tài liệu cũ bị bỏ quên trong các thư viện công cộng, thống nhất nhan đề và thoại của các tác phẩm kim, cò, vân vân...

Công việc đó muốn mau có kết quả, nên làm tập thể và ông nghĩ chỉ có các cơ quan văn hóa của chính phủ là có nhiều phương tiện hơn cả. Làm tới đâu nên phổ biến tới đó

(1) Tôi cho in ngà.

đề giúp các giáo sư có tài liệu dạy học, các học giả có tài liệu viết văn học sử.

Đề nghị của ông, từ trước tới nay chắc đã có vài ba người đưa ra, và Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa trước kia chỉ mới san định được cuốn *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu rồi thôi. Lần này đây, lời hô hào của ông Bằng Giang có được chính quyền đề ý tới hơn không ? (1)

oOo

Tôi không biết ông Bằng Giang đã tốn bao nhiêu công tra cứu về năm sanh và ngày mất của Tản Đà để viết được bài *Con người của hai thế kỷ* chỉ gồm chưa đầy bảy trang. Công trình tìm tòi, khảo cứu nào cũng tốn mồ hôi, có khi cả nước mắt nữa, cho nên chúng ta nên dọn đường cho người sau. Khoảng mười năm trước, tôi đã có lần đưa ý kiến này : mỗi khi một danh nhân vừa qua đời thì chính quyền nên phái người tiếp xúc với gia đình của vị đó để hỏi các chi tiết về đời sống, sự nghiệp, rồi chép lại những tài liệu quan trọng, mà bảo tàng trong thư viện quốc gia, như vậy người sau có muốn viết về danh nhân đó sẽ biết chỗ kiếm tài liệu, dễ kiếm tài liệu, mà tài liệu không bị mất mát. Vì tôi nhận thấy con cháu đa số các danh nhân lơ là với sự nghiệp của ông cha,

không coi trọng những tài liệu về đời của ông cha. Cơ hồ như do một lẽ thừa trừ hay một tâm lý khó hiểu nhưng thông thường nào đó.

Lời tôi hô hào đó, chắc trong chính quyền không ai đọc tới. Nhưng mới đây tôi thấy một nhà văn cũng nghĩ gần như tôi mà còn tiến xa hơn tôi nữa, ông Dã Lan Nguyễn Đức Dụ, tác giả cuốn *Gia phả khảo luận và thực hành*. Trong một bức tâm thư gửi các « Văn thi hữu trong và ngoài nước », ông tỏ ý ngại rằng những tài liệu về dòng dõi và thân thế các văn thi sĩ « theo thời gian mai một thất thoát dần đi » mà việc biên soạn tra cứu càng thêm khó khăn », nên ông tự nguyện thu thập phổ trạng của các văn thi gia ở trong và ngoài nước để soạn cuốn « Văn thi gia cận đại phổ trạng lược khảo » hầu giúp các nhà làm sử mai sau.

Chúng ta nên mừng rằng có những việc chính quyền có dự phương tiện để làm mà không làm thì tư nhân nguyện làm thay cho chính quyền bằng những phương tiện rất nhỏ nhoi của mình. Ông Bằng Giang và ông Dã Lan là một số trong những người ấy.

NGUYỄN HIẾN LÊ

Saigon 8-8-74

1. Vài ý vắn góp với ông Bằng Giang

— Trang XXII, Phủ Bình, quê của Phạm Quỳnh, tức là phủ Bình Giang gọi tắt, cũng như Sơn Tây có hai phủ : Quốc Oai và Quảng Oai, đều gọi tắt là Phủ Quốc, Phủ Quảng. Vậy Đồ Nam Từ không lầm.

— trang 40. Theo cách đặt tên của nhà Nho thì tôi ngờ rằng Chu Thần là

tên tự, (tên tự phải có liên quan ít nhiều về ý nghĩa với tên tục), mà Mẫn Hiên là tên hiệu của Cao Bá Quát.

— Trang 183, 184 và 185, tờ báo do Hồ Biều Chánh chủ trương là tờ Đại Việt tập chí chứ không phải Đại Việt tạp chí. (Coi trang 51 và 71 cuốn *Chân dung Hồ Biều Chánh* của Nguyễn Khuê — Lửa Thiêng 1974 — Trên hình bìa Đại Việt tập chí (1918) trang 50 cuốn đó, tên chữ Hán viết là tập mà phiên âm sai là tạp.)

— Trang 295 : Bài Thiết tiền ca của Nguyễn Phan Lãng chứ không phải Nguyễn Phan Lân.

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Hội Bút Việt bầu Ban Chấp hành mới

Trung tâm Văn bút Việt Nam cũng đã họp Đại hội thường niên để bầu lại Ban Thường vụ và Ban Chấp hành mới nhiệm kỳ 1974-1976 vào sáng ngày Chủ nhật 18.8.74 vừa qua. Kết quả là những nhà văn, nhà thơ sau đây đã được bầu vào Ban Thường vụ :

Chủ tịch : Linh mục Thanh Lãng

Phó Chủ tịch : Hồ Hữu Tường,
Nhật Tiến

Tổng Thư ký : Phạm Việt Tuyền

Phó Tổng Thư ký : Thế Nguyên
Nguyễn Vạn An

Thủ quỹ : Đặng Đức Hiên

Kiểm soát tài chánh : Huy Lực,
Võ Lang, Hoàng Hương Trang.

Ông Chủ tịch và ông Tổng Thư ký Trung tâm Văn Bút VN đã báo cáo trước Đại hội là năm nay vì Bộ Văn hóa Giáo dục đột ngột không trợ cấp cho Hội nữa nên Ban Thường vụ kêu gọi các hội viên đóng niên liễm đầy đủ và dành sẵn một Sò vàng nội bộ để các hội viên có khả năng tài chánh và nhiệt thành

với Hội đóng góp thêm. Ngoài ra Hội cũng kêu gọi các cơ sở kỹ nghệ thương mại tư nhân trợ giúp cho Hội về giải thưởng Truyện dài năm 1974 này.

Hưởng ứng lời kêu gọi trên đây, các hội viên đã sốt sắng đóng niên liễm và đã góp vào Sò vàng nội bộ được một số tiền đáng kể. Mặt khác Đại-Á Ngân-hàng và Công-ty Bảo-hiêm Phương-Hoàng sau đó cũng đã tặng cho Hội Bút-Việt trọn số tiền giải thưởng Truyện dài năm nay là 150.000 đ. Khác với mọi năm, các Giám-khảo giải thưởng Truyện dài của Hội năm nay cũng không nhận tiền thù lao và như vậy là giải thưởng Bút Việt sẽ được chấm và phát đúng hạn kỳ như đã thông báo từ đầu năm nay.

Trần-văn-Khê và
các buổi nói chuyện ở Saigon

Nhạc sĩ Trần-văn-Khê sau 25 năm xa quê hương, đã ghé về thăm Saigon ngày 15-8-74 vừa qua trong chuyến đi của ông từ Úc trở về Pháp. Tất nhiên ông đã được bà con bè bạn đón tiếp nồng nhiệt đến

nổi trong những ngày qua muốn tìm gặp ông không phải là chuyện dễ dàng. Tuy nhiên nhà nhạc sĩ nhạc học danh tiếng của V.N. đã đi thuyết trình và tham dự Đại Hội âm nhạc ở khắp Âu Châu, ở Hoa-Kỳ, Ba-Tây Nam-Dương, Nhật-Bản, Ấn-Độ, Ba-Tư, Úc Châu v.v.. nay về quê hương cũng đã nói chuyện tại Trường Quốc gia Âm nhạc vào hai buổi chiều thứ bảy 24 và 31-8 và tại Viện Đại Học Vạn Hạnh vào thứ ba 27-8.

Tại trường Quốc gia Âm nhạc với đề tài cuộc nói chuyện thứ nhất

là: *Vài đặc điểm trong nền cổ nhạc cổ truyền V.N.* ông đã lôi cuốn thính giả trong suốt một tiếng đồng hồ và giải đáp mọi thắc mắc trong một giờ nữa, đúng như ông Phụ tá Văn hóa Đỗ-văn-Rỡ nói rằng: « Thực là danh bất hư truyền » ! Bách Khoa có dịp sẽ tường thuật lại cuộc nói chuyện này. Cuộc nói chuyện với các sinh viên Vạn Hạnh cũng rất thành công, đem lại cho diễn giả một niềm hân hoan vì đã tạo được sự cảm thông với lớp người trẻ ở nước nhà.

THU THỦY

CHIA BUỒN

Được tin **THÂN MẬU** Bác sĩ NGUYỄN HÙNG TÍN đã thất lạc tại Bắc phần,

Xin chân thành chia buồn cùng Anh Chị Nguyễn Hùng Tín và xin cầu nguyện hương hồn Cụ sớm về Cõi Phật.

Trần Đại, Lê Tất Điều, Đặng Trần Huân, Tạ Ty, Trần Văn Kha, Trần Văn Tích, và vợ chồng Lê Ngô Châu

CHIA BUỒN

Được tin **NHẠC PHỤ** Bác sĩ QUAN QUANG HOA đã thất lạc tại Bắc phần,

Xin chân thành chia buồn cùng Anh Chị Quan Quang Hoa và xin cầu nguyện anh hồn Cụ sớm về Cõi Phật.

Lê Tất Điều, Tạ Ty, Đặng Trần Huân, vợ chồng Lê Ngô Châu và các anh em văn hữu trong Bách-Khoa.

PHÂN ƯU

Vừa nghe tin anh **TRẦN THÁI HÒA** tử nạn, chúng tôi thành kính trước anh hồn người quá cố và xin chia buồn cùng tang quyến.

Băng Huỳnh Thảo, Lâm Tông, Nhạn Sầu Giảng, Nguyễn Tài, và các anh em trong bút nhóm Ngựa Hồng.

Nhắn tin: Khi được tin này, các anh: Thư, Ân, Hoàng, Loan, Nhàn, Linh... muốn liên lạc về Trần Thái Hòa, hãy thư về: Băng Huỳnh Thảo, Nha Trang A, 13 Cách Mạng.

Sách mới

— Ý nghĩ Tập văn của Tạ Tỵ, do Gìn Vàng Giữ Ngọc xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 126 trang gồm nhiều đoạn văn trong đó tác giả gửi những cảm nghĩ của mình, khi thì ở đất Lào, lúc ở Saigon, vào tháng giêng, vào mùa xuân, mùa thu với những nẻo đường, hương quê hương vv.. Bản đặc biệt. Giá bán thường 400đ.

— Nhà văn tiền chiến (1930-1945) Lược sử văn nghệ Việt-nam nhận định văn-học của Thế Phong do Vàng Sơn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 480 trang gồm 7 phần : Tự lực Văn đoàn, Hàn Thuyên, Xuân Thu nhã Tập, Các nhà thơ tiền chiến Các nhà văn độc lập, Các nhà văn biên khảo và phê bình, Các nhà văn điển hình. Giá 1200đ.

— Cuộc đời thơ ấu của vua hề Sặt-lô, nguyên tác « Chuyện đời tôi », của Sặt-lô Sa-pơ-lanh, Vũ Hạnh lược dịch, Anh Vũ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 108 trang, rất cảm động và lời cuốn. Giá 300 đ.

— Những người còn lại truyện của Vũ Hạnh, do Anh Vũ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 97 trang đã được xuất bản lần đầu với nhau đề : « Bí mật dưới chân Saigon. » Giá 300đ.

— Chúng ta mất hết chỉ còn nhau, Tập thơ của Vũ Hoàng Chương do Rừng Trúc (Paris) xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 32 trang in trên giấy Mai-Thúy-Vũ, mẫu bìa và trang bài do Thi - Vũ trình bày rất đẹp, gồm 12 bài thơ cùng thủ bút Việt Hán của tác giả trong một bài khai bút.

— Thiên nga trên ngọn đỉnh trời tập thơ của Vương Đức Lệ do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 94 trang gồm 21 bài thơ, in đẹp, khổ 15, 5 x 24, 5 — bìa của họa sĩ Vi Vi — Bản đặc biệt

— Hợp tuyển tập thơ của Triều Linh và Hoàng Hương Trang, do Diễm Phương xuất bản, tác giả trình bày và gửi tặng. Sách dày 56 trang gồm 32 bài thơ, có bài của riêng từng tác giả và có bài chung của cả 2 nhà thơ. Bản đặc biệt.

HOA-LƯ, 311 Thành Thái Saigon 5 — Đ.T. 52.744 sẽ phát hành 9-74.

TỬ BÌNH THUYẾT MINH

của ĐỖ-ĐÌNH-TUÂN

Môn thuật số cao siêu huyền diệu hơn Tử-vi, được Tàu Nhật hâm mộ. Dễ học, dễ đoán, giản dị. Giá 820đ.

Thư từ ngân phiếu đề ông ĐỖ-HỮU-HUY

Bí kịch chính-trị Hoa-thịnh-đốn

(tiếp theo trang 14)

Về phương-diện chính-trị-học, sự ra đi của Tổng-Thống Nixon và vụ Watergate đã chứng minh tinh thần trách nhiệm của người dân Mỹ trước tương lai của các định-chế quốc-gia. Ngoài ra vụ Watergate còn đưa

ông Gerald Ford lên địa-vị nguyên-thủ tuy ông không hề được dân bầu. Việc ông Ford lên làm Tổng-Thống Hoa-kỳ đã là một hiện-tượng chính-trị và pháp-lý hết sức lạ lùng.

III. HIỆN TƯỢNG GERALD FORD

Việc ông Gerald Ford được cử làm Phó Tổng-Thống khi mà ông chưa hề ra đứng cùng liên danh với vị Tổng-Thống đương nhiệm đã là một việc chưa từng có tại Hoa-kỳ. Nay ông lại bước thêm nấc thang nữa để lên làm Tổng-Thống sau khi được cử làm Phó Tổng-Thống mới không đầy 9 tháng thì sự-kiện đó lại có tính cách đặc biệt hơn nữa.

Năm 1963 khi Tổng-Thống John Kennedy bị ám sát, Phó Tổng-Thống lên thay thế giữ chức vụ Tổng-Thống, nhưng không có Phó Tổng-Thống. Vì vậy mà ông đã đưa ra luật tu chính hiến-pháp để trong trường hợp khuyết chức vụ Phó Tổng-Thống thì Tổng-Thống có thể lựa chọn một Phó Tổng-Thống để đưa ra Quốc-hội chuẩn nhận.

Năm 1973, khi ông Spiro Agnew bị tố cáo tham nhũng và trốn thuế, phải từ chức, ông Nixon đã cử ông Gerald Ford, lãnh tụ khối Cộng-hòa thiểu số, ra làm Phó Tổng-Thống. Ông Ford đã bị Quốc-hội hạch hỏi gắt gao trước khi được chuẩn nhận bằng 90 phiếu thuận với 3 phiếu chống tại Thượng viện và 387 phiếu thuận với 35 phiếu chống tại Hạ-viện.

Năm nay, khi ông Nixon từ chức ông Gerald Ford, với tư cách Phó Tổng Thống, lại đương nhiên lên làm Tổng Thống.

Gerald Ford sinh ngày 14-7-1913 tại Omaha thuộc tiểu bang Nebraska. Ông đã theo học tại Viện Đại-học Michigan và đã là một tay vô địch về môn túc cầu. Sau đó ông học Luật khoa tại Viện Đại-học Yale. Ông đã đắc cử vào Hạ-viện năm 1948 và từ đó luôn luôn tái đắc cử. Từ năm 1965 tới năm 1973 ông đã liên tiếp được cử làm lãnh tụ khối dân biểu Cộng-hòa tại Hạ viện. Đến tháng 11-1973 thì ông được cử thay thế ông Spiro Agnew trong chức vụ Phó Tổng-Thống.

Tuy chịu ơn Tổng-Thống Nixon đã đề bạt ông, Gerald Ford cũng như các ông Cox, Richardson và Ruckelhaus, luôn luôn chủ trương đưa vụ Watergate ra ánh sáng. Tuy luôn luôn tỏ lòng trung thành với Tổng-Thống Nixon, nhưng ông đã khéo léo bày tỏ lập trường của mình. Không những ông lên tiếng tố cáo « bọn chính khách ấu trĩ » bao vây ông Nixon » đã chủ mưu trong vụ Watergate mà ông còn có quan điểm

là Tổng Thống Nixon phải trao các cuộn băng nghe lên cho pháp luật xét xử.

Là một người ôn hòa và trầm tĩnh, Gerald Ford không muốn phá Nixon nhưng khi bắt buộc phải nối nghiệp Nixon, ông đã lãnh nhận trọng trách mới với một tinh thần trách nhiệm. Từ trước tới nay Gerald Ford chưa có một hành động nào gọi là xuất sắc nên các giới chính trị tại Hoa-thịnh-đốn không tin rằng ông sẽ là một vị Tổng Thống thuộc loại "vị đại". Nhưng thật sự thì chưa ai có thể xét đoán được từ bây giờ. Vì trong lịch sử đã có nhiều nhân vật tầm thường khi lên làm Tổng Thống bỗng chuyển-hóa để bước vào lịch sử với uy-tín của một vị Tổng-Thống ưu-tú. Nhưng dù sao thì trong lúc Hoa-kỳ còn đang băng bó lại vết thương hiện hữu, với một người ôn hòa như Gerald Ford, tinh thần đoàn-kết quốc-gia tại Hoa-kỳ có nhiều hy vọng được khôi phục trong tương lai.

oOo

Tấn bi kịch chính trị Hoa-thịnh-đốn đã kết thúc một cách khá tốt đẹp là nhờ ở tinh thần trách nhiệm

của mỗi người. Trong vụ Watergate các dân biểu, nghị sĩ tại Quốc-hội đã muốn bảo vệ quyền lợi của ngành lập pháp và quyền tự do của cá nhân trước sự lạm quyền của hành pháp. Tối-cao Pháp-viện, và các vị thẩm phán như các ông Cox và Sirica cũng cố gắng không kém để bảo vệ sự độc lập của ngành tư pháp. Trong khi đó Tổng-Thống Nixon vùng vẫy kháng cự không phải chỉ để bảo vệ sự nghiệp cá nhân ông mà còn để duy trì thẩm quyền của hành pháp. Khi thua cuộc, vị Tổng Thống Hoa-kỳ đã chấp nhận sự thất bại của mình với một tinh thần thương võ (fair play) mà người dân Mỹ rất ưa chuộng.

Lúc còn sống John F. Kennedy, sau khi thắng Richard M. Nixon trong cuộc chạy đua vào Tòa Bạch ốc đã viết rằng: "Khi Nixon bước vào đời sống chính trị, cũng như khi Nixon ra đi hẳn đều thiếu vẻ hào hoa phong nhã." Nhưng ngày nay Kennedy không còn nữa để chứng kiến sự ra đi của Nixon với một phong độ của kẻ bại mà không hề giảm giá.

TỪ MINH

Đề hiệu rõ về Thế giới Chính trị và Ngoại giao — những bí ẩn của trận đệ nhị Thế chiến, tâm tư ray rứt của De Gaulle, người đã cứu vãn được nước Pháp sau trận thảm bại 1940.

Hãy đọc

HỒI KÝ DE GAULLE

dịch giả VŨ ĐÌNH LƯU

Đông Nai tổng phát hành vào ngày 6-7-74

Sách Lửa Thiêng

Bách Khoa đã nhận được những sách sau đây, do nhà Lửa Thiêng ấn hành và gửi tặng, xin giới thiệu cùng bạn đọc và trân trọng cảm ơn nhà xuất bản :

— Hỏa tiễn của Nguyễn Nam Hà gồm 2 chương : Hỏa tiễn qu, các thời đại, Hỏa tiễn quân sự ngày nay, Hỏa tiễn và phi thuyền không gian, Phi thuyền chinh phục mặt trăng, Tương lai của hỏa tiễn và phi thuyền. Sách dày 105 trang, nhiều hình vẽ và hình ảnh. Giá 220đ.

— Địa hình thái học Địa lý hình thể Quyển I của ông và bà Lâm Thanh Liêm gồm 4 phần (19 chương) : Phần tổng quát, Các loại địa thể chính, Địa hình thái học cấu tạo, Địa thể băng hà và đại dương. Sách in lần thứ 2 có tăng bổ, rất nhiều hình vẽ, dày 314 trang. Giá 900đ.

— Thủy học sông ngòi căn bản của Liêu Kim Sanh, Quyển II : nước ngập và lũ lụt, Chuyện động chất dân. Rất nhiều hình ảnh và hình vẽ. Sách dày 230 trang. Giá 700đ.

— Thống kê thực dụng, kinh tế doanh thương : Xác xuất-Đoán nghiệm-Quyết định của Lý Công Thuận và Châu Nguyệt Hồng, dày 222 trang, gồm 7 chương với rất nhiều hình vẽ và nhiều phụ bản. Giá 1000đ.

— Triết học và văn chương của Đặng Phùng Quân. Khoa học văn chương khảo chứng qua những lý thuyết văn tự của J. Derrida, R. Barthes, M. Foucault, M. Blanchot và nhóm Tel Quel cũng như kinh nghiệm

thơ Thân Tâm, văn Khái Hưng Stendhal, S. de Beauvoisin, R. Laporte. Sách dày 324 trang. Giá 750đ.

— Văn học và ngữ học (Một số vấn đề văn học xét theo quan điểm ngữ học) quyển II, của Bùi Đức Tịnh dày 266 trang gồm 3 chương : Ngôn ngữ và người nghiên cứu văn học, Ngôn ngữ và tác phẩm, Ngôn ngữ và tác giả. Giá 850đ.

Các sách trên đây đều do họa sĩ Văn Thanh trình bày bìa.

*

Sách Thiếu nhi

Bách Khoa trân trọng cảm ơn bà Minh Quân và nhà xuất bản Tuổi Hoa đã gửi tặng những sách thiếu nhi sau đây :

— Trên đường tìm ngọc của Minh Quân và Mỹ Lan do Minh Đăng xuất bản. Sách dày 152 trang, khổ 13 x 19 in rất đẹp, nội dung lời cuốn, phong tác theo « Maya aux yeux bleus » của Aimée Sommerfelt. Giá 400đ.

— Mưa sa mạc của Minh Quân dày 115 trang. Tủ sách Tuổi Hoa, loại Hoa xanh.

— Thiên thần hay ác quỷ của Thanh Châu dày 119 trang, Tủ sách Tuổi Hoa, loại Hoa đỏ.

— Một cuộc hồi sinh của Chân Phương, dày 136 trang, Tủ sách Tuổi Hoa, loại Hoa xanh.

Các sách trên đây đều do Vi Vi vẽ bìa rất đẹp.

HỘP THƯ

— Bách Khoa đã nhận được bài của quý bạn sau đây :

● **THƠ** : Mai Quế Phương, Mặc Sỹ Luân, Đỗ Kim Phụng, Nguyễn thị Hảo, Trần thị Lang, Xuân Hữu, Tiết Tân Linh, Trần Hữu Dũng, Hoài Mặc Thanh, Bùi Đức Long, Hà Vũ, Giang Châu, Ý Yên, Nguyễn Thủy, Lê văn Trung, Hà Huyền Hoa, Trần Huệ Ân, Trương Tri, Nguyễn Thường Tinh, Phương Hoa Sửu, Trần Ngọc Kim, Đặng Tấn Tới, Phạm Chu Sa, Trần Cỏ Sương, Lưu Di, Nguyễn iên Nam, Nguyễn Tự Lập, Nguyễn Khắc Nhượng, Cao Viễn Phương, Hà Nguyên Dũng, Nhật Phương Bùi Phước Húy, Trần Châu Kỳ, Linh Sa, Nguyễn Đăng Trinh, Băng Huỳnh Thảo, Nguyễn Thừa Thoại, Đào Duy Hùng.

● **TRUYỆN** : Lê Đức Tùng (Soi mặt), Trần Quang Thiểu (Phân ưu), Trần Tường Trình (Khóc đàn hoa xưa), Thành Thu (Ván cuối), Nguyễn Hà (Đêm ở Nông Sơn về), Xuân Tùng (Đồng bạc hai hào), Phù Sinh (Bình Minh bóng tối), Mùng Mán (Nơi khác)

Mang Viên Long (Trăng lười liếm), Trần Cỏ Sương, (Nỗi buồn trở về), Hiếu Thư (Con giông).

● **BIÊN-KHẢO** : Nguyễn Thủy (Một chút ưu tư gửi cho nhà giáo dục), Minh Tân (Tại sao học sinh, sinh viên kém về sinh ngữ ?), Ngô Đình Long (Chết phóng xạ và nông nghiệp), Thủy Triều (Nhân đọc lại bài « Nói Nghĩa là gì » của Ô. Lê văn Siêu).

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhân tin trên mục Hộp Thư này. Bởi vậy các bài gửi đến, ngoài bút hiệu, xin quý bạn nhớ đề tên thực và ghi lại cho địa chỉ hiện đại để tiện liên lạc.

— Ô. Nguyễn Hữu Hiệp (Châu đốc). — Xin có thư riêng về các bài của ông đã gửi cho Bách Khoa.

— Ô. Võ Luận (Biên Hòa). Đã nhận được 2 lá thư và những bài của ông. Sẽ xin trả lời thư riêng.

— Ô.Ô. Hoàng Lộc, Kim Tuấn. Đã nhận được bài của các anh. Sẽ dẫn trên những số tới đây.

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đây nói: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

Phát hành ngày 5-9-74 — Số trong 3.000.

Giấy phép KD số 478/74 BDVCH/PHBCNT/GP ngày 31-8-1974.

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chị có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HÒA TIỀN"!

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc **QUỐC TẾ**



Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
của
CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc